

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA NGỮ VĂN

PHẠM NGUYỄN CHIẾN (chủ biên)
NGUYỄN VĂN NÔNG – LÊ THỊ KIM ÚT

GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC VIỆT NAM

GIẢI THỜI 1945 - 1975

BÌNH ĐỊNH, NĂM 2015

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA NGỮ VĂN**

**PHẠM NGUYỄN CHINH (ch. biên)
NGUYỄN VĂN THÔNG – LÊ THỊ KIM ÚT**

GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC VIỆT NAM

GIẢI OẠN 1945 - 1975

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2015

M C L C

Ch ng 1: Khái quát v n h c Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.....	3
1.1. Các ch ng ng phát tri n c a v n h c Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.....	3
1.2. Nh ng c i m c b n c a v n h c Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.....	19
<i>Câu h i th o lu n và ôn t p</i>	<i>32</i>
Ch ng 2: Th ca Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.....	34
2.1. Th ca Vi t Nam giai o n 1945 – 1954.....	34
2.2. Th ca Vi t Nam giai o n 1955 – 1964.....	57
2.3. Th ca Vi t Nam giai o n 1965 – 1975.....	75
<i>Tác gi tiêu bi u</i>	
1. T H u	93
2. Ch Lan Viên.....	116
<i>Câu h i th o lu n và ôn t p</i>	<i>141</i>
Ch ng 3: V n xuôi Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.....	142
3.1. V n xuôi Vi t Nam giai o n 1945 – 1954.....	141
3.2. V n xuôi Vi t Nam giai o n 1954 – 1964.....	151
3.3. V n xuôi Vi t Nam giai o n 1965 – 1975.....	159
<i>Tác gi tiêu bi u</i>	
1. Tô Hoài.....	169
2. Nguy n Kh i.....	183
<i>Câu h i th o lu n và ôn t p</i>	<i>194</i>
Tài li u tham kh o.....	195

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ NH C VI T NAM GIAI O N 1945 - 1975

1.1. Các chặng đường phát triển của nh c Vi t Nam giai o n 1945 - 1975

1.1.1. Về nh c Vi t Nam giai o n 1945 - 1954

Đây là giai o n mà u c a n n v n h c cách m ng. Về nh c chuyển mình sang qu o m i, nhi u giá tr còn ang nh hình. Nh ng y u t c v n còn t n t i, nh ng y u t m i n y sinh và tìm ch ng trong th i i m i. Có th chia v n h c th i k này thành ba giai o n nh sau:

1.1.1.1. Giai o n 1945 - 1946

Cu c Cách m ng tháng Tám n m 1945 ã t o ra m t th i i m i trong l ch s dân t c. Nó ch m d t s t n t i c a ch th c dân, phong ki n. Chính ph Vi t Nam dân ch c ng hòa ã th c hi n nhi u chính sách thi t th c: di t gi c ói, gi c d t, thi t l p n n hành chính các c p và ban hành hi n pháp m i. M t n n v n hóa m i c ng t ng b c c xây d ng.

M t không khí dân ch tràn ng p kh p non sông và h u nh m i ng i u th y mình ph i có trách nhi m óng góp cho ch m i. Trong chính ph liên hi p c a H Chí Minh Hà N i, ng i ta th y s có m t c a nhi u nhà v n n i ti ng nh Cù Huy C n, ng Thai Mai, Nguy n T ng Tam, Hoàng o... M c dù m i ng i có m t quan i m khác nhau nh ng u h ng t i công cu c xây d ng m t n n v n hóa m i.

Ch qu c ng c dùng làm v n t hành chính qu c gia và là ngôn ng gi ng d y chính th c trong nhà tr ng. Phong trào bình dân h c v c phát tri n r ng kh p, h th ng tr ng h c c m r ng n kh p các xã. Nh Chính ph coi tr ng công tác tuyên truy n nên h th ng báo chí, ài phát thanh ngày càng ph bi n nông thôn.

Nói n phong trào c i cách v n hóa n c nhà, ph i k n vai trò c a H i V n hóa C u qu c. H i ã ra m t t p chí Tiên Phong, t ng c ng 24 s . Ban biên t p g m nhi u nhà v n n i ti ng nh : H i Tri u, Tr n Huy Li u, ng Thai Mai, Nguyên

H ng, Nam Cao, Tô Hoài, Kim Lân, Xuân Di u, H c Phi, Thâm Tâm, Nguy n Huy T ng, Hoài Thanh, Nguy n ình Thi, Tr n Huy n Tr n... Ngoài các m c tin t c, bình lu n th i s chính tr , xã h i, t p chí còn có m c ng các sáng tác v n h c ngh thu t, bình lu n, gi i thi u sách m i...

ây c ng là giai o n di n ra nhi u cu c tranh lu n gay g t v v n hóa ngh thu t. N m 1946, có cu c tranh lu n gi a nhóm Marxist và nhóm Trotskis v c ng v n hóa do ng C ng s n công b t n m 1943. Các khuynh h ng v n h c, các quan ni m ngh thu t c ng có d p va ch m nhau. Các cu c tranh lu n ó di n ra trong các bu i di n thuy t, h i th o v v n hóa ngh thu t. Có khi, di n ra các cu c bút chi n trên báo chí, t p trung báo Tiên Phong, Chính ngh a, Ngày nay... T i Hà N i lúc b y gi , còn có m t s báo th ng ng các bài bút chi n v n ngh nh : V n m i, Thi u sinh, t p V n hóa và cách m ng...

Sau khi chi m xong Nam B , u n m 1946, Pháp ti n quân ra Nam Trung B . Chính ph kêu g i thanh niên gia nh p oàn quân Nam ti n. Nhi u v n ngh s c ng có m t trong oàn quân này: Tô Hoài, Hoài Thanh, Nam Cao, Nguy n Tuân, Tr n Mai Ninh, H u Loan... Nhi u bài ký nóng h i l a chi n tr ng ã c ng t i trên báo chí Hà N i, giúp nhân dân mi n B c hi u thêm tình hình chi n s và v n hóa mi n Trung.

Ngày 24 - 11 - 1946, trong khi ti ng súng kháng Pháp ang râm ran H i Phòng và nhi u t nh lân c n thì H i ngh V n hóa toàn qu c c khai m c t i Hà N i. H i ngh ã xác nh m t s m c tiêu c a cách m ng trong th i k m i. M t trong nh ng thành công l n c a H i ngh là t p h p c nhi u thành ph n trí th c v n ngh s khác nhau, h ng h n m c tiêu chung.

Các khuynh h ng v n h c c v n ti p t c t n t i theo quán tính. Khuynh h ng lãng m n v n còn nh ng không gi vai trò ch l u n a và có ph n l c i u. Khuynh h ng t chân v n phát tri n m nh trên c m h ng m i, t cáo ch c , ca

ng i ch m i. Tr c ây, khuynh h ng v n h c cách m ng không có i u ki n phát tri n. Nay, nó c phát tri n công khai và ang v n lên a v ch l u.

Trong hai n m 1945 - 1946, trung tâm v n h c n m Hà N i và ch ho t ng ây trong 16 tháng (t tháng 8 n m 1945 n tháng 12 n m 1946). ó là m t th i k sôi ng và có nhi u k ni m khó quên. Nói nh Xuân Di u: “*Cái thu ban u Dân qu c y / Nghìn n m ch a d ã ai quên*”... Ch trong m t th i gian ng n, các nhà v n ã nhanh chóng k t thành m t i ng ông o và chu n b b c vào cu c kháng chi n tr ng k .

1.1.1.2. Giai o n 1947 - 1950

Cu i n m 1946, các v n ngh s t bi t th ô hoa l làm cu c “d n thân” vào môi tr ng m i y khó kh n, nguy hi m. a s các v n ngh s xu t thân t t ng l p trung l u, ch a quen cu c s ng lao ng r ng núi và nông thôn. H ph i ch p nh n m t s “nh p cu c”, “l t xác” bi n thành con ng i m i, thích nghi v i i s ng kháng chi n gian kh . ây c ng là th i k “nh n ng” c a các v n ngh s Ti n chi n.

Chính ph Vi t Minh ra các kh u hi u: “Kháng chi n hóa v n hóa, v n hóa hóa kháng chi n”. H Ch T ch nh c nh : “V n hóa v n ngh c ng là m t m t tr n. Anh ch em là chi n s trên m t tr n y”. Tr ng Chinh ra lu n v n “Ch ngh a Mác và v n hóa Vi t Nam” h ng v n ngh s i vào qu o v n hóa XHCN. Ông nêu lên các m c tiêu c b n c a n n ngh thu t m i là: Dân t c - Khoa h c - i chúng. T H u c ng ra ph ng châm “Xây d ng n n v n ngh nhân dân”, h ng t i ph c v công - nông - binh.

Trong th i gian này, t i Vi t B c, có các ho t ng v n ngh sau: H i ngh V n hóa toàn qu c l n th hai (7 - 1948), H i ngh V n ngh toàn qu c (7 - 1948), H i ngh v n ngh b i (4 - 1949), H i ngh tranh lu n v n ngh Vi t B c (9 - 1949), H i ngh V n hóa, v n ngh Vi t B c (tháng 7, 8 - 1950), H i ngh tranh lu n v sân kh u (1950)... Ngoài ra, các a ph ng, ban ngành c ng di n ra nhi u h i ngh v n

nghe, báo chí tuyên truyền xác lập nhiệm vụ của các trí thức văn nghệ sĩ trong thời kỳ mới.

Năm 1948, Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập, do Nguyễn Tuân làm Tổng thư ký. Ông tuyên bố “lật xác”, kiên quyết đi sứ sứ nước góp phần xây dựng mặt trận văn học mới. Sau một thời gian ngắn, không “nhún nhường”, năm 1949, Nguyễn Đình Thi cùng nhiều văn nghệ sĩ khác hăng hái tòng quân. Hội gia nhập các CLB, làm công tác tuyên truyền, viết báo, sáng tác và biên dịch nghệ thuật... Chuyển thời kỳ này giúp các văn nghệ sĩ có thêm nhiều chủ đề sáng tác và có điều kiện hòa mình cùng với quần chúng và đời sống.

Mặc dù hoạt động trong điều kiện khó khăn nhưng báo chí cách mạng vẫn tồn tại và phát triển. Có thể kể ra một số tờ báo có những sáng tác, tin tức, bình luận văn nghệ thuật như: Sự thật, Cuộc sống, Giải phóng, Sao vàng, Văn nghệ, Phấn, Lao động, Tiếng phong, Thông tin xã hội, Bài thơ nói Việt Nam.... Các liên khu cũng có nhà in, các CLB để có thể tin riêng.

Trong thời kỳ này, văn học trở lại đường văn học mới. Phong cách lãng mạn vẫn còn. Văn vẫn còn bắt gặp những chủ đề binh đao cách mạng tàn và hào hoa mới. Cách đi lên gân, dùng nhiều tính cách... Bên cạnh đó, cách hình thành. Nhiều tác phẩm đã đi lên chân dung bình đẳng của các chiến sĩ xuất thân từ nhân dân lao động. Hình ảnh bất giác bình đẳng lo lắng. Hình thức đi lên thể hiện, giọng văn bình đẳng nói nhân dân.

1.1.1.3. Giai đoạn 1951 - 1954

Năm 1950, chính phủ Việt Minh mới chỉ định biên giới Thu Đông và khai thông với Trung Quốc. Năm 1951, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức hội nghị lần thứ hai, vạch ra những mục tiêu chiến lược mới. Chính phủ chuyển đổi công nghiệp hóa vô sản, theo mô hình văn nghệ các nước XHCN. Tuy vậy, các văn nghệ sĩ vẫn có một hướng đi rõ ràng, nhất quán, không còn phân tán thời gian như giai đoạn trước.

Sau 5 năm hòa nhập vào đời sống kháng chiến, các văn nghệ sĩ trở thành những chiến sĩ. Mọi tình nguyện viên đều hình thành, lập ý tưởng và các văn nghệ sĩ hy sinh hoặc “đinh tằm” trở thành. Các văn nghệ sĩ kháng chiến đã tập hợp thành một tổ chức chung khác biệt và từng bước hình thành một văn nghệ sĩ sáng tác.

Trong giai đoạn này, văn học đã ghi nhận âm hưởng Tiễn chiến. Thơ ca tập trung vào các chủ đề chính: ca ngợi anh hùng chiến đấu, các tấm gương chiến đấu trong nông dân. Ngoài tài chiến đấu và lao động sản xuất, nay còn có thêm tài ghi chép và cách rung bút. Hình thức thơ ca mang tính dân tộc và hiện đại, tránh tình trạng lai căng, bí hiểm và xa rời cuộc sống. Truyện dài đã xuất hiện nhưng chưa có những bài tiểu thuyết có dung lượng lớn.

Mặc dù phát triển trong hoàn cảnh khó khăn nhưng những tác phẩm văn học Liên Xô, Trung Quốc cũng có phần nổi bật trong vùng kháng chiến. Trong giai đoạn 1946 - 1954, bên cạnh Việt Nam còn có các tác phẩm văn học Liên Xô như: bài thơ *Đi anh về*, bộ phim *Đi con về thanh niên*, kịch *Văn Nga* và các tiểu thuyết: *Tên y sĩ bất tử*, *Suối thép*, *Sapaev*, *Chiến sĩ*, *Thép đã tôi thành thép*, *Những người đi Xô-viết chúng tôi*, *Những người đi bất khuất*, *Bão táp*, *Thiên gian người hùng chúng ta*, *Con người chân chính*, *Ngày và đêm Xtalingrad*, *Thanh xuân*, *Ngôi sao...* của Mìn Trung, Nguyễn Thành Long viết *Kiểm tra tiểu thuyết Liên Xô*. Mìn Nam, tạp chí Việt Xô do Trần B. chủ trì làm chủ bút cũng góp phần nổi bật trong văn hóa Xô viết.

Các tác phẩm văn học cách mạng Trung Quốc cũng ghi dấu ấn Việt Nam, góp phần nâng cao sáng tác cho các văn nghệ sĩ. Từ sau năm 1951, bên cạnh Việt Nam còn có các bài báo: *Trên đường*, *Trên chiến trường*, *Chiến sĩ chân chính* của Trần Thế, *Chiến sĩ và T. qu*, *Chuyến về và bài thơ của Lý Huệ Tài*, *Truyện Lưu H. Lan*, *Văn Quý và Lý Huệ Giang...* Năm 1953, Trung ương Cục ủy ban kháng chiến Nam Bộ tổ chức “Tháng học tập Việt - Xô - Trung” với hình thức triển lãm, chiếu bóng, diễn thuyết...

Trong kháng chiến chống Pháp, kịch quần chúng phát triển mạnh mẽ. Các nhà phê bình có phong trào tiên tiến. Từ năm 1948, đoàn sân khấu Việt Nam ra đời ở Việt Bắc. Sau đó, các đoàn kịch khác lần lượt ra đời: Chiến Thắng, Quân Tiên Phong, Vui Sống, Thiêu Sinh Quân... Năm 1952, đoàn văn công trung ương được thành lập, gồm hai ban: kịch nói và chèo. Khu Năm có thêm hát bội, ca kịch bài chòi, Nam Bộ có cải lương. Trong những buổi diễn còn có lồng ghép ca múa nhạc và phát biểu tuyên truyền về đường lối chính sách của cách mạng.

Kịch kháng chiến chống Pháp thường hướng về các tài năng. Nó có tác động mạnh mẽ đến quần chúng tham gia hưởng cách mạng, có vị trí quan trọng trong chiến đấu của chiến sĩ. Các vở kịch tiêu biểu: *Bức Sơn*, *Những người đi lính* (Nguyễn Huy Tưởng), *Chào Hòa* (Hồ Phi), *Trên sông* (Đoàn Phú T), *Tin chiến thắng Nghệ An* (Thị Liên), *Nbội* (Hoàng Tích Linh), *Du kích thôn* (Liên Chấn), *Áo chiến sĩ* (Hoàng Ngọc Mai), *Trên n* (Bùi Tín), *Lòng dân* (Nguyễn Văn Xe), *Quán Thắng Long* (Lưu Quang Thuận)...

Đội ngũ các cây bút mới, Chính phủ đã tổ chức nhiều cuộc thi văn nghệ ở trung ương và địa phương, từ Bắc vào Nam. Có thể kể ra một số cuộc thi tiêu biểu như sau:

Giải thưởng Văn nghệ 1951 - 1952

A. Văn xuôi

Giải Nhất:

- *Vùng mỏ* (tiểu thuyết của Võ Huy Tâm),

Giải Nhì:

- *Trên Thanh Hóa* (ký sự của Nguyễn Khắc Thi),

- *Xung kích* (tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi),

Giải Ba:

- *Con đường sống* (truyện ngắn của Minh Lạc),

- *Chiến thắng Cao Lạng* (ký sự của Nguyễn Huy Tưởng)

Gi i khuy n khích:

- *ánh tr n gi c lúa* (truy n ng n c a Bùi Hi n),
- *Xây d ng* (truy n c a Nguy n Kh i),
- *Ông C c* (truy n c a Nguy n Kh c M n)

B. Th

Gi i nh t:

- Toàn b th ca kháng chi n c a Tú M

Gi i Nhì:

- T p th c a Nông Qu c Ch n

Gi i Ba:

- T p th c a Bàn Tài oàn

Khuy n khích:

- *Hai T hò khoan* (Tr n H u Thung)
- *Các bài c t u* (Thanh T nh)
- *T êm 19* (Kh ng H u D ng)

C. K ch

Gi i Nh t và Nhì: không có

Gi i Ba:

- *Ch B c giác ng* (Nguy n Kh c D c)
- *Bão chuy n* (V L ng)

Gi i Khuy n khích

- *Tin chi n th ng Ngh a L* (oàn v n công Nha truyền truy n và v n ngh)
- *Quách Th T c* (Ngô T t T)

D. D ch

Gi i Nh t và Nhì: không có

Gi i Ba

- Các b n d ch v k ch c a Th L

- *Trình và Trích lục* (Ngô Tất Tố)

Giới thiệu Vn 1954 - 1955

A. Vn

Truy n

Giới Nh t:

- *Trên* (tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc),
- *Truyện Tây Bắc* (tập truyện của Tô Hoài).

Giới Nhì:

- *Truyện anh Lạc* (truyện của Nguyễn Huy Tưởng),
- *Con trâu* (tiểu thuyết của Nguyễn Văn Bính),

Giới Ba:

- *Cái lư* (truyện ngắn của Trần Kim Trác).

Giới khuyến khích:

- *Nguyệt hoa* (truyện của Hoàng Trung Nho),
- *Gặp gỡ* (truyện ngắn của Bùi Hân),
- *Cá bống mú* (tiểu thuyết của Đoàn Giỏi)

Ký

Giới Nh t và Nhì: không có

Giới Ba

- *Lên công trường* (Hàng Hà)
- *Nam Bộ m n yêu* (Hoài Thanh)

Giới Khuyến khích

- *Nguyệt lên Châu Thuyền* (Quang Dũng)
- *Trên di c Pag t H i Phòng* (Sao Mai)
- *Lòng m* (Bích Thuần)

B. Th

Giới Nh t:

- *Viết Bác* (T H u)

Gi i Nhì:

- *Ngày tháng Tám, D n con* (Tr n H u Thung)

- *Ngôi sao* (Xuân Di u)

- *N c i chính ngh a* (Tú M)

Gi i Ba:

- *Th chí n s* (H Kh i i)

Gi i khuy n khích

- *Th , ca dao v Nam B kháng chí n c a* Nguyễn Hiêm

- *Chú Hai Neo* (Nguyễn H i Tr ng)

- *Chi c vai cày* (ca dao c a Vi t Dung)

- *Anh Ba Th ng* (Vi t Ánh)

C. K ch

Gi i Nh t: không có

Gi i Nhì:

- *L a cháy lên r i* (Phan V)

Gi i Ba:

- *M nóng gang* (Nguyễn Kh c D c)

- *Ch Hòa* (H c Phi)

- *Lòng dân* (Nguyễn V n Xe)

- *Ánh sáng Hà N i* (Hoàng Tích Linh)

- *Vi t i !* (B u Ti n)

Gi i Khuy n khích:

- *Chi n u trong lòng ch* (L ng Ch ng)

- *Hai thái* (Bàng S Nguyên)

- *Cai Tô* (Nguyễn V n Th ng)

D. D ch

Gi i Nh t: không có

Gi i Nhì:

- *Chi n s chân chính* (ng T n Th y (Lê V n C d ch)
- *Chi n s và T qu c, Chuy n về Lý H u Tài* (ào V d ch)
- *L u H Lan* (Phan Sinh d ch)

Gi i Ba

- *B n tho i Lý H u Tài* (Xích Liên d ch)
- *Vichia Mêlêép* (Hi u oàn S ph m trung c p d ch)
- *V ng Quý và Lý H ng Giang* (Hoàng Trung Thông d ch)

(Gi i th ng c công b vào u n m 1956 nên có tính c m t s tác ph m sáng tác sau chi n th ng i n Biên Ph , m t s truy n còn là b n th o ch a in n)

Gi i th ng V n ngh Lê Thanh Ngh (liên khu III) (1951)

- Trao gi i cho truy n *Xây d ng* (Nguy n Kh i)

Gi i th ng V n ngh liên khu B n (1951)

- T ng gi i Nh t cho truy n *Bên ng 12* (V Tú Nam)

Gi i th ng V n ngh Ph m V n ng (Liên khu V)

N m 1951:

- *T p th c a ng i lính* (L u Trùng D ng)

N m 1952:

- Th : Gi i Nh t: *Nhân dân m t lòng* (T Hanh)
- Truy n: Gi i Nhì (không có Nh t): *Con trâu* (Nguy n V n B ng)
- K ch: Gi i Ba (không có Nh t và Nhì): *Ch Ng* (tu ng hát b i c a Nguy n Lai)

Gi i th ng V n ngh C u Long (1949 - 1950)

A. V n xuôi:

- Gi i Nh t: *Con ng s ng và Anh T dân quân* (các truy n ng n c a Minh L c)

- Gi i Nhì: không có

- Gi i Ba: *Lòng dân* (t p truy n ng n c a Ph m H u Tùng)

- Gi i khuy n khích: Nh ng t p truy n c a Ph m Anh Tài, Hoàng Linh, Linh Ngã

B. Th :

Gi i Nh t: không có

Gi i Nhì:

- *B c th tình* (t p th l c bát c a Ba Dân)

Gi i Ba:

- M t s bài trong t p *Chi n d ch mùa xuân* (do Nguy n Bính, Vi t Ánh, Dân Thanh, Truy Phong... s u t m)

- M t s bài trong t p *H ng ng n i* (Nguy n Ng c T n)

Gi i khuy n khích:

- M t s bài trong t p *Hò l thi ua* (Nguy n Qu c Nhân)

- M t s bài th c a Huy Hà, B o nh Giang, D ng Phong, Lý D ng Tân, Ph ng Vi n

C. K ch

Gi i Nh t: không có

Gi i Nhì: *Vì dân* (Lê Minh)

Gi i Ba:

- *Chi u ba m i T t* (Hoàng Tuy n)

- *Quy t r a thù* (Ph m Công Minh)

Gi i Khuy n khích:

- *Gi tôi m i hi u* (Duy Ph ng)

T ng th ng tác gi :

T ng th ng cho các tác gi có công lao v i kháng chi n và v n ngh : thi s Vi t Ánh, h a s Hu nh V n G m, d ch gi Xích Liên, h a s Nguy n Cao Th ng, nh c s Nguy n Ng c B ch.

Gi i V n ngh C u Long (1951 - 1952)

V n xuôi

Gi i Nh t: *Bên r ng Cù Lao Dung* (truy n c a Ph m Anh Tài)

Gi i Ba: *Bi n ng* (t p truy n ng n c a Bùi c Ái)

Th

Gi i Nh t th : *Anh Ba Th ng* (t p th c a Vi t Ánh)

Gi i th ng V n Ngh C u Long (1953 - 1954)

Gi i Nh t: *V t* (truy n c a Hoàng V n B n)

Gi i Nhì: *Tây u* (ký s c a Ph m Anh Tài)

1.1.2. V n h c Vi t Nam giai o n 1955 - 1964

1.1.2.1. Giai o n 1955 - 1960

Sau hi p nh Geneve, quân i c a Pháp và chính ph B o i rút quân kh i mi n B c. Cu i n m 1954, chính ph Vi t Minh ti p qu n Hà N i nh ng n tháng 5 / 1955 m i làm ch toàn b mi n B c. Nh ng n m u hòa bình, Chính ph lo hàn g n v t th ng chi n tranh, n nh i s ng, chu n b nh ng ti n c n thi t t ng b c ti n lên CNXH.

Tình hình th gi i có nhi u di n bi n ph c t p và có nh h ng n Vi t Nam. ó là s tr i d y c a ch ngh a xét l i Liên Xô và phong trào Tr m hoa ua n Trung Qu c. Vi t Nam trong nh ng n m 1955 - 1957, nhóm Nhân v n - Giai ph m òi “v n ngh c l p v i chính tr”. n tháng 6 n m 1958, phong trào này b tan rã, nhi u v n ngh s ng ng sáng tác trong m t th i gian dài nh : Phan Khôi, Hoàng C m, H u Loan, Lê t, Phùng Quán, Nguy n Bính, Quang D ng, Tr n D n, V n Cao...

Các c quan v n hóa, ngh thu t c s p x p l i và t d i s qu n lý chung c a Chính ph . Các t báo và nhà xu t b n t nhân b gi i tán ho c sáp nh p vào các c quan v n hóa c a nhà n c. H th ng báo chí phát tri n r ng kh p t trung ng

n a ph ng. H u nh ngành nào c ng có báo chí, t tin. Nh ng t báo, t p chí có ng sáng tác và phê bình v n h c là: V n ngh , V n h c, H c t p, Quân i nhân dân, V n S a... Các nhà xu t b n có in sách v n h c là: V n ngh , H i Nhà v n, Thanh niên, Lao ng, Quân i nhân dân, Ph n , Ph thông, Gi i phóng, Giáo d c, Kim ng...

N m 1957, nhi u t ch c v n hóa ngh thu t c thành l p c 2 mi n Nam B c. mi n Nam, H i V n bút Vi t Nam c thành l p do nhà v n Nh t Linh làm ch t ch. mi n B c, H i Nhà v n Vi t Nam c thành l p do nhà v n Nguy n Công Hoan làm ch t ch. H i ã t p h p c nhi u thành ph n v n ngh s : t chi n khu Vi t B c v , t trong Nam ra, và có c nh ng v n ngh s ho t ng ô th mi n B c th i Pháp t m chi m. Nhi u ng i ng tr c b n kho n v ng h ng sáng tác trong tình hình m i. Có th xem ây là giai o n nh n ng l n th hai c a các v n ngh s .

gi i quy t v ng m c c a các v n ngh s , n m 1957, Chính ph ã t ch c i h i v n ngh toàn qu c l n th II. n n m 1958, h i ngh Ban ch p hành H i liên hi p v n h c ngh thu t Vi t Nam xác nh rõ ng l i c a v n hóa Vi t Nam. V n ngh Vi t Nam s l y công - nông - binh làm i t ng ph c v , sáng tác theo ph ng pháp hi n th c XHCN. T ây, các v n ngh s ã n m c ng l i v n ngh c a ng trong th i k hòa bình.

Trong th i k này, các v n ngh s c ng tham gia, c v k p th i các phong trào do Chính ph phát ng nh : c i cách ru ng t (1955 - 1956), phát ng thanh niên i xây d ng kinh t m i (1958 - 1960), c i t o công th ng nghi p, xây d ng i s ng v n hóa m i nông thôn, xóa b nh ng tàn tích c a ch phong ki n, t b n... Các v n ngh s l i lên ng thâm nh p th c t cu c s ng m i. H v nông thôn vì t v i s ng m i c a nông dân, theo các ng dân ra bi n, tìm hi u i s ng công nhân trong các xí nghi p, h m m ... H n “ba cùng” v i ng bào dân t c thi u s , tìm hi u công cu c khai hoang Tây B c. Nói chung, âu ng c n ng i, ó v n ngh s có m t.

1.1.2.2. Giai đoạn 1961 - 1964

Năm 1960, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã xác định rõ các mục tiêu: xây dựng chính trị, kiên quyết đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Về kinh tế, miền Bắc sẽ đi theo mô hình kinh tế tập trung của Liên Xô, Trung Quốc. Chính phủ bắt đầu phát động kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Kết quả, miền Bắc Việt Nam chính thức hòa nhập vào quỹ đạo phe XHCN.

Chủ nghĩa Marx - Lenin và tư tưởng Mao Trạch Đông trở thành kim chỉ nam cho vận động Việt Nam. Các vấn đề chính trị tập trung giải quyết các vấn đề trong giai đoạn cách mạng mới. Phương pháp sáng tác hiện thực XHCN bắt đầu triển khai rộng rãi. Tuy nhiên, vận động còn nhiều vấn đề sai lầm trong quản trị và các nguyên tắc của nó. Vì vậy, vận động còn sản xuất nhiều phê bình, uốn nắn. Điều này góp phần phê bình vận động giai đoạn này khá sôi nổi.

Vận động giai đoạn này rất đa dạng về tài liệu và chủ đề. Nhiều tài liệu phê phán xã hội chủ nghĩa, ôn lại cuộc kháng chiến chống Pháp và những nhà vận động quan tâm. Những tài liệu “thực tế” lúc bấy giờ là về vận động công cụ hợp tác hóa nông thôn. Các nhà vận động Tin chiến bắt đầu sáng tác những tác phẩm lí tưởng. Những thi ca thi u thuy t s thi xu t hi n.

Sau năm 1955, vận động dịch tiến thêm một bước mới và mang tính chuyên nghiệp hơn nữa. Điều này được ghi nhận trong những ngày càng nhiều. Từ năm 1954 đến 1967, có khoảng 300 tác phẩm vận động Nga - Xô-viết được ghi nhận ở miền Bắc Việt Nam. Các ghi Việt Nam đã khá quen thuộc các tên tuổi như: Puskin, Maiacovski, Korelenko, Xant cov, Pauxtovxki, Bondarev, Raxputin, Lumbatde... Những tác phẩm có ảnh hưởng lớn ở Việt Nam như: *Chiến tranh và hòa bình* (L. Tolstoi), *Ngôi sao*, *Đám mây*, *Đám mây*, *Đám mây*, *Đám mây* và *Số phận con người* (Solokhov)... Những hình ảnh hùng vĩ trong vận động Xô viết cũng trở thành biểu tượng của thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ.

Văn học Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển Việt Nam. Một dòng dch ghi chuyên nghiệp ra đời. Phan Ngọc chuyên dch văn học trung đại, Trần Trọng Chính, Đào Văn Chuyên dch văn học hiện đại. Nhiều tác phẩm, tác giả lớn trong văn học cách mạng Trung Quốc trở nên quen thuộc với công chúng Việt Nam như: *Chín năm và Tịch Thiên* (Nguyễn Ngọc), *Thơ ng Cam Lộ* (Lê Trọng Quế), *Bài ca tu từ* (Đặng Mộng), *Số phận của Lý gia trang* (Trần Văn Lý), *Trên đường* (Văn Ngọc), *Bách Mao* (Trần Văn)... Ngoài ra, còn có nhiều tác phẩm văn học Âu - Mỹ công chúng ghi nhận ở Việt Nam.

Trong văn học kháng chiến, một số tác phẩm thể hiện kháng chiến chống Pháp vẫn có diện mạo riêng biệt và sâu sắc. Số lượng tác phẩm kháng chiến hình thành trong 10 năm hòa bình không nhiều. Những công trình văn học tài xây dựng cuộc sống mới, xung đột xã hội do nhiều nguyên nhân xã hội mới không còn tranh giành. Có thể kể ra một số tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ này như: *Quên* (Lê Ngọc), *Uống nước nhớ nguồn* (Nguyễn Hùng), *Bão tố* (Văn Ngọc), *Một người lính* (Hồ Phi), *Lời xin vào Đảng* (Trần Văn), *Rừng chim* (Huỳnh Chính)... Những tác phẩm giàu tính xung đột xã hội văn học tài mĩ Nam như: *Trên đường chiến đấu*, *Chợ Nhàn*, *Những người đi* (Đào Hùng), *Ngọn lửa* (Nguyễn Văn), *Âm Phủ Lộ* (Bùi Tấn), *Viên quân* (Chu Nghi), *Gieo gió gặt bão* (Nguyễn Văn), *Cây trăn* (Hoài Giao)...

1.1.3. Văn học Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

Sau sự kiện Việt Bắc B, tình hình chiến sự Việt Nam nóng bỏng dâng lên. Miền Bắc quân vào miền Nam và leo thang ném bom miền Bắc. Các chiến dịch vào thời kỳ chiến tranh. Các văn nghệ sĩ tiếp tục lên đường thi đấu sáng tác những bài có chiến tuyến ác liệt, công bố là Quang Bình, Trần Sơn... Những trang viết của họ có tính thời sự cao, nóng hổi của chiến tranh, có tác dụng cổ vũ chiến đấu. Một số văn nghệ sĩ bị mất vào Nam như: Bùi Minh Quốc, Đặng Th Xuân Quý, Hồ Phi, Nguyễn Minh Châu, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Duy... Các nhà văn này thuộc diện “Bên trong”, thi đấu ngay trong Nam, chiến đấu chiến tranh Tr - Thiên.

tài xây dựng CNXH công nghiệp và văn hóa. Những nhà sáng tác phim không còn nhút nhát, nhút nhát, gai góc cá nhân. Tài chính tranh cách mạng và cách mạng anh hùng ca giữ vai trò chủ đạo. Những văn học cách mạng giai đoạn này khá thu hút và hấp dẫn. Những nhân vật văn học trở thành hình mẫu học sinh, bộ đội và các tầng lớp nhân dân học tập, làm theo, như anh hùng Núp, chiến sĩ Trần Thị Lý, anh Nguyễn Văn Trỗi, chiến sĩ Út Tịch, chiến sĩ Tô Hữu... Nhà văn phát động các phong trào viết văn, viết kịch, nói về các anh hùng cách mạng. Như vậy, tác phẩm văn học có nội dung phản ánh sâu rộng trong môi trường xã hội.

Trong thời kỳ này, văn học cách mạng Việt Nam chia làm hai bộ phận: văn học ghi công miền Nam và văn học miền Bắc. Sự phân chia này chủ yếu không gian văn học, còn tính chất của chúng vẫn giống nhau.

Tháng 10 năm 1961, một số nhà văn tập kết ở bí mật quay trở lại miền Nam xây dựng nền văn nghệ ghi công. Họ thành lập Hội Văn nghệ ghi công miền Nam (1961), cơ quan chính ở tỉnh Tây Ninh. Chủ tịch Hội là soạn giả kiêm nghệ sĩ Trần Hữu Trang, phó Chủ tịch là nhà văn Trần Hữu Minh. Cơ quan ngôn luận của Hội là tạp chí Văn nghệ quân ghi công. Quyển Nam công có tạp chí Văn nghệ quân ghi công Trung Trung B do Nguyễn Trung Thành phụ trách. Ngoài ra còn có Nhà xuất bản Ghi công ở Hà Nội.

Hội Văn nghệ ghi công tổ chức thành lập các đội văn công tuyên truyền, mặt mũi lập tập thể huấn luyện đội văn nghệ nghiệp vụ viết báo, viết văn. Hội cũng tổ chức nhiều cuộc thi, đáng chú ý nhất là thi viết văn nghiệp vụ Nguyễn Đình Chiểu năm 1965. Những tác phẩm “*Tuyên u Tịch*” ghi ra Bắc in, lưu hành, công chúng đón nhận nồng nhiệt.

Các văn nghiệp sĩ miền Nam sáng tác trong nội dung thi đấu và luôn luôn viết về bom đạn. Họ không chỉ là nhà văn mà còn là phóng viên chiến trường, cán bộ tuyên truyền, văn công, giao liên, chiến sĩ... Những người đã hy sinh

nh : Tr n H u Trang, Lê Anh Xuân, Nguy n Thi, Nguy n M , Chu C m Phong... Có nh ng nhà v n - li t s v n xu t hi n t phong trào sinh viên ô th nh Lê V nh Hòa, Tr n Quang Long... Có nh ng nhà v ng c mi n B c nh ng v nh vi n n m l i chi n tr ng mi n Nam nh : Nguy n Tr ng nh, D ng Th Xuân Quý...

V n h c k ch giai o n này ch y u vi t v tài ch ng M hai mi n. M t s mô típ quen thu c là: quy t tâm ra chi n tr ng, oàn k t chi n th ng... Hai nhà so n k ch tiêu bi u c a giai o n này là Nguy n V (*âu có gi c là ta c i, Cùng quy t tin b c...*) và ào H ng C m (*i i tr ng c a tôi, B c theo anh...*). Ngoài ra, còn có th k n m t s tác ph m nh : *ôi m t* (V D ng Minh), *Th i ti t ngày mai* (Xuân Trình), *Tình b n* (H c Phi), *ng chí* (Chu Nghi), *S n sàng, ôi b n* (Thanh H ng), *nh cao phía tr c* (Tào M t), *Ti n tuy n g i* (Tr n Quán Anh), *L a h u ph ng* (Kính Dân), *Anh Tr i* (L u Tr ng L) và các v k ch c a T t t, Hoài Giao, Hà V n C u, ình Quang, V Khiêu, V ng Lan, Ph m Ng c Truy n, Tr n V ng... ..

1.2. Nh ng c i m c b n c a v n h c Vi t Nam giai o n 1945 - 1975

1.2.1. V n h c có s th ng nh t cao, t d i s lãnh o c a ng C ng s n

Trong l ch s v n h c Vi t Nam tr c n m 1945, các v n ngh s ch a bao gi h p nh t thành m t t ch c chung t d i s lãnh o c a chính quy n. Trong v n h c giai o n 1930 - 1945 và trong v n h c ô th mi n Nam cùng th i, các v n ngh s th ng chia thành nhi u nhóm. S phân chia này xu t phát t s khác nhau v quan i m th m m , a bàn sinh ho t v n ngh , quy n l i kinh t ... ôi lúc, có s mâu thu n, d n n các cu c bút chi n trên báo chí gi a các tr ng phái, t ch c v n h c...

Vi c t p h p các v n ngh s vào m t m t tr n chung c ng tr i qua m t quá trình lâu dài và khó kh n. T th i M t tr n dân ch (1936 - 1939), ng C ng s n ông D ng ã m di n àn báo chí công khai lôi kéo nh ng nhà v n cùng chí h ng v i

mình. Đó là những nhà văn nghệ thuật quan trọng “nghệ thuật vì nhân sinh” và những “văn sĩ tận tâm”, có tinh thần cách mạng, chống Pháp.

Trong hai năm 1945 - 1946, các nhà văn đã cùng đồng nghiệp ở Việt Minh và nghệ thuật chính trị liên hiệp của Hội Chí Minh. Những văn còn có sự khác biệt quan trọng chính trị và thẩm mỹ giữa các nhà văn. Các khuynh hướng lãnh đạo, hệ thống, cách mạng văn song song tồn tại. Ngoài các bút nhóm trước đây, nay còn có thêm nhóm Dải nhím trên lĩnh vực nghệ thuật khác biệt trong làng thơ Việt.

Trong kháng chiến chống Pháp, các văn nghệ sĩ có dịp gặp gỡ với nhau hàng ngày, “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”. Tuy nhiên, trong lúc “nhàn nhàn”, văn còn vài sự khác biệt về tư tưởng thẩm mỹ. Như tranh cãi về việc cầm súng hay không cầm súng, nên làm thế nào có văn hay không có văn, theo nghệ thuật hiện thực hay nghệ thuật cao siêu... Từ năm 1949, một số ít văn nghệ sĩ bắt đầu kháng chiến và thành lập các văn nghệ sĩ lập chí kiên khu cùng có chung lập trình chống Pháp kiên cùng.

Sau năm 1954, một số cựu văn sĩ kháng chiến lập tức tranh cãi về nghệ thuật văn nghệ trong thời bình. Và khi nhóm Nhân văn - Giai phẩm hình thành thì các văn nghệ sĩ miền Bắc mới đi vào một tổ chức chung thống nhất. Mặc dù sau năm 1960, văn còn có những cuộc tranh luận về phương pháp sáng tác những văn bản, các văn nghệ sĩ đã đi vào một quỹ đạo chung. Sự tồn tại này thể hiện khá rõ trong những tác phẩm của các nhà văn trẻ thành lập sau năm 1945.

Tổ chức các văn nghệ sĩ vào một tổ chức thống nhất, Chính phủ đã thành lập một số tổ chức văn hóa nghệ thuật. Tổ chức đầu tiên là Hội Văn hóa Cứu quốc với cơ quan ngôn luận là báo Tiên Phong. Tổ chức này đã tập hợp các nhà văn thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau. Trong đó có các nhà văn theo khuynh hướng hệ thống như: Hài Trữu, Nam Cao, Nguyễn Huệ... Cũng có những nhà văn theo khuynh hướng lãnh đạo như: Hoài Thanh, Xuân Diệu, Thâm Tâm...

Năm 1948, Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập tại Việt Bắc. Tổ chức này đã quy tụ một đội ngũ văn nghệ sĩ rất đông, có nhiều chuyên ngành, vùng miền.

Tổng thư ký ưu tiên của Hội là nhà văn Nguyễn Tuân. Sự tuyên bố “lật xác” của nhà văn lãng mạn này đã làm cho nhiều văn nghệ sĩ Tiễn chi nếm nhũ đọt b b cánh cửa gia nhập vào lối sống cách mạng. Các liên khu cũng thành lập hội văn nghệ, hoạt động mạnh mẽ nhất là hội văn nghệ liên khu III, IV, V... Sự Thông tin Nam Bộ cũng thành lập Phân hội Văn nghệ, quy tụ nhiều văn nghệ sĩ kháng chiến.

Năm 1957, Hội Nhà văn Việt Nam cũng thành lập, lãnh đạo Hội là các nhà văn Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi... Các thành viên thành lập Hội Văn nghệ, trong đó, Chi hội Văn học giới vai trò nòng cốt. Ngoài ra, các nhà văn cũng có tập hợp theo lĩnh vực hoạt động như: nhà văn quân đội, nhà văn miền Nam tập kết ra Bắc, nhà văn các dân tộc thiểu số ...

Phần lớn các văn nghệ sĩ cách mạng đều là cán bộ công nhân viên, công nhân trong biên chế Nhà nước. Trong số này, phần nhiều làm việc trong các cơ quan như: nhà xuất bản, báo đài, hội văn nghệ, ban tuyên huấn, trường học, quân đội... Các cơ quan văn nghệ báo chí truyền thông đều do nhà nước quản lý. Tác động đến sinh hoạt quán văn quan tâm sáng tác của các văn nghệ sĩ.

Tập hợp các văn nghệ sĩ vào hàng ngũ chung, Nhà nước cũng có nhiều chính sách ưu đãi như: cấp lương bổng, tạo điều kiện cho họ có thời gian nghỉ ngơi, sáng tác. Nhà nước cấp kinh phí hỗ trợ sáng tác và bao cấp khâu in ấn, phát hành tác phẩm. Các cơ quan văn nghệ cũng tổ chức các trại sáng tác, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tổ chức các cuộc thi văn học nghệ thuật trong khắp các ban ngành, địa phương phát hiện các tài năng trẻ ...

Đối với các văn nghệ sĩ cách mạng ưu tú đứng trệ trong hai cuộc chiến tranh nên họ có quan hệ thân thiết. Họ có cùng chung lý tưởng cách mạng, lý tưởng của Marx làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Họ cùng sáng tác theo phương pháp hiện thực XHCN, cùng nếm trong dòng sông cao cả của văn học xã hội. Các tác phẩm của họ đều hướng về các mục tiêu chung, phục vụ các chiến lược chính sách của Chính

ph. Mặc dù cách thức sáng tác cũng có sự khác nhau nhưng nội dung và chủ đề, nội dung chính vẫn là đấu tranh trong sự thống nhất.

1.2.2. Nội dung hình thức mang đậm tính cá nhân trong cách mạng

Nhà văn Việt Nam, người ta thường nghĩ đến cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 30 năm. Cuộc chiến tranh Việt Nam là một vấn đề thời sự, thu hút sự chú ý của thế giới. Bởi vậy, cuộc chiến này không chỉ là quy trình nghệ thuật mang tính nhân bản của dân tộc Việt Nam mà còn là nơi xác định vai trò của hai phe TBCN và XHCN.

Đối với dân tộc Việt Nam, cuộc chiến có những hình ảnh không thể quên: chiến tranh giành độc lập, lòng người ly tán, làng mạc bị tàn phá, kinh tế khó khăn... Bởi vậy, những sáng tác trong chiến tranh cũng như những tác phẩm ca ngợi chiến tranh. Chiến tranh in đậm trong tâm thức và tình cảm con người, trong văn hóa nghệ thuật. Nội dung hình thức Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 cũng mang đậm tính chiến tranh.

Trên hết, dù tính nhân văn trong chiến tranh cũng thể hiện rõ nét trong nghệ thuật. Trong giai đoạn 1945 - 1975, phần lớn nhà văn cách mạng đã từng lăn lộn trong chiến tranh. Có thể kể đến thân tể tướng họ các bộ phận khác trong quân đội như: phóng viên chiến trường, cán bộ tuyên huấn, văn công, công binh... Cũng có thể là thanh niên xung phong, giáo viên hòa tuyền, cán bộ các cấp... Từ năm 1949, có phong trào văn nghệ sĩ xuống quân. Nhà văn cũng đi theo bộ đội, viết báo và tin chiến trường. Nhiều nhà văn đã hy sinh như: Trần Hưng, Nam Cao, Thôi Hữu, Thâm Tâm, Trần Mai Ninh, Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Nguyễn M., Đặng Th Xuân Quý, Trần Hữu Trang, Chu Cẩm Phong...

Vì đã từng trải nghiệm trong kháng chiến nên các nhà văn thường viết về tài chiến tranh. Văn học cũng viết theo cảm quan của người lính. Nhân vật trung tâm trong tác phẩm ca ngợi nghệ thuật là người lính và quần chúng cách mạng... Văn học giai đoạn này

ã cung c p cho b n c m t kho tàng t li u r t phong phú, sinh ng v chi n tranh Vi t Nam.

V n h c có nhi m v c v chi n u, ca ng i công cu c xây d ng CNXH nên b c i c a v n h c theo sát các ch ng ng cách m ng. Nhi m v cách m ng thay i c ng kéo theo s thay i n i dung tài c a v n h c. Nh ng s ki n l ch s l n u nh h ng t i v n h c. Th m chí, ng i ta còn chia tài v n h c c n c vào các s ki n l ch s nh : tài Cách m ng tháng Tám, tài i n Biên Ph , tài ng Kh i, tài c i cách ru ng t...Và ng i ta c ng c n c vào các giai o n l ch s chia các giai o n v n h c.

Trong th i k 1955 - 1965, ng i dân mi n B c s ng trong không khí hòa bình nh ng không có ngh a là ng n l a chi n tranh ch ng Pháp ã s m ngu i i trong lòng các nhà v n. Các nhân v t c a h , nh anh ch nhi m h p tác xã, giám c xí nghi p bí th các oàn th ... c ng ã t ng i b i, du kích. c bi t, chi n tr ng mi n Nam v n còn khó l a, thanh niên mi n B c v n ra tr n, tài chi n tranh v n t i p t c kh i ngu n. T sau n m 1965, M ném bom mi n B c, các nhà v n v n vi t v tài chi n tranh trên ch t li u hi n th c mi n B c XHCN.

Chi n tranh c ng nh h ng n vi c l a ch n th lo i v n h c. Nh ng tác ph m ng n c u tiên sáng tác, nh t là th và ký. Trong th i ch ng Pháp, do i u ki n khó kh n, ti u thuy t không phát tri n. V n h c d ch c ng có nhi u h n ch do i u ki n giao l u h n h p. Vi c ph bi n tác ph m v n h c c ng g p nhi u khó kh n vì giao l u gi a các vùng mi n b cách tr .

Vì u tiên cho nhi m v chi n u nên các nhà v n ít có i u ki n giao l u, h c t p nâng cao t m v n hóa và kinh nghi m sáng tác. Do t p trung cho các nhi m v chính tr tr c m t nên nhi u nhà v n vi t v i vàng, ít u t cho ch t l ng ngh thu t. S l ng tác ph m v n xuôi trong th i chi n c ng không nhi u.

1.2.3. Nội dung mang tính tích cực, phục vụ công - nông - binh

Chủ nghĩa Marx quan niệm, nhân dân là người làm nên lịch sử, giai cấp vô sản là lực lượng tiên tiến làm chủ xã hội. Bởi vậy, văn nghệ phải hướng tới phục vụ các tầng lớp nhân dân lao động. Mặt khác, cuộc chiến tranh Việt Nam thời kỳ 1945 - 1975 là cuộc chiến tranh nhân dân. Thứ bậc ban đầu, công nhân Việt Nam không có súng đạn trong tay mà phải phát động quần chúng kháng chiến. Rồi trên cơ sở chiến tranh du kích mới phát triển thành quân đội chính quy. Bởi vậy, người rụt quan tâm tới công việc văn nghệ quần chúng.

Văn nghệ được xem là vũ khí chiến đấu và tuyên truyền cách mạng. Lãnh đạo người rụt quan tâm tới văn nghệ và nhiều người có tác phẩm lý luận, phê bình sáng tác thể văn như: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu... Trong Hội nghị tranh luận Văn nghệ Việt Bắc (1949), Tố Hữu đã thay mặt ngành thuyết trình tiêu luận “Xây dựng nền văn nghệ nhân dân” và phê phán các văn nghệ sĩ tán thành.

Trước năm 1945, văn nghệ Việt Nam chủ yếu phục vụ cho mặt trận phân công chúng trong xã hội. Đó là những người thành thị, thu nhập tầng lớp trên của xã hội. Số lượng người biết chữ rất ít, và trong số này, không phải ai cũng có cảm hứng tiếp xúc với văn chương. Sau Cách mạng, mới có phong trào Bình dân học vụ, số lượng người biết chữ tăng cao. Hội thi thơ trẻ học, báo chí tuyên truyền công mướn tới từng vùng nông thôn nghèo, miền núi hẻo lánh. Vì vậy sách báo công là một nhu cầu thiết thực của bà con. Nhà văn phải hướng tới phục vụ thành phần công nhân và ông công nhân của xã hội: công - nông - binh.

Phục vụ công - nông - binh, các văn nghệ sĩ phải am hiểu tiếng nói của họ. Trong thời chiến tranh, các văn nghệ sĩ gia nhập quân đội trở thành những người lính thực thụ. Nhiều người lên miền núi, tham gia “ba cùng” với đồng bào dân tộc thiểu số. Như vậy, các nhà văn mới có thể đi đến từng tấc đất duy ngô ng của họ, phần ánh sinh động các phong tục tập quán miền núi. Nhiều nhà văn cũng phân công

v th c t sáng tác nông thôn, ra mi n bi n, vào các h m m , xí nghi p... Nh v y, trang v n c a h mang h i th c a cu c s ng lao ng.

Ngoài vi c c i t o các v n ngh s xu t thân t t ng l p trí th c, ti u t s n, Chính ph c ng chú ý phát hi n t i các cây bút m i trong i ng công - nông - binh. Qua các cu c thi báo t ng, sáng tác v n h c, h i di n v n ngh các a ph ng, n v , ng i ta ã phát hi n ra nhi u cây bút m i. c bi t là s xu t hi n c a nhi u cây bút thi u nhi, ph n , dân t c thi u s ... H i Nhà v n ã m các tr i sáng tác, các l p t p hu n b i d ng k n ng sáng tác. Chính ph r t coi tr ng i ng các nhà v n tr tr ng thành trong ch m i.

Trong th i kháng chi n ch ng Pháp, m t s nhà lãnh o v n ngh cho r ng “Qu n chúng là giám kh o sáng su t nh t”. B i v y, nhi u ngh s ã o n tuy t ho c t m gác “ngh thu t cao siêu” sáng tác “ngh thu t qu n chúng”, ph c v kháng chi n. Nhi u nhà v n sau khi sáng tác xong, th ng ph i nh các chi n s c góp ý dùm. H t i các làng, c cho nông dân nghe và sau ó ti p thu nh ng ý ki n óng góp c a nông dân. Nh ng tác ph m ph n ánh úng và hay tâm t nguy n v ng c a nhân dân th ng c h ca ng i, truy n t ng.

cho tác ph m v n h c c ph bi n sâu r ng trong nhân dân, nhà v n ph i l a ch n nh ng n i dung và hình th c phù h p v i th hi u c a qu n chúng nhân dân. C th là:

V n i dung, v n h c h ng v nh ng tài c nhân dân quan tâm, ph n ánh tâm t nguy n v ng c a h . Tôn tr ng, ng i ca, tin t ng s c m nh c a giai c p c n lao. u tranh cho l i ích c a ng i nghèo và kh ng nh nh ng thành qu mà cách m ng mang n cho h . Nhân v t chính là công - nông - binh, tr ng thành trong u tranh cách m ng xây d ng m t xã h i do giai c p vô s n làm ch . Tác ph m c ng ph n ánh chân th c và sinh ng con ng i và c nh v t quê h ng. Nhìn nh n, ánh giá m i s vi c trên l p tr ng dân t c và mang t duy dân t c, ng i ca, t hào dân t c mình.

V ngh thu t, phát huy các thành t u ngh thu t trong v n h c truy n th ng, nh t là v n h c dân gian. K t c u c t truy n không ph c t p, t n m n, càng ng n càng t t, k t thúc ph i có h u theo mong mu n nhân dân. Chú tr ng các th th và các hình th c di n t quen thu c trong v n h c dân gian. S d ng các bi n pháp tu t quen thu c trong v n ch ng dân t c, phát huy tính nh c phong phú c a ti ng Vi t. Ngôn ng gi n d , g n v i l i n ti ng nói h ng ngày c a nhân dân lao ng.

N n v n h c cách m ng h ng v i chúng công - nông - binh v i m c tiêu ph bi n các ng l i c a Chính ph . Trong khi ó, n n v n h c ô th mi n Nam giai o n 1955 - 1975 c ng có tính i chúng nh ng ch y u ph c v các th hi u khác nhau c a c gi . Ngoài nh ng th hi u th m m lành m nh, c ng không ít th hi u t m th ng. Nh ng v n hóa ph m có tính khêu dâm, b o l c c bán r t ch y. Nhi u trào l u v n hóa xa l t Âu - M tràn sang mi n Nam và có tác ng không nh n m t b ph n gi i tr thành th . Tr c tình hình ó, nhi u trí th c, v n ngh s phát ng phong trào “v ngu n”. Tác ph m c a h cao tính dân t c và c các t ng l p nhân dân lao ng h ng ng.

1.2.4. N n v n h c c vi t theo khuynh h ng s thi, c m h ng lãng m n và ph ng pháp sáng tác hi n th c XHCN

1.2.4.1. Khuynh h ng s thi

S thi còn g i là anh hùng ca, tráng ca, tr ng ca, v n là m t th lo i v n h c ã có t th i c i. n th i trung i, s thi, v i t cách là m t th lo i ã không còn t n t i n a. Nh ng m t s tính ch t c a nó v n âm th m ch y trong v n h c vi t. T th k XIX tr i, nh ng “nguyên t c s thi v nh c u” ti p t c s ng l i trong th lo i ti u thuy t hi n i. Nga - Xô vi t, th lo i ti u thuy t s thi r t th nh hành. Bên c nh ó, các th lo i khác c ng mang âm h ng s thi. N n v n h c s thi c a Liên Xô c ng có nh h ng l n n n n v n h c s thi Vi t Nam giai o n 1945 - 1975.

N n v n h c s thi th ng chu ng n i dung l ch s dân t c. N u nh tr c 1945, th tài th s i t n i tr i thì sau 1945, th tài l ch s dân t c chỉ m a v ch o. Trong giai o n 1945 - 1965, v n còn m t s tác ph m theo th tài th s i t nh ng h u h t b phê bình, u n n n. Hai th tài này b a xu ng hàng th y u, ch u s chi ph i c a th tài s thi. Tác ph m s thi cách m ng th ng vi t v nh ng s ki n l ch s l n có ý ngh a v i toàn th dân t c. ó là cu c chi n u ch ng ngo i xâm và xây d ng CNXH. L ch s dân t c th ng c c th hóa trong l ch s c a t ng cá nhân, gia ình, t p th . Tác gi ánh giá, nhìn nh n m i v n trên l p tr ng chung c a c ng ng. Nh c n khuynh h ng s thi, ng i ta th ng nói n nh ng b ti u thuy t dài h i: *C a bi n* (Nguyễn H ng), *V b* (Nguyễn ình Thi), *D u chân ng i lính* (Nguyễn Minh Châu)... Tuy nhiên, nh ng th lo i khác c ng có t m khái quát s thi nh : *ng n c ng lên* (Nguyễn Ng c), *Ng i i ìm hình c a n c* (Ch Lan Viên), *M t ng khát v ng* (Nguyễn Khoa i m)...

Nhân v t chính c a n n v n h c s thi là nh ng con ng i u tú c a th i i. Trong n n v n h c s thi Vi t Nam giai o n 1945 - 1975, ó là nh ng công - nông - binh mang ph m ch t con ng i m i XHCN. H i đi n cho s c m nh và v p c a dân t c và th i i, g n bó v i t p th và u tranh vì quy n l i chung c a c ng ng. H là nh ng chi n s anh hùng trên tr n tuyen ánh quân thù, nh ch T H u (*M t chuy n chép b nh vi n* - Bùi c Ái), L , Khuê (*D u chân ng i lính* - Nguyễn Minh Châu), anh gi i phóng quân (*Dáng ng Vi t Nam* - Lê Anh Xuân). Ho c là nh ng công nông c n cù, d ng c m trên m t tr n lao ng s n xu t, nh Ti p, Th t, V ng, Ái (*Bão bi n* - Chu V n), anh k s khí t ng (*L ng l Sapa* - Nguyễn Thành Long), anh ch nhi m (*Anh ch nhi m* - Hoàng Trung Thông)...

Tác ph m s thi th ng mang phong cách cao c . i u ó c th hi n cách s d ng t ng trang tr ng, không có nh ng t ng thô t c su ng sã. Cách x ng hô tôn tr ng: anh, ch , bác, m , ng chí, x ng tên riêng ho c ch c danh... Trong n n v n h c s thi không có lo i gi ng i u bu n bã, bi quan. S thi th ng mang gi ng

ng i ca hùng tráng, th hi n ni m t hào, tin t ng: *Ng i ng i l p l p* (Tr n D n), *R ng xà nu* (Nguy n Trung Thành), *Hoan hô chi n s i n Biên* (T H u)...

Trong khi ó, trong v n h c ô th mi n Nam, h u nh không có n n v n h c s thi. C m h ng anh hùng ca ch có trong m t vài tác ph m vi t v l ch s trung i. Nói m t cách t ng quát, n n v n h c ô th mi n Nam giai o n 1955 - 1975 th ng mang âm h ng bu n bã, bi th ng. Có th th y âm h ng ó qua phong trào “nh c vàng” v n r t th nh hành mi n Nam lúc b y gi .

1.2.4.2. C m h ng lãng m n

Xu t phát t nhu c u c v chi n u, lao ng và ng i ca bi u đ ng các thành tích anh hùng, các nhà lý lu n Marxist c ng yêu c u n n v n h c XHCN ph i mang c m h ng lãng m n. Cách hi u khái ni m lãng m n ây khác v i cách hi u trong ch ngh a lãng m n. Trong v n h c lãng m n Vi t Nam giai o n 1930 - 1945, khái ni m lãng m n c hi u là thoát ly hi n th c cu c s ng, tr n tránh u tranh giai c p. Trong v n h c sau n m 1945, khái ni m lãng m n g n li n v i tinh th n cách m ng, g i chung là lãng m n cách m ng.

Nhi u tác ph m v n h c cách m ng Vi t Nam th ng ph n ánh cu c s ng theo h ng m t chi u, phi n di n. Ng i ta g i ây là xu h ng tô h ng cu c s ng. Ch ng h n, khi miêu t c nh chi n tranh, nhà v n ch miêu t t n th t c a phe ch, ít nh c n nh ng t n th t c a phe ta: *Ng i m c m s úng* (Nguy n Thi), *Sao B ng* (Nguy n Gia Nùng), *Tr ng S n ông*, *Tr ng S n Tây* (Ph m Ti n Du t)... Khi miêu t công cu c xây d ng cu c s ng m i, nhà v n ch cho th y c nh nông dân h h i a ru ng vào h p tác xã. Tác gi không miêu t c nh ch n ch do d , không có tính toán so o c - m t khi làm n chung: *Vùng quê yên t nh* (Nguy n Kiên), *Giáp tr n* (Nguy n Th Ph ng), *Bài ca mùa xuân 1961* (T H u)... Nói chung, trong v n h c cách m ng, ta ch th y ni m vui mà không th y n i bu n, ch th y thành công mà không th y th t b i.

Các nhà văn cách mạng cũng như những nhà xây dựng mới của xã hội lý tưởng theo kiểu mao泽东 cách mạng xã hội. Trong xã hội này, con người sống đoàn kết, gần bó, yêu thương. Nói như Tố Hữu: “*Có gì đẹp trên đời này / Người yêu người sống yêu nhau*”. Xã hội này không hề có mâu thuẫn giai cấp, vì mọi người bình đẳng nhau, cùng làm, cùng hưởng, chung một lý tưởng. Ta có thể bắt gặp những tập thơ trong *Người nhà* (Nguyễn Đình Đăng), *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê), *Bài ca cuộc đời* (Đình Hoàng Ly)... Con người phải có vẻ ngoài hình ảnh tâm hồn. Họ sống trong khung cảnh vui tươi, môi trường lành mạnh, thiên nhiên say đắm lòng người: *Thung lũng Cô Tô* (Lê Phóng), *Mảnh trăng cuối rừng* (Nguyễn Minh Châu), *Tình hát con tàu* (Chế Lan Viên)...

Một số tác phẩm có những gian khổ hi sinh. Tuy nhiên, tác phẩm vẫn hướng đến một tương lai xán lạn. Hình tượng vẫn còn chi phối, hy sinh những tập thơ lại chỉ những sự vật. Hình tượng vẫn còn nhiều sự vật lo toan thì ưu tiên những Huy Cận nhìn thấy “*Trên miền ngày sáng*”, “*Đàn hoa*”. Chế Lan Viên tràn ngập niềm tin tưởng tương lai:

Hỡi sông Hằng tình hát bên nghìn năm!
Tuần bao giờ phải này chăng? (...)
Những ngày tôi sống đây là ngày phải tắt
Dù mai sau muôn vạn lần hơn

Bút pháp lãng mạn thì hình ảnh sống động hóa các hình tượng anh hùng. Nhà văn dùng thủ pháp phóng đại để khắc họa những nhân vật và vẻ đẹp của nhân vật như: anh hùng phóng quân (*Dáng vẻ Việt Nam*), chị S (Hòn Đất). Hình tượng bay bổng đi đâu (*Tây Tiến, Đoàn thuyền đánh cá*). Giọng thơ tình yêu, ôn hòa, trữ tình thì mới thì t (*Hàng thơ mới, Tôi trong hàng trăm*)...

Người ta cũng nói những sự kiện thì phải kết hợp chất sử thi và lãng mạn. Có thể ví sự kiện như chất thép, lãng mạn như chất trữ tình. Trong cuộc sống có sự hài hòa âm - dương, âm dương - âm dương, lý trí - tình cảm thì trong văn học cũng vậy có sự kết

h p ch t tr ình và ch t thép. Khuynh h ãng s ã thi th ãng g n li n v i c m h ãng lãng m n ã h tr nhau, t o ra s cãn ã i hài hòa gi a ch t thép và ch t ãnh. Có th th y ã i u này qua phát bi u c a Hoàng Trung Thông:

V n th c a Bác, v n th thép

Mà v n mênh mông bát ngát ãnh

(*c th Bác*)

Trong v n h c cách m ãng, ta th y có khá nhi u s k t h p này nh : “ *u súng tr ãng treo*” (Chính H ã), “*Ánh sao ã u súng b n cùng m ãn*” (T H ã), “*Kho ãng tr i h bom*” (Lâm Th M D)... Trong *Nh ãng a con trong gia ãnh*, nhân v t Vi t không ch chỉ n ã u gi i (s ã thi) mà còn có n ã i tâm phong phú, yêu th ãng gia ãnh (tr ãnh). Ch S (*Hòn ã t*) có di n m o xinh p, yêu ch ãng, th ãng con, th ãng m và em (ch t ãnh) nh ãng kiên quy t không ch ã khai báo, ch p nh n hy sinh (ch t thép)...

Thông th ãng, ch t s ã thi xu t hi n ã m nét trong v n xuôi, ch t tr ãnh th ãng xu t hi n ã m nét trong th cã. Tuy nhiên hai th ã lo i và hai tính ch t trên th ãng có s xãm nh p l n nhau. Ch ãng h n, trong truy n *Ng ã i lái ã sông ã, Thung l ãng Cõ Tan*, có nhi u ã o n v n có âm ã i u và hình nh nh th . Ho c trong bài *Nh* (H ãng Nguyễn), *Bài th v ti u ã i xe không kính* (Ph m Ti n Du t) có âm ã i u nh v n xuôi. Các tác ph m ó ã u có s pha tr n gi a th và v n, ch t ãnh và thép, s ã thi và lãng m n. Ó là c ã i m c a n n v n h c ãnh hùng cã.

1.2.4.3. Ph ãng pháp sáng tác hi n th c XHCN

Ph ãng pháp sáng tác hi n th c XHCN ã c kh i x ãng Liãn Xô và ph bi n ã nhi u n c trong kh i XHCN. Trong kháng chi n ch ãng Pháp, nhi u nh ã v n Vi t Nam ã ã v n ã ãng ph ãng pháp này. Trong giai ã o n 1955 - 1964, Chính ph c ãng t ch c cho các v n ãng s h c t p ãng l i v n ãng Marxist, trong ó có ph ãng pháp sáng tác hi n th c XHCN. Tuy nhiên, ã y c ãng là lúc ch ãng ã xét l i n ã i lên Liãn Xô, nhi u v n ã ãng bàn cãi. Nhi u nh ã v n Vi t Nam ch ã quản tri t

ý pháp này nên dần dần tác phẩm phê bình. Phân giai đoạn 1965 - 1975, pháp này mới có vẻ đúng và đúng trong văn học cách mạng Việt Nam.

Có thể thấy một số biểu hiện của pháp sáng tác hiện thực XHCN trong văn học cách mạng Việt Nam như sau:

Tác phẩm văn học phải có tính thật rõ ràng. Nghĩa là, tác giả phải lý tưởng hóa Marx làm kim chỉ nam, lý tưởng tiêu XHCN làm lý tưởng phấn đấu. Nhà văn phải hướng ngòi bút về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong cuộc đấu tranh giữa ta và ta, tác giả phải theo ta. Trong cuộc đấu tranh giữa công và tư, tác giả phải ủng hộ công... Những tác phẩm những hiện thực chỉ đấu tranh một cách đơn giản, góc nhìn địa phương, lý giải các sự kiện chính trị theo khuôn mẫu cũ để phê bình.

Nhân vật trung tâm phải là người có tinh thần cách mạng, phấn đấu vì quy luật của giai cấp công - nông. Họ xuất thân từ nhân dân lao động, có tác phong gần gũi với quần chúng, có tinh thần làm chủ tập thể. Nhân vật có thể xuất thân từ các tầng lớp khác nhưng phải tích cực, hòa mình vào quần chúng. Các nhà văn thường ưu tiên miêu tả những nhân vật tích cực, mang tính cách mạng. Đó là những con người luôn đấu tranh cho cái mới, tiến bộ và xóa bỏ cái cũ, lạc hậu. Tác giả cần thể hiện cái nhìn lạc quan, tin tưởng, hướng về tương lai tươi sáng của cách mạng.

Nhà văn cách mạng rất coi trọng bút pháp tả thực, hình thức thể hiện giản dị, dễ hiểu. Bởi vậy, các bút pháp tượng trưng, siêu thực... không có chỗ đứng trong văn học cách mạng. Nhà văn cách mạng thường gắn nhân vật vào hình ảnh trong hoàn cảnh hiện thực, lý tưởng như lý giải tính cách. Nhân vật luôn vươn lên, hướng tới tương lai tươi sáng. Tác giả có cái nhìn lạc quan, tin tưởng, ghi nhận những ưu điểm, hào hùng.

Trong bản cầm trên thì bản cầm để xem xét văn học trong mối quan hệ với cuộc sống. Bản cầm thứ hai, ta xem xét văn học trong bản thân nội dung của nó. Tuy nhiên, đây chỉ là bản cầm bao quát nhất. Đi vào chi tiết, văn học vẫn có

những cái riêng xét theo từng thế hệ, từng giai đoạn sáng tác, từng nhà văn...
S khác nhau về nghệ thuật từng phương diện cấu trúc tác phẩm như : tài,
nhân vật, cốt truyện, ngôn ngữ ... Những nét riêng này cũng ít nhiều chịu sự chi
phối của bản cái chung mà ta vẫn gặp.

Trên đây, ta đã gặp những cái cơ bản của những cách mạng
Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. Những cái này được rút ra từ so sánh với
bộ phận của Việt Nam trước 1945 và những ô nhiễm Nam giai đoạn 1955 -
1975. Những cái đó đã tạo cho những cách mạng giai đoạn này có cái đi
mô riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu thu được, những đóng góp cho
sáng chính trị xã hội, nó cũng có một số hạn chế nhất định. Những hạn chế này
khác phần lớn trong những Việt Nam sau 1975.

❖ *Câu hỏi thảo luận và ôn tập*

1. Tác phẩm *Tây cạ T H u* được sáng tác từ 1937 đến 1946 và được in lần đầu tiên năm 1946. Theo bạn, nên xếp tác phẩm này vào bộ phận của những trào lưu hay sau Cách mạng tháng Tám? Vì sao?
2. Năm 1948, báo *Văn nghệ* có một bài viết về nhà văn Nguyễn Đình Thi. Tác phẩm đã thể hiện những băn khoăn gì của các văn nghệ sĩ trước sự kháng chiến chống Pháp?
3. Trong những năm 1958 - 1960, Chính phủ có chính sách kêu gọi thanh niên đi khai hoang Tây Bắc. Những văn nghệ sĩ cũng như người đi thực địa. Anh / chị hãy tham khảo những tác phẩm văn học về tài liệu sưu tầm ở Tây Bắc. Chúng ta phân tích một truyện ngắn hoặc một bài thơ tiêu biểu về tài liệu này.
4. Anh / chị hãy tham khảo danh sách những nhà văn miền Nam tập kết ra Bắc và những tác phẩm của họ về đất miền Nam. Chúng ta phân tích một tác phẩm tiêu biểu về tài liệu này.

5. Anh / ch hãy ch ra nh ng c i m c a khuynh h ng s thi trong ti u thuy t *Cao i m cu i cùng* (H u Mai), truy n ng n *R ng xà nu* (Nguy n Trung Thành) và tr ng ca *M t ng khát v ng* (Nguy n Khoa i m).
6. Anh / ch hãy ch ra nh ng c i m c a c m h ng lãng m n trong bài th *Tây Ti n* (Quang D ng), truy n ng n *Nh ng ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê) và ti u thuy t *D u chân ng i lính* (Nguy n Minh Châu).

CHƯƠNG 2: THƠ CA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

2.1. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

2.1.1. Các sắc khí tiêu biểu

Cuộc Cách mạng tháng Tám đã thổi bùng ngọn gió mới vào dòng tình thơ của văn nghệ sĩ Việt Nam. Họ hát các nhà thơ đã hát hái nháp cuộc, tham gia các công việc khác nhau của cách mạng. Họ cống hiến vào thơ ca một nguồn tài liệu phong phú phản ánh ý thức các lĩnh vực của cuộc sống.

Trong hai năm 1945 - 1946, phần lớn các nhà thơ tập trung Hà Nội. Họ sáng tác những sắc khí trong giai đoạn đầu của dân tộc. Họ hát các nhà thơ lãng mạn hát hái nháp cuộc. Xuân Diệu - “Ông hoàng của thơ Mới” mới ngày nào còn “*M theo tr ng và v v n cùng mây*” nhưng nay đã sẵn sàng tham gia cách mạng từ những ngày đầu:

*Ôi lịch sử! cùng mình ngày tháng tám,
Khép Việt Nam cảm xúc vì lòng dân. (...)
Việt Nam! Việt Nam! cảm xúc sao vàng!
Nhưng mình nén hít thở Ngày của Lp!
Nguồn lực mình bắt nhịp lên tít p!
Np cảm bay chen v sóng bài ca...*

Cuộc Cách mạng kéo về Hoàng Chấn ra khỏi tình trạng “*lì tàn trong ngõ hẻm*”. Trong bài *Nh v Hà Nội vàng son*, ông miêu tả không khí hào hùng và tâm trạng vui mừng trong những ngày đầu chiến đấu:

*Ba mươi sáu phố, ngày hôm nay
Là những nhánh sông sóng cuộn
Chói lọi sao vàng, hoa vôi
Nụm cánh hoa xoè trên nụm cá ô.*

Những ngày đầu Cách mạng, Tố Hữu là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Trung ương. Mặc dù bận công việc nhưng ông cũng viết nhiều bài thơ về sắc khí nổi bật này: *H Chí*

*Minh, Gi t gi c, Th a các ông Ngh , Xuân nhân lo i, Vui b t tuy t... T H u vi t v
khí th t ng b ng c a Hu thág Tám:*

Hãy m m t: Quanh hoàng cung bi n l a

ã dâng lên, ng p Hu c sao

M m t trông: Tr i t b n ph ng chào

M t dân t c ã ào ào úng d y! (...)

Ng c lép b n nghìn n m, tr a nay c n gió m nh

Th i ph ng lên. Tim b ng hóa m t tr i

Tr c ây, các v n ngh s th ng sinh ho t phân tán, thi u tính th ng nh t. Nay, m t trong nh ng ho t ng thu hút c nhi u v n ngh s cùng tham gia là phong trào Nam Ti n. ây là đ p các v n ngh s m r ng t m nhìn v hi n th c cu c s ng và cách m ng. Tr n Mai Ninh ã khám phá nh ng v p khác nhau Nam Trung B .:

Tôi lim dim c p m t

Không th y n i nào không p

Không giàu

Lúa xanh nh bi n r ng

Núi v n cao kh p các s n èo (...)

Dân t c m hôi th m t

B p c ng nh ng

Tay ghì cán cu c

Tay ghì tay xe

Nhìn quanh là c b n b c n lao...

(Tình sông núi)

Cu c cách m ng mi n ông Nam B c ng c ph n ánh rõ nét trong th ca. Thi t ng Hu nh V n Ngh có nhi u bài kh c h a khí th hào hùng c a *Du kích ng Nai* bu i u ánh Pháp:

Nh ng tròng m t b ng b ng ánh l a

Gót chân chai gi m v nh a ng.

C sao vàng

ã ng p tr i Nam B

Nh ng oàn ng i nh thác

Ti ng hò reo t l nghiêng tr i

Nam B , ng i dân h ng c l p ch a y m t tháng. Th c dân Pháp quay l i Sài Gòn và ánh ra các t nh lân c n. L c l ng cách m ng chuy n ra vùng ngo i thành ti p t c chi n u. Trong bài *An Phú ông*, Xuân Mi n ghi l i m t n m kháng chi n vùng ngo i thành Sài Gòn:

B n ã t ng nghe An Phú ông

Là n i quy t khách anh hùng

Là n i chí khí rèn trong l a

Con cháu nhà Nam m t t m lòng.

An Phú ông! ây An Phú ông!

Tr l i ti ng g i c a non sông

Tr già ã bi t hy sinh h t

Bì t tr thù chung, máu h ng.

Sau khi chi m xong Nam B , Pháp quay tr l i B c B . Tháng 12 n m 1946, Pháp t H i Phòng ánh lên Hà N i. Chính ph Vi t Minh kêu g i toàn qu c kháng chi n và rút quân v các vùng ven ô. Chính H u ghi l i không khí bi hùng y trong Ngày v :

Nh êm ra i, t tr i b c l a

C kinh thành nghi ngút cháy sau l ng

Các v n ngh s t bi t th ô lên Vi t B c. H ra i v i lòng quy t tâm cao nh ng c ng không th không u t lo l ng khi r i xa môi tr ng sáng tác quen thu c: “Ng i ra i u không ngo nh l i / Sau l ng th m n ng lá r i y” (Nguy n

ình Thi). Nhà thơ trào phúng Tú Mỡ lòng vui say sưa theo cách mĩ nghệ. Ông *T. Thu* t
tâm trạng hân hỉ của mình khi khoác ba lô lên đường kháng chiến:

*Kháng chiến bùng lên bất thình lữ
Lên đường dõng dạc khoác ba lô
Mang theo ý chí người dân Việt
Thà chết không làm vong quốc nô*

nhà sản xuất nông sản Việt Nam từ năm 1945 xuất thân từ tầng lớp trung lưu nông
thôn, học trí thức tiểu tư sản thành thị. Ở Việt Nam, vì cày bừa, phát rẫy, gặt lúa,
dựng nhà... là chuyện làm. Nay họ phải lao động tay chân thích nghi với
môi trường mới. Hoàng Trung Thông theo bước đi phát rẫy, trồng cây lương thực và
Việt Nam *Bài ca Việt Nam*:

*Chúng ta ào ào vào Việt Nam
Sống cuộc đời người núi bôn nay.
Đường xanh ta thì uốn khúc cày.
Nghe rặng núi lên đây Việt Nam
Tháng ngày ta góp sức chung.
Vun trồng luống đất cuốc trồng cây (...)
Bàn tay ta làm nên đất nước
Có sức người sức vật thành công.*

Họ không những lo sản xuất lương thực để nuôi sống mình mà còn giúp
người bào mòn núi xây dựng cuộc sống mới. Thời Hồ Chí Minh theo bước đi *Lên Cờ* Sẻ, người
trồng núi hoang vu, ít người lui tới làm công tác dân vận. Bước đi phải huy động dân
làng lân cận và giúp họ nhận thức cuộc sống. Các vận động viên cũng thành hiện thực “ba cùng” với
dân tộc thì ư s.

*Ây bôn Việt Nam rặng núi
Bước đi mang gieo ánh chói lòa
Ây bôn Việt Nam rặng núi*

Xung cu c khoa vang i u d ng nhà

ây nh ng m t bu n nh t

B i c i lên t i nh hoa

Các v n ngh s tham gia b i v i t cách là phóng viên, v n công, tuyên truy n viên... Thanh T nh ph trách oàn k ch Chi n Th ng B c Tru ng B . oàn k ch có nhi m v phát ng phong trào cách m ng trong qu n chúng. Thanh T nh ã ghi l i nh ng n m tháng i làm công tác phong trào v t v nh ng c ng vui say:

Tr i bao èo núi cheo leo

Nh c khe khêu nh , gió èo g i th ng

Tinh s ng qua núi Ba Vì

Hoàng hôn ã l i khe Kì, núi Gò

êm qua ng b n sông Lô

Tr a mai chân ã m b sông Thao

Ta i mang c phong trào...

Liên khu V, các v n ngh s c ng h ng hái tham gia phong trào. H leo núi, trèo èo, l i su i, thi u n m t ng . Trong tác ph m *T êm 19*, Kh ng H u D ng ã tái hi n l i cu c i l u ng c a các ngh s qua nh ng con ng Qu ng Nam bu i u ch ng Pháp :

M t ti ng chìm kêu sáng c r ng

Lên ng chân l i n i theo chân

êm qua u ch m run bên á

Nay l i cùng mây s i n ng h ng...

Bên c nh nh ng v n ngh s trong quân i, còn có nh ng v n ngh s làm các c quan v n hóa ngh thu t Vi t B c. H làm v n phòng H i V n ngh Vi t Nam, báo V n ngh , Nhà xu t b n V n ngh , ài phát thanh và các c quan thông tin tuyên truy n khác. Công vi c c a h là biên t p bài v c a các v n ngh s c n c g i v . H t ch c các bu i t p hu n, th o lu n v ng l i v n ngh kháng chi n,

bản báo chí về pháp sáng tác trong thời kỳ này. Một số quan báo chí cũng tổ chức các cuộc thi văn nghệ. Năm 1947, báo Cứu quốc tổ chức cuộc thi thơ, có 300 bài ghi nhận tham dự. Hội Văn nghệ Việt Nam còn tổ chức giải thi văn tác phẩm ra nước ngoài về cuộc kháng chiến. Năm 1953, bài thơ *Thăm lúa của Trần Huy Thung* đoạt giải Nhất trong hội thi Liên hoan Thanh niên và sinh viên thi giải thi văn Rumani.

Nhiều nhà thơ và nhà văn bắt đầu viết các tác phẩm văn nghệ qua chúng. Phong trào sáng tác thơ ca phát triển sâu rộng trong toàn quân. Thơ ca đăng trên báo, tạp chí, dán trên bảng sù, mặt trống, lư... Những nhà thơ sáng tác không chuyên có số lượng rất đông. Các nhà thơ có tên tuổi nổi bật là: Đặng, thu về nhiều thành phẩm khác nhau. Ta có thể chia thành hai nhóm văn nghệ sĩ cách mạng Việt Nam thời kỳ Pháp thành hai bộ phận chính:

Nhóm nhà thơ tích cực tham gia cách mạng: Xuân Diệu (*Hội nghị non sông*), Nguyễn Xuân Sanh (*Giải các em nhi đồng của anh em II Cuộc hòa dân chúng*), Võ Hoàng Chương (*Nhớ Hà Nội vàng son*), Lưu Trọng Lư (*Ngọc chiếu hoa, Ông tiệp t*), Trần Huyền (*Quang Ngã, Ngồi yên bà Ninh Thuận*), Anh Thơ (*Khuyến V Lư*), Đoàn Văn Cội (*Hạt dân tộc*), Nguyễn Bình (*Con tằm, Thơ giải về cha, Ông Tháp Mễ, Ông lão mài gươm, Em hãy thêm vào mặt trời yêu*), Trần Huyền Trân (*Giải trên sông Hà Nội sau ngày tuyên ngôn độc lập 1945, Hội Phòng 19 - 11 - 1946*), Văn Cao (*Chiếc xe xác đi qua phố Đ. B. C, Bên sông trên thuyền con, Em thiên nhiên*), Chế Lan Viên (*Giải con ra trận, Bài ca mặt trời trong buổi nh*), Thanh Tịnh (*Anh hùng liên lạc, Cây số 7 sông Hà Giang - Tuyên Quang, Lão dân quân ông B. C, Toàn dân đồng ý*), Thâm Tâm (*Chiếc mũ áo số 5, Chiếc thùy*), Huy Cận (*Giải lúa chiêm trù, Những ngôi quê bát ngát*)...

Thế hệ nhà thơ trẻ thành trong kháng chiến cách mạng có: Thời Huyền (*Lên Chiếc S. N*), Chính Huyền (*Giải chí*), Trần Mai Ninh (*Tình sông núi, Nhịp máu*), Hoàng Trung Thông (*Bao giờ trở lại, Bài ca về t, Bãi nhãn sông Hương*), Trần Huy Thung (*Thăm lúa*), Hoàng Cầm (*Bên kia sông Cầu*), Huyền Loan (*Giải C, Màu tím*

hoa sim), Kh ông H u D ng (*T êm 19*), L u Trùng D ãng (*Bài ca t túc, T p th c a ng i lính, Làng tôi*), Minh Hu (*êm nay Bác không ng*), Nông Qu c Ch n (*B i ông C*), H ng Nguyễn (*Nh*), Xuân Hoàng (*Du kích sông Loan*), Ph m H (*C n r ng*), Xuân Mi n (*An Phú ông, Lên ây*), V nh Mai (*Ng i dân quân xã*), Nguy n ình Thi (*Nh , Không nói, t n c*), L u Quang Thu n (*Ngày t t dân quân*), Nguy n Ng c T n (*Quân v*), Hoàng L c (*Vi ng b n*), Kinh Kha (*Bà m Phò Tr ch*), H i H (*Mùa v*), Nguy n Hiêm (*X p bánh ph ng*), Tr ãng Sinh (*Hoang tàn*), D ãng T ãng (*Ti ng cây d ãng M Th y*), Ph m Phú Thu n (*V th m làng b chi m*), Ng c Toàn (*Làng*), H Vy (*L i quê*), Ph ãng Thanh (*Tr ãng già*), Minh Ti p (*B c tranh sinh ho t*), Xuân Cang (*Gang ra*), Ng c Toàn (*Làng*), Hùng Phi (*Ti ng tr ãng h ê, bên kia Tr ãng S n*), Hà Khang (*Ph c lành*), T H u Yên (*Bài th chính ngh a*), và L ãng An, B o ãnh Giang, Hoàng T ãng Nguyễn, Trinh ãng...

Trong i ng sáng tác th th i kháng chi n ch ãng Pháp, áng chú ý nh t là lãnh t H Chí Minh. M i ng i u bi t H Chí Minh là m t nhà chính tr , ãng u chính ph Vi t Nam dân ch c ãng hòa. Tr c n m 1945, Ng i ã có nhi u bài th tuyên truy n cách m ãng nh ãng ph m vi ph bi n h n h p. Trong kháng chi n ch ãng Pháp, công chúng còn bi t ãn H Chí Minh v i t cách là m t nhà th . Có th chia các bài th c a Ng i trong kháng chi n ch ãng Pháp thành hai lo i: th tuyên truy n và th ãng thu t. Th tuyên truy n c a Ng i bao g m các bài th chúc t t Nguyễn án, t t trung thu: *T ãng các c ão du kích, G i nông dân, Khuyến thanh niên, Khen t ãng hai cháu liên l c trong b i chi n khu II*... Nh ãng bài th ãng c sáng tác b ãng ti ãng Vi t v i ãng ãng bình d , d hi u i v i i a s ãnh dân. ãng th ãng thu t, Ng i v i t b ãng c hai lo i: ch Hán và ch qu c ãng . Nh ãng bài ch Hán có: *ãng s n, Báo ti p, Nguyên tiêu, T ãng Bùi Công, Thu d* ... Nh ãng bài v i t b ãng ch qu c ãng có: *i thuy n trên sông áy, C nh khuya, C nh r ãng Vi t B c, Sáu m i tu i*... V i c ãng i ãng u chính ph tham gia sáng tác v n h c ã có tác d ãng thúc ãy phong trào sáng tác trong v ãng ãng s và qu ãng chúng ãnh dân.

Một hiện tượng đáng chú ý nữa là trẻ em, trong làng ven hồ ven biển Việt Nam có các nhà thơ dân tộc Kinh. Nay, công chúng yêu văn học còn hâm mộ chào đón sự xuất hiện của các cây bút miền quê dân tộc thiểu số. Trong cuộc thi Văn nghệ 1951 - 1952, ban Giám khảo đã trao tặng giải thưởng cho hai nhà thơ dân tộc thiểu số. Đó là Nông Quốc Chấn (dân tộc Tày, giải nhì) và Bàn Tài Đoàn (dân tộc Dao, giải ba). Nông Quốc Chấn có một số bài tiêu biểu như: *Đón xuân làng, Đón mùa gặt*. Bàn Tài Đoàn có các bài như: *Chiến thắng Nghia L, Gặp nhau, Bài thơ 12 tháng*... Trong kháng chiến, người ta còn truyền tụng một số bài thơ cho là của bạn đồng minh Thái như *Nhà văn của Cầm Văn Ui, Em tìm của Bác Văn Ủi*... Thực tế, công tác lý luận một số nhà thơ miền quê Kinh lý luận danh giải thưởng dành cho dân tộc thiểu số. Họ có một hiểu biết nhất định, nghệ thuật viết dân tộc thiểu số khi viết, công tác lý luận tên họ giải thưởng miền quê Kinh... Điều đó cho thấy sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc diễn ra sâu sắc hơn bao giờ hết.

2.1.2. Những tác phẩm ca ngợi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

Sau hai giai đoạn trước năm 1945 và sau năm 1954, thơ ca Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 có những tác phẩm đáng chú ý như sau:

2.1.2.1. Văn còn dang dở ca ngợi Tiễn chiến

Trong giai đoạn này, có sự giao thoa giữa hai nền văn học cũ và mới. Những yếu tố ca ngợi ca ngợi Tiễn chiến văn còn, nhất là giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến. Nó thể hiện vì một do bất lực cá nhân. Hình ảnh có thể lên gân, phóng đại quá mức. Thơ văn còn mang âm hưởng kính hoàng đế khó hiểu. Những bài thơ hiện này chủ yếu bị bỏ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp mà không còn phổ biến sau năm 1955.

Nam Bộ, không khí yên bình của thời “*Tiễn chiến tráng sĩ*” văn còn phần lớn trong những bài thơ sáng tác giai đoạn cuối kháng chiến. Báo Văn Quê, ra tháng 01 năm 1946, người bài *Biết gì là ai?* có những câu:

*Thôi hãy lên ng tráng s i
Quê h ng mong i ã bao i
Biên thùy nghe d y ni m ai oán
G m h n mài ch a ? Khát máu r i.*

Xuân Mi n c ng có vài bài ph ng ph t h i th c i n th lo i th th t ngôn. Cách dùng t c kính trên cái n n hi n th c Sài Gòn th i ch ng Pháp. Trong bài *Tr ng lo n*, có o n: “*Tôi l i tr v n i chi n tr n / Trong lòng còn lo n l a binh ao*”. Nhi u bài th có âm h ng bu n. Có nhi u lý do bu n: vì ch t chóc, kh au, vì xa ng i yêu, v con, cha m . Cái bu n r t th t nh ng c th hi n qua nh ng hình nh còn mang tính công th c. Trong th Ph m T Quyên, ng i chi n s v n gánh n ng tình m u t và o lý Nho gia trên b c ng chinh chi n:

*Có nh ng bu i chi u vàng ng i ch ng ki m
Nhìn non sông hùng v b n nghìn n m
B ng hi n v bóng m , ch n xa x m
Tóc tr ng c c, tay g y nâng g y trúc
Tim con tr phút giây nh ng ng p
Chí muôn ph ng nghe n ng ngh a gia ình
Nh ng bên tai còn v ng ti ng súng r n
Con l i o... M i, ành l i o*

Trong th bu i u kháng chi n, ta v n còn th y âu ó ph ng ph t hình nh các tráng s , chinh phu nh trong các khúc ngâm ho c ti u thuy t ch ng h i c i n. H c miêu t b ng bút pháp phóng i nên có nhi u ch không th c. Trong bài *Nh máu c a Tr n Mai Ninh*, hình nh ng i chi n s có v d d n, lên gân, yêng hùng. ây là hình nh c áo c a ng i v qu c quân tr n tuy n Nam Trung B :

*M t r t m t ng g m
L nh gáy,
Lòng bàn tay*

*Kh c n chuỗi dao g m.
Chân b c s t,
M t khoét th ng êm dày (...)
Máu chan hòa trên góc c nh kim c ng
Các anh hùng tay h súng tr ng
R i kh vu t m hôi và máu
H c i vang rung l p l p tinh c u!*

Vi t B c, Hoài Thanh t ng phê phán m t s bài th kháng chi n m c b nh: M ng r t, Bu n r t, Ng m r t... M t trong nh ng bài nh v y là *Tây Ti n c a* Quang D ng. Nguyên nhân chính là do hoàn c nh xu t thân, tác gi và các chi n s c a binh oàn Tây Ti n là nh ng chàng trai ti u t s n Hà N i. Cu c s ng gian kh núi r ng Tây B c không làm m t i tính ch t hào hoa lãng m n c a các chàng trai tr Hà Thành:

*M t tr ng g i m ng qua biên gi i
êm m Hà N i đáng ki u th m.*

Âm h ng th Ti n chi n th hi n nh ng t : “m ng”, “m ”, “ki u th m”. Không ch mang tính ch t lãng m n c a m t th dân hi n i, các chi n s còn khoác lên mình m t s c màu chinh chi n c . Âm h ng th c i n th hi n các t Hán Vi t nh : biên gi i, biên c ng, vi n x , chi n tr ng, áo bào, c hành...

*R i rác biên c ng m vi n x
Chi n tr ng i ch ng ti c i xanh
Áo bào thay chi u anh v t
Sông Mã g m lên khúc c hành*

Hai câu “*Chi n tr ng i ch ng ti c i xanh*”, “*Tây Ti n ng i i không h n c*” làm chúng ta liên t ng n s tích tráng s m t i không tr l i th i Chi n Qu c. N m 1946, Thôi H u có nhi u bài theo c t cách th c : *Tam o phá ho i*,

Ti c êm, oàn quân h i ngo i... Không khí chiến chinh này c ng c ph n ánh trong bài hát oàn *Gi i phóng quân* c a Phan Hu nh i u:

oàn V qu c quân m t l n ra i
Nào có mong chi âu ngày tr v
Ra i ra i b o t n sông núi
Ra i ra i thà ch t không lui

Ho c bài ca *Chi n s Vi t Nam* c a V n Cao r t ph bi n th i k này:

Bao chi n s anh hùng
L nh lòng vung g m ra sa tr ng
Quân xung phong, n c Nam ang ch , mong tay ng i
H n sông núi khí thiêng ghi muôn i (...)
Là trang nam nhi
Quy t chi n sa tr ng
S ng thác coi th ng
Mong xác trong da ng a b c thân th trai

2.1.2.2. Có cái nhìn m i m , nhi u chi u v hi n th c

Nông thôn Vi t Nam ã tr thành m t tài khá quen thu c trong v n h c giai o n 1930 - 1945. Nh ng nhà th lãng m n nh oàn V n C , Anh Th , Nguy n Bính... có vi t nhi u v nông thôn nh ng ch y u c p n khía c nh tình yêu, phong t c, c nh p làng quê. Sau n m 1945, th ca cách m ng ã cung c p m t cái nhìn r t m i v hi n th c làng quê Vi t Nam.

Nông thôn Vi t Nam sau Cách m ng th ng mang s c màu khói l a. Tuy nhiên, cùng vi t v m t tài nh ng th ca sau n m 1955 th ng mang âm h ng vui. Còn th ca th i ch ng Pháp th ng mang âm h ng buồn. Hoàng C m ng bên vùng kháng chi n ng m ngùi nhìn “*Bên kia sông u ng*” ang r i vào tay gi c. N i y có nh ng hình nh thân th ng: “*M già nua còm cõi gánh hàng rong*”, “*Ta có àn con th / Ngày tranh nhau m t bát cháo ngô / êm lúu dúi chui g m gi ng tránh*

n". Ông trẻ c c nh quê h ông t i p b gi c giày xéo, ch th tr tình không gi u n i tâm tr ng xót xa:

*Sông u ng trôi i
M t dòng l p lánh
N m nghiêng nghiêng trong kháng chi n tr ng k
Xanh xanh bãi mía b dâu
Ngô khoai xanh bi c
ng bên này sông sao nh ti c
Sao xót xa nh r ng bàn tay (...)
Quê h ng ta t ngày kh ng khi p
Gi c kéo lên ngùn ng t l a hung tàn*

Chi n tranh th ng g n li n v i không khí lo n l c. Là ng i có tâm h n nh y c m, các ngh s không th không au lòng tr c c nh ly tán. Trong n i lo l ng chung c a c dân t c, m i ngh s còn có s lo l ng riêng cho gia ình mình. Trong *ôi m t ng i S n Tây*, Quang D ng th m h i nh ng ng i ng h ng v tình c nh gia ình mình:

*T thu v hoang bóng gi c
iêu tàn thôi l i n i iêu tàn
t á ong khô nhi u ng n l
Em có bao gi l ch a chan ?
M tôi em có g p âu không
Nh ng xác già nua ng p cánh ng
Tôi c ng có th ng em bé d i
Bao nhiêu r i xác tr trôi sông*

Trong th ca Vi t Nam sau n m 1955, ng i lính th ng ít nh c t i gia ình. Ng c l i, ng i lính trong th ca th i ch ng Pháp th ng mang gánh n ng gia ình. Trong bài *Nhà tôi*, Yên Thao miêu t r t th c tâm tr ng m ng lo l n l n c a m t

ng i lính “theo quân v gi i phóng quê h ãng”. N i y “Tôi còn ng i m / Tóc ã
ng màu bông”, “Tôi có ng i v tr p nh th / Tu i m i hai m i, c i b a dãng
c ”. Anh vui m ng vì có d p v quê nh ng c ng lo l ng vì s pháo c a ãng i b n
nh m vào nhà mình g n n ch:

*Này, anh ãng chí !
Ng i b n pháo binh
Đã ãn gi ch a nh ?
Mà tôi nghe nh tr i gi c tan tành
Anh rót cho khéo nhé !
Không l i nh m nhà tôi
Nhà tôi cu i chân i
Có giàn thiên lý
Có ng i tôi th ãng*

Th ca giai o n 1945 - 1954 có s ã d ãng v c m h ãng th m m . Các nh ã
th c phép nói th ãng, nói th t v hi n th c cu c s ãng. Hi n th c ó có khi y
ch t th , có khi gai góc, m m. Và các v n ãng s c ãng thành th t giải bà y tâm
tr ãng c a mình, ãng sao nói v y. Nó khác v i tinh th n “sáng tác có ãnh h ãng” c a
th ca giai o n sau n m 1955. L y ví d , trên báo Tiên Phong, s 16 / 4 / 1946, có
bài th *M con c a Phú H ãng*. Tác gi miêu t m t ãng i m không mu n cho con
vào V Qu c oàn. Nh ãng ãng i con ã lén i “*Lúc rõ chuy n, ôi thôi ! tôi ã th y /
M t con r i. Tôi gào hét kêu van*”. Ng i m không b ãng lòng nh ãng c ãng vui v i
nh ãng chỉ n công c a con và c ãng ãu xé lòng khi nghe tin con t tr n. Tác gi ã
không né tránh t n th t chỉ n tranh và không quay l ãng v i th c t i. i u ó ã góp
ph n làm t ãng giá tr hi n th c c a tác ph m.

Tr c Cách m ãng, L u Tr ãng L ã t ãng say mê v p c a “*hình nh k
chinh phu / trong lòng ãng i cô ph*”. Nay, trong *Ngò c i m hoa*, ãng c ãng miêu t
n i lòng ãng i v tr ch ch ãng i chỉ n ãnh ãng v i m t s c màu khác: “*Tin anh,
em ch i / M t trông ã mơn m i / B ãng d y c ãng quê / Tin anh ã nh n v*

/Nhưng anh không còn nữa (...) B... i... ã... làng / Súng... ã... vang / Gi... c... tháo
sau, tháo tr... c / Tay... c... tr... u, ... i... n... c / Mi... ng... g... i... m, g... i... th... y / Ch... chi... anh... v... ây
/ Gi... a... oàn... quân... chi... n... th... ng”. Câu chuyện kết thúc không có hậu, người ch... ã
không tr... v... trong... oàn... quân... chi... n... th... ng. Tr... n... ánh... nào... c... ng... có... k... m... t... ng... i... còn,
ó... là... s... th... c. Và tác... gi... ã... không... ch... y... tr... n... hi... n... th... c... ó... mà... ngh... n... ngào... cùng... chia... s...
v... i... n... i... au... c... a... nh... ân... v... t.

Người ra chiến trường đi tìm vị cái chết là người thực sự. Nhưng cái chết
của không buông tha người họ phải. *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan đã ch... ra
s... phi... lý... y:

*Nhưng không chết người trai khói lửa
Mà chết người gái nh... h... u... ph... ng
Tôi... v... không... g... p... n... àng
Má... tôi... ng... i... bên... m... con... y... bóng... t... i
Chi... c... bình... hoa... ngày... c... i
thành... bình... h... ng
tàn... l... nh... v...ây... quanh*

ng sau cái chết của người là người buôn của cha mẹ, anh em, vợ chồng,
con cái, bạn bè, xóm làng... Th... ca... kháng... chi... n... ch... ng... Pháp... ã... cung... c... p... nh... ng... cái
nhìn... khác... nhau... v... cu... c... chi... n...:... có... ni... m... vui, có... n... i... bu... n, có... chi... n... th... ng, có... t... n... th... t... hy
sinh. Có... th... nói, ó... là... m... t... n... n... th... ca... hi... n... th... c... và... nh... ân... v... n.

2.1.2.3. Người lính trở thành nhân vật trung tâm của văn học

Tr... c... n... m... 1945, người lính ã... xu... t... hi... n... trong... v... n... h... c... nh... ng... s... l... ng... không
nh... i... u. Người ta quan... ni... m... i... lính... nh... m... t... ngh... ki... m... c... m... dành... cho... người... dân... nghèo
ho... c... nh... ng... người... thích... c... m... giác... m... nh. Chân... dung... của... người... lính... r... t... a... d... ng:... p... -
x... u, vui... -... bu... n... Tuy... nhiên, sau... n... m... 1945, quan... ni... m... v... ng... người... lính... ã... khác... h... n. H...
c... xem... nh... thành... ph... n... u... tú... c... a... xã... h... i, là... tinh... hoa... của... th... i... i... cách... m... ng. Anh
b... i... c... H... tr... thành... hình... t... ng... trung... tâm... của... th... ca... ch... ng... Pháp.

Hình tượng người lính trong thơ kháng chiến cũng trải qua một quá trình biến đổi. Bởi lẽ, người kháng chiến, ta gặp những chiến binh có diện mạo khá đa dạng:

Tây Tiến oàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá d oai hùm

Đó là các chiến binh *Tây Tiến* - người của Quang Dũng năm 1947. Cũng trong thời gian này, Chính Hữu sáng tác bài *Ngày xưa*, miêu tả hình ảnh người lính Hà Nội mang màu sắc của những chiến binh cổ điển.

Những chàng trai ch a tr ng n anh hùng

H n m i ph ng ph t ph c th m

Rách t t i r i ôi giày v n d m

B i tr ng chinh phai b c áo hào hoa

Tuy nhiên, một năm sau, 1948, Chính Hữu đã thay đổi cách thể hiện người lính. Trong bài *Người chiến sĩ*, ông miêu tả những người lính xuất thân từ nông dân. Họ có những nét giản dị, gần gũi với muôn người mà đi theo quan niệm cách mạng vô sản:

Quê hương anh n c m n ng chua

Làng tôi nghèo t cày lên s i á (...)

Áo anh rách vai

Qu n tôi có vài m nh vá

Mi ng c i bu t giá

Chân không giày

Th ng nhau tay n m l y bàn tay...

Như thế, cách mạng sau năm 1955 ít miêu tả những nhân vật chiến đấu của người lính thì thơ ca thời chiến Pháp không ngừng miêu tả những vất vả kh nh c c a họ. Như thế, sau năm 1955 thơ ca kháng chiến tập trung hoàn toàn vào người lính thì thơ ca thời chiến Pháp không ngừng miêu tả chân dung đời sống rách rưới của các “v tr c”, “v t u”. Trên *Người chiến sĩ*, Thôi Hữu nhận thấy:

H v n g y, v n m
M t v n lōm, da vàng
Áo ch n ch a m
 n u ng v n t i tàn
Nh ng v n vui v n nh n
Pháo c i luôn n ran

H không chỉ có di n m o g y gò, b ng beo mà c ng còn có nhi u nh c i m khác. H ng Nguyễn v n *Nh* n nh ng chàng trai mù ch , “áo v i chân không” ch a quen sủng ng nh ng r t h ng hái “ i lòng gi c ánh”. Dù nghèo kh thi u th n, h v n c i vui cùng kháng chi n tr n g k :

L chúng tôi
B n ng i t x
G p nhau t h i ch a bi t ch
Quen nhau t bu i “m t hai”
Sủng b n ch a quen
Quân s m i bài
Lòng v n c i vui kháng chi n

Trong th kháng chi n ch ng Pháp c ng có nhi u bài đ ng lên v p k v c a ng i lính. Trong t p *Vi t B c*, có nhi u bài miêu t v p toàn di n c a anh b i. T H u *Lên Tây B c* chiêm ng ng hình dáng, hành ng p phi th ng c a h :

R t p hình anh lúc n ng chi u
Bóng dài trên nh d c cheo leo
Núi không è n i vai v n t i
Lá ngu trang reo v i gió èo

Trong th x a, ng i lính ít có s g n k t v i nhân dân. Còn trong kháng chi n ch ng Pháp, ng i lính g n bó v i nhân dân nh cá v i n c. Anh b i luôn th c

hi n ph ng chm: i dân nh , dân th ng. Có th th y i u ó trong bài *Bao gi tr l i c* a Hoàng Trung Thông:

Các anh v mái m nhà vui
Ti ng hát câu c i r n ràng xóm nh
Các anh v t ng b ng tr c ngõ
Rú rít àn em h n h theo sau
M già b n r n áo nâu
Vui àn con r ng sâu m i v

Hình nh anh b i c H tr thành m t bi u t ng p trong lòng dân chúng. M i l n quân i n âu, nhân dân nô n c ón r c, kéo v nhà mình cho n u ng, ng ngh , ch m sóc nh ng i thân. Nguy n Ng c T n miêu t c nh nhân dân nô n c ón *Quân v Nam B* :

Bóng tre che mát ng làng
M t hàng quân b c, hai hàng ng i vui

2.1.2.4. T do hóa hình th c c a th

Cách m ng ng ngh a v i s thay i. Khi làm cu c cách m ng l t ch phong ki n, ng i ta c ng phá b nh ng khuôn kh kh t khe ã ràng bu c ng i dân hàng ngàn n m. V i tinh th n y, nhi u ng i ch tr ng b ca nh c cung ình, hát b i, c i l ng. Trong l nh v c th , nhi u ng i c ng mu n quay l ng v i th th t ngôn. H mu n i tìm m t hình th c th hi n m i cho phù h p v i nh p s ng sôi ng c a th i i cách m ng.

N m 1946, t i M t tr n Nam Trung B , H u Loan ã vi t bài th “ *èo C* ” v i m t gi ng i u r t m i.

èo C !
èo C !
núi cao ng t
mây tr i Ai Lao

s u i d ñg
d m v heo hút

á Bia mù s ñg

C ñg vào th i i m ó, Tr n Mai Ninh vi t *Tình sông núi*, *Nh máu c ñg v i*
m t l i di n t phóng túng bay b ñg nh gió ph ñg Nam:

cái gió Tuy Hoà...

Cái gió chuyên c n

Và phóng túng.

Gió i ngang, i d c,

Gió tr l i - l ñg ch ñg

Gió ñgh ,

Gió c i,

Gió reo lên l ñg l ñg.

Vi t B c, Nguy n ñnh Thi c ñg ô m p c v ñg i m i th Vi t. N m
1948, ông có bài *Không nói* ñg báo V ñ ñg mang m t gi ñg th r t l :

D ñg chân trong m a bay

t m mái tóc

Em em nhìn i âu

Môi em ôi m t

Còn ô m ây

Nhìn em n a

Phút giây

Chi u m gió hút

B t tay

ñg chí

Em

Bóng nh

ng l y

Bài thơ *Nh máu và Không nói* l p t c gây s chú ý c a công chúng. Năm 1949 t i Vi t B c, di n ra cu c tranh lu n v th không v n c a Nguy n ình Thi. Nhi u ý ki n không ng ình v i l i th nghi m c a ông và nhi u nhà t h khác lúc b y gi . Nh ng ph i th a nh n r ng vì c sáng tác th t do ã thành m t phong trào r ng kh p. T nh ng cây bút n i danh n nh ng cây bút m i xu t hi n u có làm th t do. Ng i ta ghi nh n trên t p san Sông à có bài êm 27 v i gi ng th khá c áo:

Châu M ng La

t u c

TRONG

Bao nhiêu h i tr ng

êm

Muôn ti ng hô

ó là êm

M NG LA KH INGH A

Không có êm nào nh êm nay

12 Gi

Chúng ta

ánh M ng La

V n áng chú ý ây không ch là th lo i mà là gi ng i u th . N u nh th th t do tr c n m 1945 th ng mang âm h ng bu n thì th t do sau n m 1945 th ng mang âm h ng vui. Th th t do trong v n h c cách m ng th ng có nh c i u nhanh m nh, sung s ng, h h i...

2.1.2.5. Hi n i hóa các th th dân gian

Th kháng chi n không i theo các khuôn kh gò bó c a th ng lu t th i phong ki n. Nó c ng không v ng ngo i, b t ch c l i th cao siêu bí hi m c a

phong Tây. Nó trở về với chúng, phát huy những thế mạnh có trong nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh một vài bài có nghĩa thu thập quá dãi, cũng có nhiều bài góp phần nâng cao thêm các thể thơ dân tộc.

Một số nhà thơ Bắc Trung Bộ đã sáng tác theo thể ví dặm. Đây là một thể loại dân ca nghệ thuật này đã thêm vào nội dung hiện đại. Chẳng hạn như bài *Ngồi cầm hoa* của Lưu Trọng Lư:

Bà sen lily a khoai

Ngày một vì ngày hai

Tin anh em chửi

Mắt trông đã mòn mắt

Bóng dĩa làng quê

Tin anh đã nhỡn

Nhưng anh không còn nữa

Bài *Thăm lúa* của Trần Hữu Thung cũng viết theo thể ví dặm khu Bắc:

Xòe bàn tay bầm tím

Tính đã bần nếm ròn

Ngồi ta nh không trông

Ai còng bó không mong

Riêng em thì em nh

Chửi u v n đã l

Cam u ngõ đã vàng

Em nh ru ng nh v n

Không nh anh r ng c

Trong kháng chiến chống Pháp cũng có nhiều bài thơ viết theo hình thức này. Thanh Tịnh sáng tác về chiến đấu truyền tụng cách mạng. Nhiều nhà thơ khác cũng sáng tác theo thể này: Lưu Quang Thuận, Phùng Quán, Lê Anh Tâm, Phác Văn... Về kháng chiến có số lượng khá nhiều nhưng ít có

bài trình t n v i th i gian. T H u sáng tác bài th L m theo th vè 4 ch nh ng nh c i u m i m , hi n i h n vè truy n th ng.

n nay tháng sáu

Ch t nghe tin nhà

Ra th

L m i! (...)

L m i, còn không ?

Chú bé lo t cho t

Cái x c xinh xinh

Cái chân tho n tho t

Cái u nghênh nghênh

Hình th c th lo i c a th l c bát v n nh tr c ây nh ng ch khác v n i dung hi n th c. i u áng chú ý là th l c bát không ch dùng c mà còn ph bi n c vi c dùng hát. Nhi u bài c nhân dân ca hát truy n t ng mà quên m t tên tác gi . Vì v y mà có m t kho tàng ca dao m i ra i:

Tháp M i p nh t bông sen

N c Nam p nh t có tên C H

(Ca dao Nam B)

C c b p! C c b p! Xò! Xò!

Ba th ng gi c Pháp b t gà b t heo

C c b p! C c b p! Xò! Xò!

Ba th ng gi c Pháp b t heo b t gà

(Ca dao Bình Tr Thiên)

Tr i m a n c th m qua vai

t ng i t c m y bài th hay

(Ca dao B c B)

Thi x a, ng i ta th ng hát hò trong lao ng s n xu t, l y nh c i u c a câu hò thúc y n ng su t làm vi c. Nay, nhi u ngh s c ng sáng tác hò ph c v chi n u. Cách s d ng câu t , nh c i u có ph n ch n l c k càng và có tính chuyên nghi p h n hò dân gian. Ch ng h n nh bài *Hò kéo pháo* (Hoàng Vân):

Hồ dô ta nào... kéo pháo ta v t qua èo...

Hồ dô ta nào... kéo pháo ta v t qua núi...

D c núi cao cao nh ng lòng quy t tâm còn cao h n núi.

V c sâu th m th m, v c nào sâu b ng chí c m thù.

2.1.2.6. a nhi u ph ng ng vào th

Tr c n m 1945, kh u ng ã c a vào v n xuôi khá nhi u nh ng ch a ph bi n trong th . Nhi u ng i còn quan ni m v n ch ng ph i tao nhã, t ng ph i chu n m c sang tr ng. M t s nhà th ít có i u ki n ti p xúc v i qu n chúng nh ân dân nên không am hi u l i n ti ng nói c a h . Ph i sau n m 1945, các v n ngh s m i có i u ki n thâm nh p th c t cu c s ng, am hi u ngôn ng c a t ng l p bình dân. V l i, cách m ng r t coi tr ng vai trò c a qu n chúng và yêu c u v n ngh s ph i sáng tác ph c v qu n chúng. tác ph m c ph bi n sâu r ng trong nhân dân, nhà th ph i s d ng l i n ti ng nhân dân.

Trong kháng chi n ch ng Pháp, H ng Nguyên ho t ng B c Trung B . Ông ã ghi l i chân th c l i n ti ng nói c a ng chí, ng bào n i ây trong bài *Nh* . Trong ó, có nh ng t v ng ch m i ph bi n trong nhân dân sau Cách m ng nh : “*Có khai h i, yêu c u ch t v n*”. Nh ng gây n t ng nh t là vi c ph n ánh chân th c l i n ti ng nói c a nhân dân khu B n:

ng chí n vui vui,

ng chí n d y tôi d m t i ch ,

ng chí mô nh n a,

K chuy n Bình - Tr - Thiên,

Cho b y tôi nghe ví (...)

Chúng tôi i nh nh t câu ni:

Dân chúng c m tay l c l c:

" c l p nh r vi n ch i ví ch c!"

T H u là m t trong nh ng ng i i u trong vi c s d ng l i n ti ng nói nhân dân lao ng trong th ca. Ông s d ng khá nhi u ph ng ng Th a Thiên. Tuy nhiên, khi vi t v vùng mi n nào thì ông s d ng t ng c a vùng mi n ó. i v i bà m mi n Nam, ông g i là “*Bà má H u Giang*”. i v i bà m các dân t c thi u s , ông c ng g i theo cách x ng hô c a t ng dân t c:

B m ra ru ng c y m y oan

Ru ng gan b m l i th ng con m y l n

(B m i)

Bà b n m chu i khô

Ru t gan bà b r i b i nh t

(Bà b)

Mé k ngu n c n

Chuy n nhà chuy n c a (...)

Pí lè inh i

Su t êm su t ngày

C H m n c

Chia thóc cho dân

(Bà m Vi t B c)

M t nguyên nhân n a làm cho kh u ng xu t hi n nhi u trong th là do tác gi c ng xu t thân t nhân dân lao ng. Nhà th ã mang ngôn ng c a dân t c, a ph ng mình vào th . Ch ng h n, Bàn Tài oàn là ng i dân t c Dao. Trong khi sáng tác th , ông c ng di n t theo l i t duy c a dân t c mình:

“Con cò tr ng bay trên ng Tây B c

B u tr i xanh n ng m mình”

“Núi rừng Việt Bắc xanh xanh
Mặt trời mọc lên phía Đông
Ánh nắng chiếu sang phía Tây
Thú dơi trên rừng chực bìn”

Thơ ca cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 đã khiêu cho một thời kỳ mới trong dòng chảy thơ ca dân tộc. Bên cạnh những yếu tố mới, mang tính cách mạng, thơ ca giai đoạn này cũng tiếp tục phát huy mặt tốt thành tựu đã có thời kỳ trước. Yếu tố thức tỉnh và tiếp tục duy trì, nâng cao, tạo ra cảm hứng riêng so với các giai đoạn sau.

2.2. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964

2.2.1. Những kiến thức tiêu biểu

Trong thời kỳ này, chúng ta có thể chia làm hai giai đoạn như sau: giai đoạn 1955 - 1960 tiếp nối những kiến thức khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh, tiếp tục công nghiệp hóa đất nước. Giai đoạn 1961 - 1965 tiếp nối những kiến thức chính thức xây dựng nền kinh tế CNXH và nền văn hóa chuyên chính vô sản. Trong 10 năm hòa bình, có nhiều sự thay đổi lớn trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

Tháng 12 năm 1954, tạp chí *Việt Bắc* của T.H.U. được xuất bản. Sau đó, diễn ra cuộc tranh luận sôi nổi về nhiều ý kiến khen chê khác nhau. Có khoảng 30 bài đăng trên các báo Nhân dân, Văn nghệ, Công luận, Thời cuộc... Cuộc tranh luận về tạp chí *Việt Bắc* đã góp phần nhiều cho nền văn nghệ Việt Nam trong thời gian tiếp theo.

Năm 1960, tạp chí *Nhật ký trong tù* của H. Chí Minh được xuất bản đầu tiên. Tạp chí được sáng tác trong thời gian 1942 - 1943 ở Trung Quốc, dưới dạng một cuốn nhật ký bằng thơ chữ Hán. Tác phẩm nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của đông đảo bạn đọc. *Nhật ký trong tù* được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới...

Năm 1961, báo Văn nghệ tổ chức cuộc thi thơ với sự tham gia của 700 tác giả và trên 4000 bài. Ngoài ra, trong giai đoạn 1955 - 1965, còn có nhiều cuộc thi thơ do

m t s t báo và a ph ng t ch c. Qua các cu c thi, Ban t ch c phát hi n thêm nhi u tài n ng m i, b sung i ng sáng tác.

giai o n này, các v n ngh s Tì n chi n b t u sáng tác sung s c tr l i sau 8 n m b n kho n “ch n ng”. H ã chuy n dòng c m h ng, không còn quanh qu n trong tài tình yêu v i nh ng n i bu n bi th ng nh tr c. Nói nh Ch Lan Viên, h ã làm cu c hành trình “*T thung l ng au th ng ra cánh ng vui*”. S l ng tác ph m c a h sau n m 1955 nhi u h n tr c ây. Có th li t kê các tác gi , tác ph m tiêu bi u nh sau:

Xuân Di u: “*Riêng chung*” (1960), *M i Cà Mau và C m tay* (1962), *M t kh i h ng* (1964), *Hai t sóng* (1967), *Tôi giàu ôi m t* (1970), *H n tôi ôi cánh* (1976)...

Huy C n: *Tr i m i ngày l i sáng* (1959), *t n hoa* (1960), *Bài ca cu c i* (1963), *Hai bàn tay em* (1967), *Nh ng n m sáu m i* (1968), *Chi n tr ng g n n chi n tr ng xa* (1973), *Nh ng ng i m , nh ng ng i v* (1974), *Ngày h ng s ng ngày h ng th* (1975)...

Ch Lan Viên: *G i các anh* (1955), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Hoa ngày th ng - Chim báo bão* (1967), *Nh ng bài th ánh gi c* (1972), *i tho i m i* (1973), *Ngày v i* (1976), *Hoa tr c l ng Ng i* (1976), *Hái theo mùa* (1977)...

T Hanh: *Lòng mi n Nam* (1956), *G i mi n B c* (1958), *Tì ng sóng* (1960), *Hai n a yêu th ng* (1963), *Khúc ca m i* (1966), *i su t bài ca* (1970), *Câu chuy n quê h ng* (1973), *Theo nh p tháng ngày* (1974)...

Nguy n Xuân Sanh: *Tì ng hát quê ta* (1955), *Chi c bong bóng h ng* (1957), *Nghe b c xuân v* (1961), *Quê bi n* (1966), *Sáng th* (1971), *o d a h u* (1974)...

Nguy n Bính: *ng Tháp M i* (1955), *Tr ta v* (1955), *G i ng i v mi n Nam* (1955), *Trông bóng c bay* (1957), *N c gi ng th i* (1957), *Tì ng tr ng êm xuân* (1958), *Tình ngh a ôi ta* (1960), *êm sao sáng* (1962)...

L u Tr ng L : *T a sáng ôi b* (1959), *Ng i con gái sông Gianh* (1966), *T t này* (1971), *Ch em* (1973)...

Anh Th : *K chuy n V L ng* (1957), *Theo cánh chim câu* (1960), *Đ o ng c* (1964), *Hoa d a tr ng* (1967), *Mùa xuân màu xanh* (1974)...

Y n Lan: *Nh ng ng n èn* (1957), *Tôi n tôi yêu* (1963), *L ng hoa h ng* (1968)...

Tú M : *N c i chính ngh a* (1958), *Bút chi n u* (1960), *òn bút* (1962)...

Thanh T nh: *i t gi a mùa sen* (1973)...

Các nhà th tr ng thành t kháng chi n ch ng Pháp v n ti p t c sáng tác sung s c. Nh ng ng i có nhi u t p th sau 1955 là:

Tr n H u Thung: *ng tháng tám* (1955), *Ngày thu y* (1957), *Gió Nam* (1962), *Hai t hò khoan* (1961), *Ch Nguy n Th Minh Khai* (1961), *t quê mình* (1971), *Ti ng chìm ng* (1975)...

Hoàng Trung Thông: *Quê h ng chi n u* (1955), *Nh ng cánh bu m* (1964), *u sóng* (1968), *Trong gió l a* (1971), *Ô kê cu n gói* (1973)...

Xuân Hoàng: *Ti ng hát quê h ng* (in chung, 1959), *Du kích sông Loan* (1963), *Mi n Trung* (1965), *H ng t bi n* (1971), *Bi n và b* (1974)...

Bàn Tài oàn: *Mu i C H* (1960), *Có m t th y ng i* (1962), *Xuân v trên núi* (1963), *M t gi c m* (1964), *K chuy n i* (1968), *Chùm s y C u* (1969), *Tháng Tám i m i* (1971), *R ng xanh* (1973), *Sáng c hai mi n* (1975)

Ph m H : *Nh ng ngày x a thân ái* (1957), *Ra kh i* (1960), *i xa* (1970), *Chú bò tìm b n* (1970), *Nh ng ô c a nh ng ng ng* (1976)...

Nguy n ình Thi: *Ng i chi n s* (1956), *Bài th H c H i* (1959), *Dòng sông trong xanh* (1974)...

Nông Qu c Ch n: *Ti ng ca ng i Vi t B c* (1959), *Ng i núi Hoa* (1961), *èo gió* (1968), *B c chân P c Bó* (1971)...

Và các nhà thơ khác như: Khương Hữu Dụng (*Những tình thân yêu* - 1962), Xuân Miên (*Gửi một miền Nam* - 1960), Văn Mai (*Lên đường* - 1961), Lê Ngân (*Những hình ảnh* - 1962)...

Tiếp theo là những nhà thơ trẻ thành trong hòa bình. Một số người đã tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng chưa có những sáng tác đáng chú ý. Phải sau 1955, họ mới khởi nghiệp cho mình trong làng thơ. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:

Thu Bồn: *Bài ca chim chèo* (1963), *Tre xanh* (1969), *Một chút không quên* (1970), *Quê hương một trời vàng* (1975)...

Lưu Trùng Động: *Những người tình yêu nhất* (1960), *Tình nguyện* (1963), *Nhìn màu xanh* (1965)...

Giang Nam: *Tháng Tám ngày mai* (1962), *Quê hương* (1965), *Người anh hùng* (1969), *Vang sáng phía chân trời* (1975)...

Thanh Hải: *Những người chí trung kiên* (1962), *Huống mùa xuân* (1975)...

Vũ Cao: *Sớm nay* (1962), *Đèo trúc* (1973)...

Võ Quang: *Gà mái hoa* (1957), *Thơ cây hoa nở* (1959), *Những sớm* (1962), *Anh em* (1965), *Mồng tre* (1972)...

Võ Văn Trác: *Cây xuân* (in chung, 1962)...

Ngoài ra, còn có một số cây bút khác đã xuất hiện trên báo chí và các tuyển tập thơ in chung nhưng chưa xuất bản thành tập thơ riêng. Những tác phẩm của họ trong giai đoạn này đã trở thành một nền tảng cho những sáng tác giai đoạn sau.

2.2.2. Những cống hiến và thành tựu

2.2.2.1. Sự mở rộng, bổ sung các tài liệu

Từ năm 1955, hệ thống tài liệu trong thời cách mạng Việt Nam cũng mở rộng. Những tài liệu văn học tiếp tục sáng tác nhưng mang tính hình thức. Nhiều tài liệu cũng như trong xã hội này cũng phát triển trong xã hội mới. Sau đây là

m t s tài c chú ý khai thác nhi u và có nh ng s c thái m i m so v i giai o n tr c.

❖ tài công nghi p

Tr c n m 1945, tài công nghi p ít c nh c t i trong v n h c. T n m 1955 tr i, tài này m i c chú ý. B i l , Chính ph ý th c r ng, tính ch t hi n i c a m t n n kinh t tùy thu c vào n n công nghi p c a n c ó. B i v y, ngoài nh ng khu công nghi p do ng i Pháp xây d ng tr c ây Qu ng Ninh, H i Phòng, Hà N i..., Chính ph cách m ng u t xây d ng thêm nhi u khu công nghi p m i, nh t là mi n núi. Ngoài ra, ch ngh a Marx quan ni m, công nhân là l c l ng tiên tí n c a xã h i nên cách m ng chú ý nhi u n vai trò c a giai c p công nhân. T n m 1958 tr i, Nhà n c phát ng các v n ngh s thâm nh p th c t cu c s ng. Các v n ngh s h m h lên ng chia nhau i các l nh v c...

Nhi u nhà v n c phân công th c t vùng m H ng Gai, b n c ng H i Phòng. Huy C n, Kh ng H u D ng ca ng i v p thiên nhiên và con ng i vùng m . Nguy n Vi t Lãm miêu t không khí lao ng sôi n i c a *H Long êm b c vác*. Hình nh công nhân vùng than hi n lên v i g ng m t m i: *Chi c g ng cô gái vùng m* (Trinh ng), *Ch y xe goòng* (Nguy n Xuân Sanh)...

Nhi u công trình xây d ng ng b ng B c B c ng i vào th ca nh công tr ng th y nông B c H ng H i, các nhà máy gi y, diêm, g m i c xây d ng. Ngô Quân Mi n ca ng i v p c a khu công nghi p Sông u ng:

*Qua c u sông u ng ban êm
i n nhà máy g , máy diêm sáng ng i
T ng âu sông u ng ng r i
Mà câu quan h gh o ng i v n sang.*

Nhà máy d t Nam nh v n ã có t th i Pháp thu c, nay, nó mang m t b m t m i nh vào công s c c a nh ng *Cô th d t* (Ph m H). Ch Lan Viên i ra

ngo i ô và c m nh n c nh ng âm thanh, hình nh r c r c a ti u th công nghi p d t:

Thoi reo tí tách

Thoi sáng thoi chi u

Thoi reo róc rách

M t tr i ch ng ng

M t tr i bay theo

N u nh tr c ây, ng i Pháp ch u t xây d ng các khu công nghi p ng b ng thì nay, Chính ph cách m ng r t chú tr ng phát tri n mi n núi. Nhi u v n ngh s c ng h ng hái i th c t sáng tác khu công nghi p Vi t Trì, Thái Nguyên... Qua nh ng chuy n i ó, Hoàng Trung Thông vi t *Trên èo d i èo, Trên èo Phia én*; Thái Giang vi t *L a sáng r ng, Vào êm*; Nguy n Bính vi t *Xây nhà máy*; Khánh H u vi t v *Ng i th o c*; Quang Huy vi t v ngành a ch t...

❖ **tài nông - lâm - ng nghi p**

Nông - lâm - ng nghi p là m t l nh v c ã c nh c n khá nhi u trong v n h c Vi t Nam tr c n m 1945. Tuy nhiên, m i th i có m t c m h ng sáng tác và m t góc nhìn khác nhau. Trong th ca cách m ng Vi t Nam sau n m 1955, tài nông - lâm - ng mang m t s c màu m i.

Tr c 1945, th Huy C n tràn y c nh s c v tr , tr i mây, non n c bao la nh ng mang âm h ng bu n. Sau 1945, thiên nhiên trong th Huy C n th ng mang nh ng s c màu sáng t i, no m. Ông th y *Tr i m i ngày l i sáng, t n hoa* nên vi t mãi *Bài ca cu c i*. N m 1958, Huy C n theo m t oàn thuy n ánh cá ra bi n Qu ng Ninh và ghi l i khúc hùng ca lao ng:

Câu hát c ng bu m v i gió kh i

oàn thuy n ch y ua cùng m t tr i

M t tr i i bi n nhô màu m i

M t cá huy hoàng muôn d m ph i...

tài nông thôn mới khác nhiều nhà thơ khai thác. Trước năm 1945, nông thôn Việt Nam hiện lên trong thơ với màu sắc thi vị, ít có hình ảnh cụ thể sống động. Nay, hình ảnh nông thôn hiện lên với màu sắc hiện thực mới. Yên Lan cùng tham gia sản xuất với nông dân và viết *Bài ca hợp tác thôn tôi*. Trong tập *Riêng chung*, Xuân Diệu có những câu thơ tranh giành hai con đường T h u - Công h u trong giai đoạn tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp. Cũng như các nhà thơ lúc bấy giờ, ông phớt lờ “cu tranh cho cái mới thế giới”. Xuân Diệu ca ngợi những người làm việc ở *Xã Thanh Nga, Vườn Thuần Việt*. Ông ca ngợi sự thay đổi của nông thôn mới:

Muôn trùm hoa nhúc đỏ tươi xanh

Có lòng tôi công hóa thành

Ngôi mới

(*Ngôi mới*)

Tuy nhiên, có lẽ thành công nhất là những nhà thơ trẻ thành sau năm 1945. Người có nhiều bài thơ nổi tiếng về tài nông thôn là Hoàng Trung Thông (*C xã viên, Gửi Thái Thủy, Cho lúa ta lên tiếng ngang trời...*). Hoàng Trung Thông đã đứng lên mặt trận nông thôn mới qua những câu thơ của *Anh chàng nhím*:

Anh gi tay v gi a ng xanh

V c ngày mai thành b c tranh

Kìa dòng m ng ch y c u ng b c

Lò g ch xây cao, ng th ng t p

N i ây kho thóc nhà ch n nuôi

Cụ thể sống mới nức nở có nhiều sự thay đổi. Năm 1958, Nhà nước kêu gọi thanh niên xây dựng kinh tế mới. Trong *Tiếng hát con tàu*, Chế Lan Viên không chỉ kêu gọi thanh niên mà cũng kêu gọi các văn nghệ sĩ. Ông cho rằng vị trí văn xuôi Tây Bắc như trẻ v v i chính ngu n th , c i ngu n cách m ng và kháng chiến.

Con tàu này lên Tây Bắc, anh ơi chng?

B n bè i xa, anh gi tr i Hà N i (...)

*Tàu hã y v giùm ta ôi cánh v i
M t ta thềm mái ngói tr m ga*

T Hanh lên th m *Nông tr ãng cà phê* và v lên m t khung c nh th m ng c a núi r ng Tây B c: “*Nông tr ãng ta r ãng mênh mông / Tr ãng lên, tr ãng l n v n khôn g ra ngoài*”. Có th th y m t b c tranh t ãng th v công cu c xây d ãng CNXH trên mi n B c qua *Bài ca mùa xuân 1961* c a T H u:

*i ta i! Khai phá r ãng hoang
H i núi non cao, âu s t âu vàng?
H i bi n kh i xa, âu lu ãng cá ch y?
Sông à, sông Lô, sông H ãng, sông Ch y
H i âu thác nh y, cho i n quay chi u?*

❖ tài mi n Nam

Sau hi p nh Geneve, t n c b chia c t làm hai mi n và hi p th ãng tuy n c khôn thành. Nh ãng b i mi n Nam t p k t ra B c d ãng nh khôn bi t c ãng v . N i nh mi n Nam cu n cu n ch y ãng êm và c ãng c ph n ánh khá rõ trong th ca.

M t trong nh ãng a danh c nh c n nhi u nh t trong th ca cách m ãng Vi t Nam là *Qu ãng Tr v i c u Hi n L ãng - Sông B n H i - C a Tùng*... Nó là bi u t ãng c a s chia c t t n c. Có th th y n i au ó trong *Sóng C a Tùng* (L u Tr ãng L), *C a Tùng* (Hoàng Trung Thông), *V v i Hi n L ãng* (L ãng An)... T Hanh ã *Nói chuy n v i Hi n L ãng*: “*Tr i v n xanh m t màu xanh Qu ãng Tr / T n chân tr i mây núi có chia âu ?*”. T Hanh ra m t nhi u t p th nói v n i nh mi n Nam: *Lòng mi n Nam* (1956), *G i mi n B c* (1958), *Ti ãng sóng* (1960), *Hai n a yêu th ãng* (1963). Trong bài *Nh con sông quê h ãng*, ông bày t hy v ãng s tr v quê nhà:

*Quê h ãng i, lòng tôi c ãng nh sông
Tinh B c Nam tuôn ch y m t dòng*

Không gh nh thác nào ng n c n c

Tôi s l i n i tôi h ng m c

Tôi s v sông n c c a quê h ng

Tôi s v sông n c c a tình th ng

M i nhà th t p k t ra B c nh v mi n Nam v i nh ng k ni m khác nhau. T H u nh *Quê m* v i “*Mây núi hiu hiu chi u l ng l ng / M a ngu n gió bi n, n ng xa kh i*”. Xuân Di u *Nh quê Nam*, quê h ng c a má, c a ngo i ã nuôi tác gi tu i u th . Liên Nam nh nh ng k ni m *Bên dòng sông An Lão* và phong c nh Nam Trung B ng t lành. Trình ng nh c t m c 728. Trong *êm sao sáng*, Nguy n Bính vi t th *G i ng i v mi n Nam*:

Tr i còn có b a sao quên m c

Anh ch ng êm nào ch ng nh em

N m 1958, n anh hùng Tr n Th Lý c ng i chuy n t chi n tr ng Qu ng Nam ra B c trong tình tr ng b nh t t n ng. Ch ã t ng ch u ng nhi u tr n òn tra t n th m kh c c a chính quy n Sài Gòn. Câu chuy n ó gây s c m th ng, khâm ph c trên t B c và tr thành m t tài c nhi u l nh v c v n h c ngh thu t khai thác. Trong ó có các bài th n i ti ng nh : *Ng i con gái Vi t Nam* (T H u), *Em là t t c quê h ng* (Tr n Nguyên), *Thép c ng nh t là thép ng i* (Xuân Di u), *Hoa h ng trong b nh vi n* (Ch Lan Viên)...

N m 1958, có tin t mi n Nam ra chính quy n Sài Gòn ã u c tù chính tr Phú L i. Th ca mi n B c xu t hi n hàng lo t bài vi t v tài này: *Thù muôn i muôn ki p không tan* (T H u), *Ph i nh thù này* (T Hanh), *Phú L i* (Huy C n), *Gi a ngày Phú L i* (Ch Lan Viên), *Phú L i* (Xuân Di u), *Ti ng nói c a ng i b gi t* (Hoàng Trung Thông). Vào n m 1964, cái ch t c a ng i th i n Nguy n V n Tr i c ng tr thành m t tài khai thác cho báo chí và v n h c ngh thu t.

Bên c nh nh ng nhà th trên t B c vi t v mi n Nam, trong giai o n này c ng có nhi u bài th t mi n Nam gi ra B c. N i dung c ng nói v khát khao th ng

nh t n c nhà, h ng v cách m ng: *M anh hoa n* , *Cháu nh Bác H* (Thanh H i), *Lá th thành ph* , *Quê h ng* (Giang Nam)...

❖ tài n c ngoài

Tr c 1945, v n h c Vi t Nam vi t v n c ngoài r t hi m. Sau 1945, tài n c ngoài m i xu t hi n nhi u trong th ca. Mi n B c Vi t Nam thi t l p m i quan h giao l u v i các n c trong phe XHCN. Nhi u v n ngh s c ng c c i giao l u v n hóa và h c h i kinh nghi m sáng tác c a n c b n. Và sau m i chuy n i, nhi u thi ph m ra i.

Có l T H u là ng i có may m n c ra n c ngoài nhi u nh t và c ng có nhi u bài th v tình h u ngh các dân t c. Ông vi t v Trung Qu c (*Qua Li u Châu, ng sang n c b n, Qua biên gi i*), Tri u Tiên (*Hai anh em*), Liên Xô (*Tr c Kremlin, V i Lênin, Bay cao, L u c Lênin, Xtalingrat m t mùa xuân*), Châu Âu (*Em i Ba Lan, Rôm hoàng hôn*), Châu M (*Nh t ký ng v , Êmily, con...*)... N m 1964, T H u sang th m Cu Ba và miêu t v p r c r c a “hòn o L a, o Say”:

N a vòng trái t, r t ng mây

Anh n Cu Ba m t sáng ngày

N ng r c tr i t và bi n ng c

o t i m t d i l a ào bay

(*T Cu Ba*)

Huy C n n Ai C p và *Trò chuy n v i Kim T Tháp*, n Ir c vi t *Ir c i, G i ng i b n Ir c*. Xuân Di u, Nguy n Xuân Sanh, Hoàng Trung Thông, T Hanh... c ng i nhi u n c và ghi l i nhi u n t ng t t p v tình h u ngh các dân t c. Nh nh ng chuy n i ra n c ngoài, các v n ngh s m i có d p nhìn l i n c mình. Nguy n ình Thi n bi n en và nh n ra m t v p m i v quê h ng Vi t Nam. Trong *Bài th H c H i*, ông vi t:

Vi t Nam t n c ta i

Mênh mông bi n lúa âu tr i p h n

Cánh cò bay lơ lửng

Mây mờ che nh Tr ng S n s m chi u

tài n c ngoài không ch th hi n qua nh ng bài th vi t v các chuy n i n c ngoài mà nó c ng c sáng tác trong n c. Ch Lan Viên t hào nhìn nh ng oàn tàu n c ngoài c p b n H i Phòng. Ông ca ng i tình h u ngh các n c trong phe XHCN:

Kìa xem!

Tàu Ti p Kh c màu en, Dân ch c màu xanh, Ba Lan s c tr ng

T ng n ây, m i con cá kình kia ngàn v n t n

ã ph i b i qua nh ng b s c màu riêng

Ru-ma-ni, Bun-ga-ri k nhau nh ch nh em

H c H i g i cho ta nh ng con tàu ng l a tu i

Tàu Mông C thân yêu v ây ng ngon trên sóng B ch ng

Nh th o nguyên l y sóng này làm bãi c

Tàu Trung Qu c m t bên, m t bên là Liên Xô, Mông C n m gi a

(Tàu n)

2.2.2.2. Xây d ng thành công nh ng hình t ng nhân v t m i

❖ Con ng i lao ng m i

T sau n m 1955, trong lý lu n phê bình v n h c m i n B c xu t hi n khái ni m “con ng i m i XHCN”. ây là m u ng i mang nh ng c i m theo quan ni m v con ng i ki u m i c a ch ngh a Marx. Lo i hình t ng này xu t hi n c hai l nh v c chi n u và lao ng nh ng có l xu t hi n trong l nh v c lao ng s n xu t nhi u h n. T n m 1958, chính ph chu n b nh ng ti n kinh t b c vào k ho ch 5 n m l n th nh t (1961 - 1965). ây là i u ki n xã h i c n thi t n y sinh con ng i m i XHCN.

Trong i ng con ng i m i XHCN, tiêu bi u nh t là nh ng con ng i t ng tr i c hai l nh v c: chi n u và lao ng. H là nh ng chi n s trên tr n tuy n ch ng

Pháp n m x a, nay b t tay vào lao ãng s n xu t. Trong bài *Xây nhà máy*, Nguy n Bính ã ca ng i các c u chi n binh i n Biên Ph nay b t tay vào xây d ãng n n kinh t m i XHCN:

*ây ã có nh ãng bàn tay
Anh b i chi m i Al
T trong m t t v t bay lên
C m ãng n c sao cao chót vót.*

Hình nh con ãng i m i trong l nh v c công ãnghi p c ãng c nhi u nhà th chú tr ãng miêu t. Ph m H ca ng i *Cô th d t* nhà máy d t Nam nh. Ch Lan Viên *Ra ãng i ô ca ng i các cô công ãnh ch b i n gi y: H i em xeo gi y / Em là thi ãnh*. Ông ca ng i nh ãng công ãnh d t:

*Th y sông, thôi l i th y ãng i
Thoi a c i ãi, cu c i c n lao
Nh em c i h t th ãng au
Th ta áo n ãng m c màu tr i xanh*

Có m t s ãng ãnghi p tr c ãy không c xã h i c coi tr ãng nh ãng l i tr thành b i u t ãng p trong xã h i m i. Cách m ãng r t coi tr ãng nh ãng ãng i lao ãng tay chân, ãngi c p c n lao. B i v y, d i m t T H u, hình nh ch lao công tr thành b i u t ãng p c a con ãng i m i XHCN:

*Ch lao công
Nh s t
Nh ãng
Ch lao công
êm ô ãng
Quét rác...*

(Ti ãng ch i tre)

Nhiều nhân vật xuất thân từ nông dân nhúng tay tham gia làm công dân. Trong những tháng nông nhàn, họ xây dựng các công trình. Trong phạm vi của họ vẫn có chế độ nông dân vẫn có chế độ công nhân. Xuân Diệu đã ca ngợi hình ảnh như thế này:

t b n m i công tr ãng
Có m hôi ch r
M t n m m i tháng i
M t cho hoa n ...
con m t t ãng lai
Th y non sông sáng r c

(Ch T i th m ãng)

Việt Nam là một nước nông nghiệp vì vậy là nông dân nên hình ảnh con người mới trong lĩnh vực nông nghiệp cũng chi phối lên những nhân vật. Trước năm 1945, trong vãn xuôi, người nông dân hiện lên với những hình ảnh nghèo khổ, đáng thương. Trong thời kỳ mới, hình ảnh người nông dân đã được thi vị hóa, không thể quên lao động của họ. Nay, người nông dân hiện lên với tinh thần lao động hăng say xây dựng xã hội mới. Huy Cận miêu tả hình ảnh chế độ của một người nông dân *Sau bu i cày*:

Cày xong s ãng ãng m t êm nhòa
Sao d y b ãng nh c i n hoa
Ng i v i b ãng i ôi bóng m
Khoan thai chân b c tr v nh.

Con người mới có những phạm vi như: cày cù lao động, đóng góp trong việc chinh phục thiên nhiên, có tinh thần hoàn thành, làm cho đất đai phì nhiêu. Họ không chỉ lao động cho bản thân mình mà quan trọng hơn là đóng góp cho xã hội. Hoàng Trung Thông đã khắc họa chân dung khỏe khoắn của trai tài gái mĩ mĩ làng quê mới:

*Ng i n i này m i gi i ch a
Trai cày cu c gi i, gái không v a
Hai tay v t l n cùng m a n ng
M a n ng thua ng i, ng i ch ng thua*

(*G i v Thái Th y*)

Nh ng ph m ch t c a con ng i m i th ng c th hi n rõ nét nh t qua các cán b lãnh o. Hoàng Trung Thông ã d ng lên chân dung m t *Anh ch nhi m* giàu tinh th n trách nhi m, s n sàng hy sinh nh ng quy n l i cá nhân ph c v t p th :

*Hôm m t thâu êm lo vi c xã
Gió rét ng tr n, chân b m á
H t làng, h t ru ng thoi i v
Mi ng nói, tay làm, tai l ng nghe*

Con ng i m i XHCN c th hi n ra thông qua m t con ng i c th nh ng c ng có khi mang g ng m t c ng ng. S ng trong t p th , con ng i c n có s yêu th ng san s . T H u r t cao tinh th n oàn k t t p th c a con ng i m i. Trong *Bài ca mùa xuân 1961*, ông vi t: *Có gì p trên i h n th / Ng i yêu ng i s ng yêu nhau*. Ngoài quan h xã h i, con ng i m i c ng c xem xét trong quan h riêng t nh ng m i quan h này c ng c xã h i hóa:

*Mà nói v y: "Trái tim anh ó
R t chân th t chia ba ph n t i :
Anh dành riêng cho ng ph n nhi u
Ph n cho th , và ph n em yêu..."
Em x u h : "Th c ng nhi u anh nh !"
R i hai a hôn nhau, hai ng i ng chí*

Tình yêu th ng g n li n v i tình ng chí. ây, có s k t h p gi a tình c m cá nhân và tình c m c ng ng: *Anh yêu em nh anh yêu t n c* (*Nh - Nguy n ình Thi*), "*Nh nhau anh g i: em, ng chí / M t t m lòng trong v n t m lòng*" (*Núi*

ôi - V Cao). Nh có s k t h p c hai tính ch t y, tài tình yêu v n hi n di n trong nh ng câu th vi t v hình t ng con ng i m i. Trong th ca cách m ng Vi t Nam sau n m 1955, ngoài nh ng bài miêu t tình yêu trong tình ng i, c ng có m t s bài thiên v tài tình yêu ôi l a nh : *V n x a*, *Bài th tình vi t Hàng Châu*, *C n bão* (T Hanh), *Ch i bi c*, *Thuy n và bi n* (Xuân Qu nh), *Hoa lúa* (H u Loan)...

❖ Hình t ng ng

Sau 1945, trong th ca Vi t Nam xu t hi n m t lo i hình t ng c bi t: hình t ng ng. Trong kháng chi n ch ng Pháp, ng i ta th ng dùng t Chính ph , Vi t Minh... Sau 1955, c m t “ ng và Bác” m i c s d ng r ng rãi. Câu “Nh n ng, n Bác” tr thành câu nói c a mi ng c a nhi u nông dân mi n B c sau c i cách ru ng t.

Hình t ng ng là m t hình t ng t p th , nó c ng gi ng v i hình t ng T qu c, hình t ng Nhân dân... Vi t v ng, các v n ngh s th ng nh n m nh công n c a ng i v i dân t c. M s v n ngh s Ti n chi n th a nh n, ng ã sinh ra h l n th hai: *K t n p ng trên quê h ng m* (Ch Lan Viên), *L i d n* (T Hanh), *T ng ng* (Huy C n)... Ông hoàng c a Th m i - Xuân Di u c ng vi t bài *Gánh ca ng i công n c a ng*. Còn trong *Tranh u*, ông cho r ng ng không ch khai sinh mà còn có công d y d , dìu d t các v n ngh s :

*Di u k ! ch hai ti ng mà thôi,
ng ã v d ng l i i tôi.
ng ã d y cho tôi hai ti ng
u tranh là l s ng trên i.*

i v i th h v n ngh s tr ng thành sau 1945, ng ã song hành t lúc h b c vào cu c u tranh cách m ng. Ph m H vi t *D c ng theo ng ôn l i* nh ng n m tháng theo ng làm cách m ng. Xuân Mi n t ra v n : “*Ví không có ng làm sao nh / - Mình v n l m than nu t l mình*” (*i i s ng ch t mãi bên*

nhau). Còn trong *Bài thơ tình* ông, Hoàng Trung Thông lại tìm kiếm những giá trị mới:

Ông là ai?

Là lãnh tụ anh hùng

Dù gió bão, xích xiềng không ngăn chí

Vì Tổ quốc bấc máu u lo ngh

Vì nhân dân vai gánh nặng suốt đời.

T. Hữu có khá nhiều bài thơ ca ngợi ông. Trong “*Ba mươi năm đi ta có ông*”, T. Hữu ôn lại những cay đắng mà dân ta phải trải qua trước 1945, quá trình ra đi của ông. Ông ca ngợi công đức của ông đã dìu dắt dân tộc vượt qua những gian nguy nan nan của lịch sử. Dưới ngòi bút của T. Hữu, hình ảnh của ông càng hiện lên có chân dung rõ ràng, sinh động:

Ông ta ó, trộm tay nghìn mét

Ông ta ấy, xương sắt da ông

Ông ta, muôn vạn công nông

Ông ta, muôn vạn tâm lòng niềm tin.

2.2.2.3. **Tiếp nhận những hình thức mới, sáng tạo những hình thức mới**

Về hình thức thơ, trong giai đoạn 1955 - 1965, các nhà thơ vẫn tiếp tục phát huy lối thơ tự do. Nhiều bài thơ tự do có giá trị ưu việt, nổi bật như: *Tình chị trẻ* (T. Hữu), *Sóng và Cửa Tùng* (L. Trọng L.)... Nhiều người khác tiếp tục tự do với thơ vẫn xuôi, như *Lúa mới* (Huy Cận), *Cành phong lan b*, *Tàu nhân - Tàu trí* (Ch. Lan Viên)... Chẳng hạn, bài *Tàu trí* của Ch. Lan Viên:

*Thị gian thúc theo nhau trên những thân tàu nhân nghe than chày xuy nghe
lòng mình như nghe suối*

Than say nghe như hạc sóng làm say...

Than! ôu phi là dãi vắng

*M t mùi h ng c a r ng h ng hoang c i, khi r ng ch t i thì ánh
n ng, mùi hoa, l i chim, ch t nh a c ng vùi theo*

Nhi u bài th t do có hình th c r t dài. Nhi u bài tâm s , k l dài h i, d ng
nh ph i vi t dài m i nói h t ý ngh a l n lao c a v n . Ví d : *Ir c i, G i ng i
b n Ir c, Ng i th nh* (Huy C n), *Ta i t i, Ng i con gái Vi t Nam, Ba m i n m
i ta có ng, Bài ca xuân 1961* (T H u), *i ra ngo i ô* (Ch Lan Viên)...

Trong giai o n này, mô típ i i khá ph bi n trong v n h c. Các nhà th
th ng dùng phép so sánh hai o n i tr c và sau Cách m ng ca ng i công lao
c a ng. Trong *Các v La Hán chùa Tây Ph ng*, Huy C n ã so sánh hai xã h i
x a và nay thông qua các s c thái trên các pho t ng. Ph m H so sánh i m và i
con làm *Nhà máy d t Nam nh*:

C ng nh ng máy này

M x a kh nh c

Con thoi d t v i

Nh ng ni m c m u t

Nay c ng máy này

i em ti ng hát

Con thoi d t dài

Ni m vui t n c.

Do chú tr ng chuy n t i nh ng v n v n i dung t t ng nên nhi u nhà th
có v ít chú tr ng hình th c ngh thu t. Ngay c các nhà th Ti n chi n t ng có m t
th i xem là cách tân, m i m , góp ph n m ng cho th m i phát tri n. Tuy nhiên,
bên c nh nh ng bài th có v d dãi v hình th c, c ng có nhi u bài th có ch t l ng
ngh thu t cao.

Huy C n v n ti p t c c m h ng v tr nh ng mang h i th m i c a th i i.
Có th xem oàn thuy n ánh cá là m t trong nh ng tác ph m thành công c a ông

sau Cách mạng. Bài thơ có nhịp điệu khoan thai, sống khoẻ, nhịp nhàng như hình ảnh, sáng tỏ:

*Mặt trời xu ng bi n nh hòn l a
Sóng ã cài then, êm s p c a.
Òan thuy n ánh cá l i ra kh i,
Câu hát c ng bu m cùng gió kh i.*

Ch Lan Viên tr i sáng tác su ng s c sau kho ng 8 n m ng ng ngh tìm c m h ng m i. Trong giai o n sau 1955, th c a ông c ng tí p n i m t s c i m tr c Cách m ng nh ch t trí tu , giàu hình nh, t ng c u k , khó hi u. Ch ng h n nh m t o n trong *Ti ng hát con tàu*:

*Con tàu này lên Tây B c, anh i ch ng?
B n bè i xa, anh gi tr i Hà N i
Anh có nghe gió ngàn ang rú g i
Ngoài c a ô ? Tàu ói nh ng vành tr ng*

Xuân Di u v n không hoàn toàn d t b tài tình yêu, ch có i u kín áo h n, không v v p nh tr c. Trong bài *Bi n*, ông dùng bi n pháp n d nói v tình yêu nam n . Cách gieo v n c ng có nhi u sáng t o c áo, cho th y ông c ng không xao nhãng hình th c th :

*Anh không x ng là bi n xanh
Nh ng anh mu n em là b cát tr ng
B cát dài ph ng l ng
Soi ánh n ng pha lê...
B p cát vàng
Thoai tho i hàng thông ng
Nh l ng l m màng
Su t ngàn n m bên sóng...*

Thế hệ nhà thơ trẻ thành sau năm 1945 cũng tiếp tục tìm tòi những hình thức thi ca mới. Trong bài *Nói chuyện với Hien Leung*, Hoàng Trung Thông đã dùng kết cấu song hành lặp lại để thể hiện tình trạng nhập nhòa và phân chia giới tuyến:

Trời hôm nay và mai và ngày

Mây hôm nay và trăng và đêm

Bên hôm nay và trong và ngoài

Sóng hôm nay và sóng và yên

Nhìn chung, thơ ca cách mạng Việt Nam giai đoạn 1955 - 1965 vẫn tiếp tục phát huy những thành tựu đã có từ các giai đoạn trước. Có lẽ điều quan trọng nhất của giai đoạn này là việc thêm vào những nội dung mới. Đó là việc sáng tác theo một số tài liệu, xây dựng một số hình thức mới, chia thành phần biệt trong văn học giai đoạn trước. Ngoài ra, thơ ca giai đoạn này cũng có một số sáng tạo mới về hình thức nghệ thuật.

2.3. Thơ ca Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

2.3.1. Các sự kiện chính

Năm 1965, Mỹ và các nước đồng minh đưa quân vào miền Nam và ném bom miền Bắc làm cho chiến tranh lan rộng khắp hai miền. Bởi lẽ đó có những biến động tình hình văn hóa nghệ thuật. Nhiệm vụ chiến đấu được đề lên hàng đầu, tài liệu chiến tranh trở thành chủ đề mới của văn học nghệ thuật giai đoạn này.

Sau hai lần nhậm chức 1945 - 1954 và 1955 - 1964, các văn nghệ sĩ năm mới bước vào những nguyên lý của phương pháp sáng tác hiện thực XHCN. Trong giai đoạn 1965 - 1975, nền văn học Việt Nam mang những đặc điểm mới hình thành cho văn học cách mạng vô sản. Nhìn vào văn học trong thời gian 10 năm này, người ta cũng có thể thấy được diễn biến mới của văn học cách mạng Việt Nam trong 30 năm chiến tranh.

Trong lĩnh vực thơ ca, giai đoạn này có ba cuộc thi thơ trên báo Văn nghệ : 1965, 1969, 1972 - 1973. Qua các cuộc thi, Ban tổ chức phát hiện thêm nhiều tài năng mới. Ngoài ra, còn có nhiều tuyển tập thơ văn ra đời, ghi lại thi đua nghệ thuật thành tựu sáng tác của các văn nghệ sĩ.

Trong giai đoạn này, ngoài những nhà thơ đã trở thành các giai đoạn thơ ca, còn xuất hiện thêm một lớp nhà thơ mới. Phần lớn trong số họ sinh sau năm 1945, là sản phẩm của cách mạng. Bị vây, bắt buộc tham gia các hoạt động văn nghệ. Có thể kể một số nhà thơ đã có tác phẩm in thành sách như sau:

Xuân Quỳnh: *Tổ quốc tôi ơi*, in chung với Cầm Thi (1963), *Hoa dĩa chi nhào* (1968), *Gió Lào cát trắng* (1974)

Phạm Tiến Duật: *Vùng trăng quàng lụa* (1970)

Nguyễn Khoa Điềm: *Tổ quốc tôi ơi* (1972), *Một tiếng hát vùng* (1974)

Nguyễn Công Mậu: *Thơ ngời ra trận* (in chung với Văn Trạng, 1971), *Cây xanh tuổi thơ* (1973), *Áo trận* (1973), *Mưa trong rừng cháy* (1976)

Phạm Ngọc Cảnh: *Gió vào trận bão* (in chung, 1967), *Êm Quàng Tr* (bút danh Văn Ngàn Chi, 1972), *Ngọn lửa dòng sông* (1976)

Nguyễn Duy (*Cát trắng*, 1973)

Bùi Minh Quốc / Đặng Hồng Ly: *Một tuổi ta thành dòng sông* (1971)

Lê Anh Xuân: *Tiếng gà gáy* (1965), *Hoa dĩa* (1969), *Nguyễn Văn Tr* (1969)

Bằng Việt: *Hồng cây - Búp lụa* (in chung với Lưu Quang Vũ, 1968)

Trần Khoa: *Tổ quốc sân nhà em* (1968), *Khúc hát ngời anh hùng* (1974)

Việt Phương: *Cầm* (1970)...

Một số nhà thơ khác có mặt trong các tuyển tập in chung hoặc có những bài thơ gây chú ý đáng kể như : *Cuộc chia ly màu* (Nguyễn M), *Êm Trạng Sơn nh* Bác (Nguyễn Trung Thu), *Bài ca Trạng Sơn* (Gia Dũng), *Hồng th* (Phan Thanh Nhân), *Đi qua cuộc đời chúng mình* (Ý Nhi), *Chim ngói* (Ngô Văn Phú), *Tr*

Hàm Rồng (Mã Giang Lân), Trăn trên cao (Xuân Thiệu), Cô gái Bạch Long V (Xuân Thiêm)...

Và những cây bút khác đã bước vào giai đoạn này như: Huệ Thnh, Thanh Thảo, Vũ Duy Thông, Trúc Thông, Nguyễn Trọng Thọ, Anh Ngọc, Ngô Thanh Oanh, Vũ Xuân Phong, Trần Như Minh, Nguyễn Hoa, Hoàng Như Cẩm, Phạm Anh Ân, Hoàng Cát Thi Hoàng, Đặng Trọng Đạt, Vân Long, Đặng Kiên Minh, Đinh Nam Khánh, Quang Huy, Đặng Huy Giang, Nguyễn Bình, Thạch Quân, Ngô Văn Phú, Lê Huy Nguyên, Trần Trà, Trần Mạnh Hòa, Văn Lê, Nguyễn Lê, Thanh Tùng, Vũ Trọng...

Giai đoạn này, thành phần nhà thơ cũng khá đa dạng, số lượng nhà thơ nhiều hơn giai đoạn trước: Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi, Phan Thanh Nhiên, Lê Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Ngát... Có một số nhà thơ thi đấu gây sự chú ý của dư luận như: Trần Đăng Khoa, Cẩm Thạch... Giai đoạn này cũng bổ sung thêm một số nhà thơ dân tộc thiểu số như: Lò Văn Cậy, Ý Yên...

miền Nam, riêng nhà thơ cách mạng rất đa dạng: Các nhà thơ quân đội gồm miền Bắc như Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Đình Đăng, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Đình Thi... Những nhà thơ cách mạng miền Bắc gồm: Lê Anh Xuân, Diệp Minh Tuấn, Hoài V, Chim Trng, Văn Phong, Giang Minh... Trung B, có: Liên Nam, Thu Bn, Lưu Trùng Đăng, Nguyễn Khoa Điềm... Ngoài ra, còn phải kể đến những nhà thơ thuộc bộ phận thi ca ô thi miền Nam như: Trần Quang Long, Hoàng Phong Tuấn, Trần Vàng Sao, Lê Văn Hòa, Ngô Kha, Võ Quê, Thái Ngọc Sang...

2.3.2. Một số tác phẩm và thành tựu

2.3.2.1. Sự đa dạng về chủ đề và nội dung

❖ Chủ đề và nội dung

Ch Lan Viên tiếp tục phát huy khuynh hướng chính luận và hàng loạt tác phẩm như: *Tên gọi của bao giờ phải này chăng? Đi thơ đi m, Thi sĩ hè 72 - bình*

lu n... Ông th ng tri n khai v n theo h ng t ng h p - khái quát. Trong bài *Th i s h è 72 - bình lu n*, u tiên, tác gi trình bày nh ng ch t li u th c t phân tích các khía c nh c a v n : “*V i chi n công, ta hi u l i các v n / Phát giác s vi c b ch a th y/ cái b sâu, cái b sau, cái b xa*”. Sau ó, nâng t m khái lên thành v n l n lao c a nhân lo i:

Ta x mình ra d c chi n hào
Cho li n sông núi v n i sau
Cho Vi t Nam ch u v n ngày l a n
Cho nghìn n m nhân lo i ng ng cao u (...)
Tên T qu c vang xa ngoài b c õi
Ta i tri u t n bom mà hái m t tr i h ng
Ta m c d y tr c m t nghìn nhân lo i
Hai ti ng Vi t Nam ng ngh a v i anh hùng

V i Xuân Di u, cu c s ng hôm nay tuy có tr i qua nhi u m t mát hy sinh, chi n tranh có th gây ra nhi u khó kh n nh ng nhìn v t ng lai, *S s ng ch ng bao gi chán n n*. Ông vi t: “*Trái tim chúng ta là m t á nam chân c c m nh! / Trái tim p gi a cu c i, nh chi u lên tr i t a ánh! / Trái tim d ng mãnh, p h cho c th gian, / ây sáng ng i chính ngh a, ây tình ngh a Vi t Nam!*”. V i Huy C n, chi n tranh có em l i s m t mát nh ng con ng i s v t qua t bàn tay và ni m hy v ng c a mình:

Bà m sinh con m t l n b ng mang thai
Nhà máy ta, ta ba l n làm l i
Ch ng ph i con ph ng hoàng t tro tàn tê tái
L i h i sinh
Mà chính bàn tay ta n m ngón m bình minh.

Trong th i gian này, có m t s bài th gây s chú ý c a d lu n b i nó không né tránh t n th t c a chi n tranh. Nh bài *S o t c a Ngô V n Phú*. H bom quá l n,

d u san b ng nh ng v n không gi u c, c ng nh v t th ng con ng i, d u có che ch n c ng không tránh kh i s au n:

*Cái h bom n m trên v t ru ng
D u san b ng v n c nh n ra
n mùa b a chân b c nh p nhô
Lúa c y kín, v t tròn còn y
T ng trên da th t mình m i s o
Ai ng t c ng s o nh ng i (...)
Nh ng v t s o mãi còn nh c nh
Nh ng i u c n nói v i ngày mai...*

N u Ngô V n Phú m nh d n c p n cái m t mát h u ph ng thì Ph m Ti n Du t nh c n t n th t chi n tr ng. ây, tác gi nói n s t ng ng gi a vòng tr ng c a khói bom và vòng tr ng c a kh n tang. Tuy nhiên, màu tr ng c a s ch t chóc không làm ngu i i ng n l a chi n u s c sôi c a ng i chi n s. D a trên s t ng ng ó, Ph m Ti n Du t ã làm n i b t nh ng t ng ph n c a chi n tranh:

*Khói bom lên tr i thành m t cái vòng en
Trên m t t l i sinh bao vòng tr ng
Tôi v i b n i trong yên l ng
Cái yên l ng bình th ng n sau chi n tranh
Có m t mát nào l n b ng cái ch t
Kh n tang, vòng tròn nh m t s không
Nh ng b n i bên trong vòng tr ng
Là cái u b c l a bên trong*

N m 1970, t p th C a m c a Vi t Ph ng c ng gây chú ý b i cách nhìn c a tác gi . Tác gi t nhìn l i nh ng nh n th c ngâý th c a mình. S nhìn nh n l i nh ng s u tr c a mình c ng chính là khôn l n h n. Có ng i cho r ng, t p th

C a m ã i tr c th i i, góp ph n vào công cu c m c a th ca Vi t Nam m t th p k sau ó:

Ta c ngh ng chí r i thì không ai x u n a

Trong hàng ng ta ch có ch c a yêu th ng

ã ch n ng i ch ng ai d ng gi a

M c T Khoa còn h n c thiên ng.

Ta nh t quy t ng h Liên Xô t th n ng h Thu S

Hình nh y là ni m tin, ý chí và t hào

M ng t ng r ng tr ng Trung Qu c tròn h n tr ng n c M

S ngâ y th p tuy t v i và ng ngh ch làm sao

Ngoài ra, ta c ng g p nhi u bài th có tính tri t lý nh : *G p xuân ngo i thành*, *Nh ng câu h i d i t* (T Hanh), *Nhà th Di Loan* (Hoàng Trung Thông), *M t ng khát v ng* (Nguy n Khoa i m), *H i m t r m* (Nguy n Duy)... Không ít thì nhi u, h u nh nhà th nào c ng có vài bài có y u t chính lu n. Khuynh h ng tri t lu n là m t trong nh ng khuynh h ng chính c a th ca cách m ng Vi t Nam sau n m 1945.

❖ C m h ng anh hùng ca

M t trong nh ng c i m chính c a v n h c cách m ng Vi t Nam 1945 - 1975 là ch y u c vi t theo khuynh h ng s thi (anh hùng ca). Trong ba giai o n phát tri n, c m h ng anh hùng ca ch phát tri n m nh nh t giai o n 1965 - 1975. i u này sinh t “tr ng thái s thi” c a t n c. ó là khi dân t c i di n v i m t k ch m nh. Và nh ng chi n công u tiên ã làm ph n khích tinh th n chi n u, lòng t hào dân t c.

Th giai o n này th ng có gi ng i u ng i ca nh ng s ki n l n c a c ng ng. Xuân Di u ã thoát ra kh i cái th i “*Ta là M t, là Riêng, là th Nh t*” hòa vào cái tôi chung c a c ng ng, cùng tham gia vào nh ng s ki n l n c a toàn th dân t c:

*Tôi cùng x ãng cùng th t v i nhân dân tôi
Cùng m hôi cùng sôi gi t máu
Tôi s ãng v i cu c i chi n u
C a tri u ãng i yêu d u gian lao*

V i T H u, cu c chi n tranh ch ãng M là cu c chi n v i b i nó huy ãng
31 tri u nhân dân / T t c hành quân / T t c thành chi n s (Chào xuân 67). T H u
th ãng t nh ãng s ki n chính tr vào trong không gian r ãng l n: *Trông l i nghìn*
x a, trông t i mai sau / Trông B c trông Nam, trông c a c u!. Tác gi phóng t m
nhìn v *Mi n Nam* ca ãng i chi n công cách m ãng:

*Ôi ! T qu c giang s ãn hùng v
t anh hùng c a th k hai m i!
Hãy kêu hãnh: trên tuy n u ch ãng M
Có mi n Nam anh d ãng tuy t v i.*

C m h ãng anh hùng ca c th hi n v i c ca ãng i hình t ãng ãng i anh
hùng. Khí th ãnh hùng c a dân t c th hi n tr c h t tinh th ãn xung phong ra tr ãn
y khí th . Có th th y khí th ó trong bài ãng ra m t tr ãn (Chính H u):

*Súng nh súng to, chi n tr ãng ch t ch i
Ti ãng c i h m h , y sông y c u
B i dân quân, trùng trùng i p i p
Chào nhau không k p nh m t
Dô hò nón v y theo,
Hàng ãng ta i dài nh ti ãng hát*

Gi ãng i u ch o c a tác ph m s thi là trang tr ãng, hào hùng. Bài *N i l a*
lên em c a Huy Du có gi ãng i u sôi ãn i, hùng tráng r t tiêu bi u cho phong cách s
thi:

*N i l a lên em...n i l a lên em
t ãn c t ãng b ãng a ta vào tr ãn ánh*

Núi rừng xanh dãn dập bao quanh

Là cháy lên rồi mang tình em rực sáng quê hương.

Giọng điệu anh hùng ca của bài thơ thể hiện khá rõ trong những câu thơ : *Giới phóng miên Nam, Hành khúc ngày và đêm, Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân, Bão nổi lên rồi, Cuộc sống vẫn tiếp sao...*

❖ **Cảm hứng trữ tình**

Khuynh hướng sáng tác thơ lí tưởng của cảm hứng trữ tình như sự hài hòa giữa âm và điệu, chất thép và chất tình. Cảm hứng trữ tình thể hiện nhiều phong diện khác nhau. Trước hết, nó thể hiện tình cảm gia đình. Trong thơ ca cách mạng, ít có bài viết về tình cảm mẹ con thuở thiếu thời. Thông thường, tình cảm mẹ con được lồng ghép vào tình yêu Tổ quốc: *"Mẹ tôi tận tụy chia / Tiếng kêu con cuộc chiến tranh"* (Hoàng Nhuần Cẩm). Cũng như vậy với bài *Khúc hát ru như em bé lớn lên trên lòng mẹ* (Nguyễn Khoa Điềm). Trong *Một khúc khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm cũng lồng ghép tình yêu trai gái vào tình yêu Tổ quốc: *"Em ơi em, tôi tin là máu xương của mình"*. Cảm hứng trữ tình thể hiện giọng điệu tâm tình thơ:

Tôi là niềm an ủi trong

Như là niềm tin tưởng

Tin cậy là niềm tin cậy

Tin cậy là niềm tin cậy ánh rọi chi chít khắp trong niềm tin tưởng.

Trong văn học cách mạng Việt Nam, ta thường gặp mô típ tình yêu ra trận: *Cuộc chia ly màu* (Nguyễn Mộng), *Vết chân bết hành trang cho chiến sĩ vào* *hạ tuyến* (Xuân Diệu). Những bài thơ nói về tình yêu trong mô típ này có lẽ là *Hành* *thăm* của Phan Thị Thanh Nhàn. Bài thơ có giọng điệu nhàn nhạt, tâm tình riêng tư nhưng sau đó vẫn cho thấy niềm vui của thanh niên thời chiến:

Cô gái như chùm hoa lộng lẫy

Như hàng thơ nói về tình yêu

(Anh vô tình, anh ch ng bi t i u!
 Tôi ã n v i anh r i y...)
 R i theo t ng h i th c a anh
 H ng th m y th m sâu vào l ng ng c
 Anh lên ng h ng s theo i kh p
 H chia tay, v n ch ng nói i u gì
 Mà h ng th m th m mãi b c ng i i.

Trong giai o n này c ng có khá nhi u tác ph m th ca nói v tình yêu th i
 chi n. Ph m Ti n Du t có hàng lo t bài v tình yêu gi a các anh b i và và các cô
 thanh niên xung phong khu B n. Ông làm bài th *G i em cô thanh niên xung phong*
 v i gi ng i u tha thi t “*Th ng em, th ng em, th ng em bi t m y*”. Tình yêu c a
 h c t vào gi a khung c nh núi r ng *Tr ng S n ông, Tr ng S n Tây* th
 m ng, có s c v y g i l n:

ng ra tr n mùa này p l m

Tr ng S n ông nh Tr ng S n Tây

Nam B , Hoài V c ng có nhi u bài th hay v tài này. Tình yêu c a các
 chi n s gi i phóng c t trong b i c nh không gian sông n c Nam B p nên
 th . Ng i chi n s i trong h ng tràm ch t nh ng i yêu v i nhi u b n kho n.
 Anh ta s n lòng ch p nh n n u “*Dù trái tim em không trao anh n a / M t thoáng*
h ng tràm cho ta bên nhau”. ng gi a Vàm C ông, m t chàng trai Nam B ã
 g i l i tâm tình t i m t cô gái B c B :

t n sông H ng, em có bi t

Quê h ng anh c ng có dòng sông

Anh mãi g i v i lòng tha thi t:

Vàm C ông! i Vàm C ông!

Ngoài ra, ta c ng b t g p m t vài bài th tình yêu thu n túy. T nh ng n m
 1960 tr i, các nhà th Ti n chi n b t u “h i xuân” v i *Bài th tình Hàng Châu*

(T Hanh), *Em i nh chi u i* (Ch Lan Viên)... c gi c ng chú ý n m t n thi s tình yêu m i xu t hi n trong giai o n này: Xuân Qu nh. Có th th y nh ng cung b c a d ng c a tình yêu trong bài th Sóng. Nhân v t tr tình khao khát m t tình yêu ích th c v t m i không gian, th i gian:

Làm sao c tan ra.

Thành tr m con sóng nh .

Gi a bi n l n tình yêu.

ngàn n m còn v

2.3.2.2. Xây d ng thành công ki u m u con ng i lý t ng c a th i i cách m ng vô s n

❖ Hình t ng ng i chi n s trên tr n tuy n ánh M

Trong th i k kháng chi n ch ng Pháp, th Vi t Nam ã xây d ng hình nh ng i lính. Tuy nhiên, trong nhi u tác ph m, hình t ng ng i lính v n còn nét xù xì gân gu c, nh h ng v t tích c a xã h i c . Ph i sau n m 1965, th Vi t Nam m i xây d ng c “nh ng con ng i nh chân lý sinh ra”.

Ta hi u khái ni m ng i chi n s theo ngh a r ng, có th là cô nông dân: “Chào cô gái dân quân vai súng tay cày / Chân l i bùn m h máy bay” (T H u). H v a chi n u v a tr c chi n b n máy bay ch. Trong *Bu i g t trên ng chi n th ng Nam Ng n*, Huy n Kiêu vi t:

Th g t ng ta nay toàn tay súng

Tay súng quê ta toàn th c y cày

Nh ng tay b n “con ma”, “th n s m” r ng

L i múa li m chao chát ng t tay

ó có th là ng i m ã nuôi gi u các chi n s . H ch p nh n nh ng òn tra t n, tù, gông b o toàn t ch c cách m ng. Nh ng i m Qu ng Nam trong *t n c ta mênh mông* (D ng H ng Ly):

M ào h m t lúc tóc còn xanh
Nay m ã ph ph u b c
M v n ào h m
M v n ào h m d i t m i bác
Bao êm r i tì ng cu c v ng n m canh

Trong th Ph m Ti n Du t, hình nh ng i chi n s có th là các cô thanh niên xung phong (*G i em cô thanh niên xung phong*). ó có th là các anh b i lái xe t i (*Bài th v ti u i xe không kính*). Ng i chi n s v n t i ây c miêu t t bên ngoài: “*Ung dung bu ng lái ta ng i / Nhìn t, nhìn tr i, nhìn th ng (...)* *B i phun tóc tr ng nh ng i già / Ch a c n r a, phì phèo châm i u thu c / Nhìn nhau m t l m c i ha ha*”. Nh ng bài Nh , ng i chi n s c miêu t t bên trong, có n i tâm sâu s c:

Cái v t th ng xoàng mà i vi n
Hàng còn ch ó, tì ng xe reo
N m ng a nh tr ng, n m nghiêng nh b n
Nôn nao ng i d ynh l ng èo.

Trong th T H u, hình nh chi n s r t a đ ng, ó có th *M Su t* lái ò ngang ch chi n s qua sông. ó c ng có th là ng i th i n Nguy n V n Tr i (*Hãy nh l y l i tôi*), em Nguy n V n Hòa 14 tu i làm liên l c cho cách m ng (*Chuy n em*)... Nh ng tiêu bi u h n c là hình t ng ng i chi n s gi i phóng trên tr n tuy n ánh quân thù. Trong *Bài ca xuân 68*, T H u ã dùng bút pháp s thi miêu t ng i gi i phóng quân:

Hoan hô anh gi i phóng quân
Kính chào Anh, con ng i p nh t
L ch s hôn Anh, chàng trai chân t
S ng hiên ngang, b t khu t trên i

Như các hình tượng anh giết phóng quân trong thơ ca, người ta không thể không nhắc đến bài *Dáng vẻ người Việt Nam* của Lê Anh Xuân. Bài thơ vì thể loại hình ảnh người chiến sĩ đánh sân bay Tân Sơn Nhứt trong tết Mậu Thân. Tác giả đã sử dụng bút pháp phóng đại tô nên màu sắc huyền thoại cho hình tượng người chiến sĩ:

*Anh ngã xuống người bạn Tân Sơn Nhứt
Nhìn anh đứng lên từ súng trên xác thực thà
Và anh chết trong khi đang ngủ
Máu anh phun theo làn nước uống.*

Ngoài ra, ta còn có thể thấy chân dung đã được ca ngợi người chiến sĩ vĩ trong các tác phẩm: *Người gác cửa* (Vũ Cao), *Cần Cù* (Hồng Bằng), *Trên cao* (Xuân Thiệu), *Bay lên* (Tân Hạnh), *Mùa xuân Trường Sơn* (Nguyễn Công Mậu), *Em gái áo đỏ* (Lê Anh Xuân), *Em trên Cần* (Thanh Thọ), *Nghĩa riêng và một đóa chiến trường*, *Giết miên Tây* (Thu Bằng), *Giặc cướp nàng tiên đường* (Đông Hưng Ly)...

❖ Hình tượng H Chí Minh

Hình tượng Bác Hồ đã xuất hiện trong thơ Pháp. Một trong những nhà thơ miêu tả chân dung của H Chí Minh sớm nhất là T. H. u. Tháng 8 / 1945, T. H. u viết: *H Chí Minh / Người lính già (...) Tiếng Người thét / Mau lên gươm l p súng! / Và càn quân / đã bao nhiêu năm tháng tri phong trần*". Tuy nhiên, hình ảnh đó vẫn còn những nét lên gân, chưa miêu tả được một H Chí Minh gần gũi với đời sống. Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta có nhiều bài thơ đề cập đến chân dung H Chí Minh nhưng chưa nhiều. Chúng ta có: *nh C H*, *Thân dân Bác Hồ* (Xuân Diệu), *Bông C* (Ông Quỳ Chân), *Em nay Bác không ngủ* (Minh Huệ), *Em tháng năm* (Văn Thọ Nguyễn), *Sáng tháng Năm*, *Việt Bắc*, *Cánh chim không mỏi* (T. H. u)...

Phải sau năm 1955, hình ảnh H Chí Minh mới xuất hiện nhiều trong thơ ca. Chế Lan Viên có nhiều bài về Bác: *Người tìm hình thành*, *Người thay đổi*

tôi, ng i thay i th tôi. Trong bài Ng i i tìm hình c a n c, Ch Lan Viên ã tái hi n l i quá trình i tìm ng c u n c c a Bác. áng chú ý là có nh ng o n miêu t H Chí Minh n c ngoài:

*êm m n c, ngày th y hình c a n c
Cây c trong chiêm bao xanh s c bi c quê nhà
n m t mi ng ngon c ng ng lòng vì T qu c
Ch ng yên lòng khi ng m m t nhành hoa*

Trong s các bài th v H Chí Minh, ng i ta chú ý nhi u n bài nh Bác c a c u thi u nhi Tr n ng Khoa. Bài th ã kh c h a chân dung c a Ng i t m t góc nhìn l c a tr th :

*Nhà em treo nh Bác H
Bên trên là m t lá c t i
Ngày ngày Bác m m mi ng c i
Bác nhìn chúng cháu vui ch i trong nhà*

N m 1969, H Chí Minh qua i, các v n ngh s ã sáng tác r t nhi u th v Ng i. Tiêu bi u nh : *Nén h ng nh Bác* (Huy C n), *Bác có th u lòng tr th* (Nguy n H ng Kiên), *êm Tr ng S n nh Bác* (Nguy n Trung Thu), *Cây Bác H* (T Hanh), *Bác còn s ng mãi* (nhi u tác gi)... T chi n tr ng mi n Nam, Thu B n ã có nh ng đồng th xúc ng *G i lòng con n cùng cha*:

*Có ng i th d ng thành ng
ã yên ngh t n sông H ng, m i (...)
ã ng ng p m t qu tim
ã ng ng p m t cánh chim i bàng
N i au vô t n th i gian
Nh th ng nh ng ch l tr n m mi*

T H u có nhi u bài th kh c h a hình t ng H Chí Minh. Nh ng ph i n *Bác i, Theo chân Bác*, c m xúc c a tác gi m i chín mu i. T H u xây d ng c m t

trình ca *Theo chân Bác* tái hiện hành trình cách mạng của Người. Còn trong bài *Bác ơi*, tác giả phác họa một con người Hồ Chí Minh gần gũi mà vĩ đại:

*Suốt mấy hôm rày
đâu tìm thấy
đi tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...
Chiều nay con chày vung
thăm Bác
tôi nhủ bạn cau, mấy giờ đi!
(...)
Bác tình thương
cho chúng con
Mắt tôi thanh
bạc, chày vàng son
Mong manh áo vải
huyền môn
Hết ngày
nghỉ ngơi
nghỉ ngơi
lên cơn.*

Hình tượng Hồ Chí Minh còn được phản ánh qua các bài thơ do chính Người sáng tác. Tập *Nhật ký trong tù* đã được lên chân dung thơ ha cá của người tù Hồ Chí Minh trong nhà ngục Quảng Tây. Trong kháng chiến chống Pháp, người sáng tác khá nhiều thơ. Hòa bình lập lại, Người cũng có nhiều bài thơ chúc Tết hoặc nhân các lễ kỷ niệm. Những tác phẩm này cũng góp phần tạo nên hình ảnh một Hồ Chí Minh trong thơ:

*Đã lâu không làm bài thơ nào
Nay làm thử làm xem ra sao
Lúc khi gặp ý thơ
vần chẵn thơ
Bỗng nghe vần thơ vút lên cao*

(Không, 1968)

2.3.2.3. Có nhiều sáng tạo mới về hình thức nghệ thuật

Trong giai đoạn 1965 - 1975, chiến tranh khốc liệt, văn nghệ phải ưu tiên phục vụ các nhiệm vụ chính trị. Yêu cầu nội dung thơ ca cao hơn hình thức nghệ thuật. Các nhà thơ cùng hàng văn sĩ mới nói chung, tạo thành đàn thơ ca hoành tráng. Bởi vậy, không tránh khỏi hiện tượng trùng lặp nội dung và cách thức thi ca. Nói như Tố Hữu:

Ta là m t, ta v a là t t c

c câu th ng chí ng th mình

Th Vi t Nam giai o n này v n ti p t c phát huy nh ng c i m c a th cách m ng giai o n tr c. Th lo i th l c bát và th t do v n phát tri n. Nhi u nhà th c ng ti p t c gia t ng ch t v n xuôi vào th . Tuy nhiên, bên c nh nh ng nhà th ít quan tâm t i hình th c ngh thu t, v n có nhi u nhà th có ý th c tìm tòi nh ng cách th hi n m i. H u t khai thác nh ng t th c áo, t ng tính hình nh, bi u t ng cho th .

Nhi u nhà th c g ng tìm tòi nh ng t th m i, nh ng cách di n t ý nh và có ph n l l m m h . Trong *Cu c chia ly màu* , Nguy n M ã làm o hóa câu th b i m t loài hoa l . Cu c chia tay c a ôi v ch ng di n ra vào m t kho ng th i gian c bi t: có s giao thoa gi a sáng và chi u, gi a thu và ông:

ó là cu c chia ly chói ng i s c

T i nh cánh nh n - lai - h ng

Tr a m t ngày s p ng sang ông

Thu, b ng n ng vàng lên r c r .

Trong gian o n này, d lu n chú ý n m t th n ng th , ó là Tr n ng Khoa. Th c a Tr n ng Khoa h p d n b n c nh ng t th m i m . ó là cái nhìn ng ngh nh c a tr th nh ng c ng có khi s c s o nh ng i l n:

“Ngoài th m r i cái lá a

Ti ng r i r t m ng nh là r i nghiêng”

“Cây d a xanh to nhi u tàu

Dang tay ón gió, g t u g i tr ng

Thân d a b c ph ch thán g n m

Qu d a - àn l n con n m trên cao”

t ng c ng tính hình nh cho th , nhi u ng i ã khéo s d ng các bi n pháp tu t . Anh Ng c thì chú ý n v p b i r i c a *Cây x u h* và phát hi n m t t th hay gi a chi n tr ng kh c li t:

Gi a m t vùng l a cháy bom r i
T t c l nguyên hình tr n tr i
Cây x u h v i màu xanh b i r i
T d u mình trong lá khép lim dim.

i v i Thanh Tùng, không gian và th i gian nh c ng có hình hài nên ta có th xé không gian, ép th i gian. Trong *Ph c a bi n*, ông mu n nh n di n k thù qua s giày vò không - th i gian:

Tôi mu n th ng tay xé to c bóng êm
Xé to c không gian nghìn d m
Ép m ng l i nh ng tu n nh ng thán
Cho l m t quân thù

M t trong nh ng c i m c a th ca giai o n này là s t ng c ng tính chính lu n. Nhi u nhà th ã th hi n tính tri t lý c a mình qua nh ng hình nh n d , a ngh a. Ch ng h n nh trong *Ng n èn ng gác*, Chính H u ã miêu t ng n èn nh m t tín hi u a ngh a:

Nh ng ng n èn không bao gi nh m m t
Nh nh ng tâm h n không bao gi bi t t t (...)
Soi cho ta i
ánh tr n tr ng k
èn ta th p ni m vui theo dãi
èn ta th p nh ng l i kêu g i.

Trên chi n tr ng, ng i lính th ng ph i i di n v i nh ng tr n bom tàn kh c c a máy bay ch. Tuy nhiên, Nguy n Duy ã làm gi m b t hi n th c kh c li t c a chi n tranh qua hình nh “*Ti ng chim sau tr n B.52*”. Tác gi s d ng bi n pháp

il p gi a cái to l n (ti ng bom) và cái nh bé (chim r ng). Cái lã m n ã xua tan cái kh c nghi t c a chi n tranh:

V a tiu ngh u ti ng bom rung

ã nghe nh ng nh nh chim r ng tán nhau.

Trong bài *Tre Vi t Nam*, ông không ch dùng l i nói bi u t ng mà còn chú ý n l i xu ng hàng t o ra nh c ng n, nhanh m nh:

L ng tr n ph i n ng ph i s ng

có manh áo c c tre nh ng cho con (...)

Mai sau

Mai sau

Mai sau

t xanh tre mãi m t màu t re xanh

Trong bài *Nh t ký*, Hoàng Nhu n C m ã o hóa câu th b ng th pháp nhân hóa. Bài th chia ba kho ng th i gian v i ba hình nh khác nhau. áng chú ý là d u hai ch m, ng ng ngh gi a câu nh m t nh ngh a v th i gian:

Sáng: Bình minh y là bình minh k ni m

Chi u: Hoàng hôn nh l nh quen

T i: T c kè ném l i vào êm

Có ng c âu

N m nghe súng n

N m nghe lá th

Trong *Ngu n sáng*, Yên c c ng có m t nh c i u l b i d u g ch ngang gi a câu và bi n pháp i p. Bài th có khá nhi u hình nh l p l i nh ng không nhàm chán:

Ta v i k thù l a nhau t ng phút

Bom ném sáng - c a ta tr a

Bom ném chi u - c a ta t i

Bom sáng, bom chi u, bom tr a, bom t i

C a t a c h m b n g i

Có thể nói, thế Việt Nam giai đoạn này có nhiều sự kiện văn nghệ thu hút nhiều giai đoạn trẻ. Sự kiện này là thu hoạch nhà thơ trẻ thành sau năm 1945. Nhiều nhà thơ đã bước qua lối dài dòng tìm một góc nhìn mới và hiện thực. Như vậy, họ tỏ ra nhiệt tình, đóng góp cho nền thơ cách mạng.

T H U

1. Vài nét v ị u s

T H u có tên th ật là Nguy n Kim Thành, sinh ngày 4 - 10 - 1920. Sau này, ông ánh d u ngày sinh c a mình b ng câu th : “*Liên Xô n tr c i tôi ba tu i*”. Quê quán c a T H u làng Phù Lai - Qu ng Th - Qu ng i n - Th a Thiên. Nh ng ông c sinh ra H i An và t i n m 9 tu i m i ra Hu .

T H u c sinh ra trong m t gia ình có truy n th ng hi u h c. Ông ngo i là nhà Nho, nh ng b bút lông xoay qua c m bút s t cho h p th i. Cha c a T H u bi t ch Hán, ch qu c ng và ch Tây nên c nh n làm ký l c tòa s H i An. Ông t ng có m t th i gian ng n làm vi c Hu r i chuy n vào Phan Thi t, t ó, ít g n g i gia ình. M c a T H u thích s u t m ca dao dân ca và truy n c m h ng ó cho con trai qua nh ng bài hát ru. Bà m t khi T H u m i 12 tu i. T H u s ng nh ng i anh m t th i gian r i ra i t l p.

T H u h c Ti u h c à N ng. Sau ó, n m 1934, ra Hu h c tr ng Qu c H c. Ông c nh n h c b ng và n i trú nh ng n n m 1937 thì m i u ãi b c t do tham gia các ho t ng u tranh. Sau khi l y xong b ng Thành chung n m 1938, ông ti p t c h c n m th nh t ban Tú tài. Trong th i gian h c tr ng, T H u c ti p xúc v i t t ng cách m ng qua các sách báo t ph ng Tây và Liên Xô. Ông c ng c nhi u ng i th y truy n t tinh th n yêu n c và ch ngh a Marx...

T H u s ng Hu trong th i gian đi n ra phong trào M t tr n dân ch ông D ng. ng C ng s n ra ho t ng công khai, sách báo cách m ng c bày bán r t nhi u kinh ô Hu . T H u c nhi u nhà cách m ng Hu d n d t vào con ng tranh u. N m 1935, T H u c k t n p vào oàn Thanh niên Dân ch ông D ng, r i n n m 1937, c k t n p vào ng C ng s n ông D ng. Ông làm bài *T y ghi nh s ki n quan tr ng này*:

T y trong tôi b ng n ng h

M t tr i chân lý chói qua tim

H n tôi là m t v n hoa lá

R t m h ng và r n ti ng chim

T H u b t u sáng tác th k v c nh i kh c c c a dân nghèo: *M côi*, *Hai a bé*, *T ng tri*, *Vú em...* T n m 1937, nh ng bài th u tiên c a ông ng trên báo Dân do Phan ng L u ch bút và nhi u báo chí khác. Mùa hè n m 1938, T H u c m t c Nho t ng cho ch T H u, l y t câu nói c a Kh ng T : “*Ngô nhi t h u i chí*” (tr ta s n có chí l n). T ó, ông l y bút danh T H u v i ngh a là ng i b n trong tr ng.

Trong lúc ang u tranh sôi n i thì tháng 4 - 1939, T H u b b t giam nhà lao Th a Ph . Sau ó, ông tr i qua nhi u nhà tù nh Quy Nh n, Lao B o, Buôn Mê Thu t... Trong hai n m tù ày, T H u vi t khá nhi u. Ông k l i *Tâm t trong tù*:

Tôi, hôm nay, d u xa t m ng n c

H n tranh u v n còn thôi thúc não !

N i ày i là c Pao, Lao B o

Là Côn Lôn, th gi i c a u phi n ?

Tôi s c i nh k s n lòng tin

Gi trình b ch linh h n không b i b n

N m 1942, T H u v t ng c c Lay (B c Kon Tum) tìm ng ra Qu ng Nam, Hu , Hà N i r i vào Thanh Hóa móc n i cách m ng. T H u c b u làm Bí th t nh y Thanh Hóa. Trong Cách m ng tháng Tám, ông làm Ch t ch y ban kh i ngh a Hu r i Phó Bí th x y Trung K . Sau ó, T H u tr l i Thanh Hóa lãnh o chính quy n cách m ng ày.

N m 1947, T H u ra Vi t B c ph trách công tác V n ngh r i làm Tr ng ban Tuyên truy n c a Chính ph Vi t Minh. T i ày, ông tham gia thành l p H i V n ngh Vi t Nam. T H u cùng các v n ngh s tham gia th c t chi n u và lao ng s n xu t. Trong nh ng chuy n th c t này, ông vi t *Cá n c*, *Lên Tây B c*, *Bà m*

Việt Bắc, Bambi, Sáng tháng Năm... Sau chiến thắng ở Biên Phòng, Thủ tướng Việt Nam Hồ Chí Minh ra lệnh cho các nghệ sĩ của Nhà văn Việt Nam (1957) rời ra tất cả các hình thức, tập huấn văn nghệ sĩ... Năm 1973, Thủ tướng chỉ định ông làm giám đốc Nhà văn Việt Nam và viết *Nhà văn ngàn dặm*.

Hòa bình lập lại, Thủ tướng bổ nhiệm ông vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, giám đốc Trung tâm Tuyên huấn Trung ương, phó trách nhiệm văn hóa và văn nghệ, văn hóa. Ông tham gia sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), đứng ra tổ chức các hình thức, tập huấn văn nghệ sĩ... Năm 1973, Thủ tướng chỉ định ông làm giám đốc Nhà văn Việt Nam và viết *Nhà văn ngàn dặm*.

Trong giai đoạn 1955 - 1975, có một số sự kiện quan trọng trên bình diện văn hóa Thủ tướng. Tập thể *Việt Bắc* của ông và Hội Nhà văn Việt Nam (1954 - 1955) của Hội Nhà văn Việt Nam. Sau đó, có một cuộc tranh luận sôi nổi về tập thể *Việt Bắc*. Từ năm 1961 trở đi, tác phẩm của Thủ tướng đưa vào chương trình giảng dạy bậc tiểu học và phổ thông. Nhiều bài thơ, tập thể của Thủ tướng được dịch ra nhiều thứ tiếng như: Trung, Nga, Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Ba Lan, Hunggari, Bungari, Séc, Ucraina, Mông Cổ, Quebec... Thủ tướng cũng có nhiều dự án công tác nước ngoài giao lưu, quảng bá văn hóa cách mạng Việt Nam.

Từ năm 1980 đến 1986, Thủ tướng phân công nhiệm vụ mới: Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, tham gia quản lý kinh tế thị trường. Thủ tướng cũng là một nhà kinh tế nhà văn nhà nghệ sĩ đi ra sau ông là một nhà văn làm ông bận rộn, trăn trở. Có thể thấy sự thay đổi cách nhìn nhận của Thủ tướng về văn học và văn nghệ qua hai tập thể: *Một tiếng nói* (1992) và *Ta và ta* (1999). Năm 1996, tập thể *Một tiếng nói* của Thủ tướng nhận giải thưởng ASEAN. Ông cũng là một nhà văn Hội Chí Minh và văn học nghệ thuật (1996) và Huân chương sao vàng (1994). Thủ tướng qua đời năm 2002 tại Hà Nội.

2. Các chương trình văn học

Thủ tướng Việt Nam giàu chất hiện thực, bám sát các sự kiện lịch sử. Bởi vậy, qua thơ ông, người ta có thể đi ngược lên quá trình hoạt động cách mạng của tác giả.

❖ T p T y

T p T y c tác gi sáng tác trong th i gian 1937 - 1946. T p th c in l n u t i Hà N i n m 1946 v i tên g i là *Th T H u*. Trong l n in th 2, n m 1959 m i có tên là T y. T p th có 71 bài, chia làm ba ph n: *Máu l a - Xi ng xích - Gi i phóng*.

Ph n *Máu l a* có 27 bài, c sáng tác trong th i gian T H u còn i h c và tham gia phong trào dân ch Hu . Ph n này đ ng lên chân dung c a ng i trí th c tr “*B n kho n i k i m l yêu i*”. Chàng *D ng đ ng v i v p gi t o c a* kinh thành và ch quan tâm t i thân ph n *Hai a bé, M côi, Vú em, Lão y t , H m ng i...* Chàng ã tìm c lý t ng cách m ng, tranh u cho ng i nghèo. Và T y, ng i trí th c ti u t s n ã tr thành con c a giai c p vô s n:

Tôi bu c lòng tôi v i m i ng i

tình trang tr i v i tr m n i

h n tôi v i bao h n kh

G n g i nhau thêm m nh kh i i

Ph n *Xi ng xích* có 30 bài, đ ng lên *Tâm t trong tù* c a ng i chi n s cách m ng trong g n ba n m tr i. Có lúc, tác gi th a nh n “*Ôi bao nhiêu o t ng c a h n ngâ*”. Có lúc *Tr n tr i*: “ *n hôm nay k i t s c tôi n m rên*”. M c dù tr i qua nhi u th thách nh ng ng i chi n s v n cùng ng i gi v ng ý chi n chí chi n u (*Con cá ch t n a, Tranh u, Quy t hy sinh*). Có nh ng *Tr a tù, Quanh qu n, Nh ng i, Nh ng*. Trong *Ti ng hát i ày*, có c n i bu n và ý chí s c sôi khao khát t do:

Có ai hi u n i h n ghê g m

Trên m t ng i trông v i núi s ng

Núi h i, t ây b ng xu ng ó

Ch ng bao nhiêu đ m, m y êm tr ng

Ph n *Gi i phóng* có 14 bài c tác gi vi t trong th i gian thoát tù, bí m t ho t ng cách m ng n n m u sau Cách m ng tháng Tám. Tác gi d ng lên ch ng ng ho t ng gian nan, quên h nh phúc cá nhân: “ *êm nay pháo n giao th a / Mà ng i chi n s không nhà còn i*”. T H u c ng d ng l i c nh n n ói n m t D u, tinh th n cách m ng nh n c v b ti n t i T ng kh i ngh a. Ông ch ng ki n nh ng i thay c a *Hu tháng Tám* v i ni m *Vui b t tuy t*:

Ta i d i b n nghìn n m l ch s

êm nay tràn hoa nh y vàng t i

Ta i ây v i th k hai m i

M ch su i tr trong dòng ng i vô ch

T p *T y* c sáng tác trong th i k th nh hành c a th M i nên c ng không tránh kh i s nh h ng c a th lãng m n: *Lyr u th*, *D ng d ng*, *Ti ng sáo ly quê*, *Nh ng*, *Ti ng hát i ày*... M t khác, trong th i k M t tr n bình dân, dòng v n h c hi n th c c ng phát tri n r m r . Tinh th n phê phán b t công c a nó c ng tìm c ti ng nói chung trong t p *T y*. Nh v y, *T y* c ng mang trong mình hình th c ngh thu t c a th M i, tinh th n phê phán xã h i c a v n h c hi n th c. Nh ng nó còn b sung tinh th n cách m ng. Vì y u t cách m ng mà nhi u bài th c a T H u trong giai o n này không có i u ki n ph bi n r ng rãi. Tuy nhiên, qua m t s bài th c ng trên báo M i th i k dân ch , nhà th Xích i u ã d báo T H u là “nhà th c a t ng lai”.

❖ **T p *Vi t B c***

T p *Vi t B c* g m nh ng bài th c T H u sáng tác trong th i k kháng chi n ch ng Pháp (1947 - 1954). T p này có 24 bài, trong ó có 4 bài c vi t n m 1946 (*êm xanh*, *L nh l t*, *Tr ng tôi*, *Tình khoai s n*). Có 3 bài vi t sau ngày ình chi n (*Ta i t i*, *Vi t B c*, *L i v*). Có 6 bài d ch th n c ngoài: *i anh v*, *A Liêu Sa nh ch ng ?* (C. Ximôn p), *Bài ca c a ng i du kích*, *Cho i t do* (dân ca Nam T), *Hành khúc* (L. Aragông), *N u th y m ch t* (E. Rosenberg). T p *Vi t B c* c

xuất bản lần đầu vào tháng 12 - 1954 và do tác giả Nguyễn Giỏi thiết kế và Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955.

Tập thơ này, cái tôi cá nhân của tác giả vẫn còn nặng nề không nhiều (S, M a r i). Nhìn chung, cái tôi cá nhân đã nhường chỗ cho hình tượng chi tiết, quần chúng cách mạng. Những hình ảnh nhân vật tập thể, nhân vật âm ông đã xuất hiện nhiều. Nhân vật trung tâm của tập Việt Bắc là người chi tiết: *Cán công, Voi, Hoan hô chi tiết i n Biên, Việt Bắc*. Có thể thấy chân dung con người tập thể, hình tượng âm ông trong bài Việt Bắc:

*Những người Việt Bắc c c a ta
êm êm r m r p nh là t rung
Quân đội đi p i p trùng trùng
Ánh sao u súng b n cùng m nan
Dân công u c t ng oàn
B c chân nát á muôn tàn l a bay*

Tập thơ cũng có phần hình tượng Hồ Chí Minh (*Sáng tháng n m, Việt Bắc*), các em thi đua cách mạng Hu (L m), chiến dân công Bắc Giang (*Phá ng*).

Chi tiết là hình ảnh người mẹ chi tiết: *Bà m Việt Bắc, Bà B, B m i*. Trước năm 1945, người mẹ miền núi ít có mặt trong văn học. Trong thơ Tố Hữu, những người mẹ miền núi hiện ra rất chân thật dung dị, mang hình thức của cuộc kháng chiến. Chúng ta nhìn hình tượng bà mẹ trong *B m i*:

*B m ra ru ng c y b m run
Chân l i d i bìn, tay c y m non
M non b m c y m y on
Ru t gan b m l i th ng con m y l n (...)
B m yêu con, yêu luôn ng chí
B m quý con, b m quý anh em.*

B m i, li n khúc ru t m m

Có con có m , còn thêm ng bào

V hình th c ngh thu t, t p Vi t B c m à tính dân t c. Tác gi phát huy nhi u y u t c a th ca dân gian. Nhi u bài có hình th c gi ng nh vè: *Cá n c, i anh v , Voi, L m...* Th l c bát v n c phát huy: *Tr ng tôi, Bà b , B m i, Bài ca c a ng i du kích, Cho i t do, Nu th y m ch t, Vi t B c...* C ng nh nhi u nhà th cách m ng khác, T H u c ng sáng tác theo th t do. Có nhi u bài h p th , g m th t do, th l c bát, th b n ch ho c ng ngôn, th t ngôn: *Phá ng, Bà m Vi t B c, Hoan hô chi n s i n Biên, Ta i t i.*

Ngôn ng c a *Vi t B c* có tính i chúng cao h n *T y*. Ngôn ng trong *Vi t B c* r t g n v i l i n ti ng nói nhân dân. Tác gi m nh d n s d ng nh ng t mang phong cách dân t c thi u s và mi n núi nh : ông ké, bà mé, bà b , bà b m... Có th nói, n t p *Vi t B c*, phong cách th T H u ã b t u nh hình rõ nét.

❖ **T p *Gió l ng***

T p th *Gió l ng* c T H u sáng tác trong th i gian t 1955 n 1961. T p th có 25 bài, g m b n n i dung chính nh sau:

Th nh t, nh ng bài ôn l i truy n th ng cách m ng hào hùng. Cu c kháng chi n v a m i k t thúc th ng l i, còn có nhi u i u ph i nói, có nhi u vi c ph i làm tr ngh a cho ng bào chi n s ã hy sinh vì n c. Có nh ng bài ôn l i cu c kháng chi n chung c a c dân t c: *X a... nay, Vinh quang T qu c chúng ta...* Có nh ng bài ôn l i nh ng k ni m c a tác gi : *Quê m , m T m...* Trong bài *Ba m i n m i ta có ng*, tác gi ã nói lý do vì sao ph i ôn l i truy n th ng:

Ba m i n m i ta có ng

Hôm nay ôn l i quăng ng dài...

Ng t bùi nh lúc ng cay

Ra sông nh su i, có ngày nh êm

Th hai, nh ng bài nói v tình h u ngh các dân t c. Sau kháng chi n thành công, mi n B c Vi t Nam tr thành m t qu c gia c l p, có ti ng nói bình ng trên tr ng qu c t . T H u và nhi u cán b khác c c ra n c ngoài giao l u, t o s ng h c a các n c anh em: *Qua Li u Châu, ng sang n c b n, Tr c Kremlin, V i Lê nin, Bay cao...* Nh ng chuy n i y ã n p thêm nguyên li u cho th T H u. Và ông ã sáng tác c nhi u bài th c s c, nh bài *Em i... Ba Lan...*

*Em i, Ba Lan mùa tuy t tan
ng b ch d ng s ng tr ng n ng tràn*

Th ba, n i dung xây d ng cu c s ng m i mi n B c. T p *Gió l ng* c sáng tác trong k khôi ph c n n kinh t mi n B c sau chi n tranh và chu n b nh ng ti n ti n lên xây d ng CNXH. T H u c ng vi t nhi u bài ca ng i s i i *Trên mi n B c mùa xuân*. Ông th a nh n “*Ta còn nghèo, ph ch t nhà gianh*”. Nh ng kêu g i m i ng i hã “*D n tí phân r i, nh t t ng ng n lá / M i hòn than, m u s t, cân ngô / Ta nâng niu gom góp d ng c*”. Trong *Mùa thu m i*, ông ã kh c h a hình t ng con ng i m i bu i u xây d ng CNXH:

*Yêu bi t m y, nh ng b c i đáng ng
C a i ta ch p ch ng bu i u tiên
T p làm ch , t p làm ng i xây d ng
Dám v n mình cai qu n l i thiên nhiên!*

Th t, ni m khát khao th ng nh t t n c. Sau 1956, ý nguy n th ng nh t t n c b t thành. Tin t c t mi n Nam a ra B c: chính quy n Sài Gòn àn áp nh ng ng i cách m ng. T H u luôn tr n tr và sáng tác nhi u tác ph m nói v n i au chia c t: *Ch là ng i m , Thù muôn i muôn ki p không tan*. Trong *Ng i con gái Vi t Nam*, tác gi cho th y mi n Nam luôn trong lòng mi n B c:

*T côi ch t, em tr v , chói l i
Nh bu i em i, ng n c g i*

*Em tr v , ng i con gái quang vinh
C n c ô m em, khúc ru t c a mình.*

V ngh thu t, trong t p th này, T H u u t nhi u h n n nh c i u th .
Nhi u bài th t do có nh c i u m i m , kh e kho n nh *Ti ng ch i tre, Tr c
Kremlin, V i Lê nin...* Nhi u bài có âm thanh luy n láy nh n ng giòn tan (*Em i...
Ba Lan...*), ho c du đ ng êm ái (*M T m, Ti ng ru*). T H u c ng th nghi m l i
v t câu, qua hàng:

*Gà gáy sáng. Th i, mang cánh l a
Hãy bay i! Con chim kêu tr c c a
Thêm m t ngày xuân n. Bình minh
Cành táo u hè qu ng t rung rinh*

(Bài ca mùa xuân 1961)

Nhìn chung, t p th *Gió l ng* là m t b c nh hình rõ nét h n phong cách th
T H u. So v i hai t p tr c, t p th này có gia t ng y u t s thi. Nhi u bài th có
ch t l ng ngh thu t, có nh ng óng nh t nh vào th ca dân t c.

❖ **T p *Ra tr n* và *Máu và hoa***

Hai t p th *Ra tr n, Máu và hoa* c vi t chung trong hoàn c nh chi n tranh,
cùng chung m t c m h ng tài. T p *Ra tr n* g m 31 bài th c T H u sáng tác
trong th i gian 1967 - 1971. T p *Máu và hoa* g m 13 bài c T H u sáng tác trong
giai o n 1972 - 1977. Trong ó, có ba bài c sáng tác sau 30 / 4 n h t n m 1975
(*Toàn th ng v ta, Bài ca quê h ng, Vui th hôm nay*). Ch có bài *V i ng mùa
xuân* là vi t n m 1977.

M u t p *Ra tr n*, T H u nêu m c ích sáng tác c a mình:

Tôi mu n vi t nh ng dòng th t i xanh

V n nóng vi t nh ng dòng th l a cháy

Nh v y, n i dung c b n c a hai t p th s là “*nh ng dòng th l a cháy*”.

tài chi n tranh cách m ng tr thành n i dung chính trong hai t p th . Tác gi u tiên

miêu tả những sự kiện thì hiện tại, nhất là cuộc chiến miền Nam. Có thể thấy hình ảnh miền Nam qua các tác phẩm: *Lá thư Bến Tre*, *Bài ca xuân 68*, *Xin gửi miền Nam*, *Tuổi 25*, *Xuân 69*, *Vết Nam máu và hoa...* Trong bài *Tiếng hát sang xuân*, T. H. u. ã xây dựng hình ảnh phổ cập anh bộ đội miền Nam:

Hình ảnh Giỏi phóng quân
Hai mươi mốt tháng đêm chân trên đường
Vn đội dép lười chiến trường
Vn vành mũ lá coi thường hiểm nguy

Bên cạnh khía cạnh ảnh hưởng chân dung tập thể người lính, T. H. u. c. ã có những bài khía cạnh chân dung cá nhân. Đó có thể là người thi sĩ Nguyễn Văn Trí (*Hãy nhớ lý lẽ tôi*). Hoặc là em bé giao liên Nguyễn Văn Hòa (*Chuyện em*). Với T. H. u., cuộc chiến chính là sự huy động nguên lực của toàn bộ dân tộc. Trong *Chào xuân 67*, ông viết:

Cuộc đi về bình hừng v
31 triệu nhân dân
Tất cả hành quân
Tất cả thành chiến sĩ

Miền Bắc gánh nặng hai vai, và chúng ta lo sợ sự xuất hiện của CNXH và chiến thắng của cộng sản, sự sụp đổ cho miền Nam. Công việc của chúng ta không chỉ là của thanh niên mà còn là của người già. Với *M. S. u. t.*, việc đánh giá không phân biệt con gái, con trai già hay trẻ:

Gan chi, gan rạ, mận?
M. r. ã: Cuộc sống, mình chọn chi ai?
Chọn bằng con gái, con trai
Sáu mươi còn một chút tài đũa
Tàu bay hên bấn sự m. t. r. a
Thì tui cũng vì công nhân mà... a. ã...

Chúng ta còn có thể thấy những hình ảnh miền Bắc chi viện miền Nam trong những bài thơ như : *Ng vào, Bài ca lái xe êm, N c non ngàn d m...* Trong chiến tranh, miền Bắc vẫn là hậu phương những công việc vẫn là chiến đấu. Máy bay ném bom oanh tạc, những dân phu vẫn lao động vẫn lo trực chiến (*Trên những thiên lý, Xuân s m*). Trong bài *Chào xuân 67*, T H u ã phác họa bức tranh chung của miền Bắc những năm chiến tranh:

Hãy xem! Ng ru ng c ng ch nh t th tr n
Lúa ng th ng hàng, quy t tâm 5 t n
Chào cô dân quân vai súng vai cày
Chân l i bùn, m h máy bay!
Chào các c B ch u quân tr ng cây ch ng M
Chào các m già run tay vá may cho chiến s
Chào các em, nh ng ng chí c a t ng lai
Mang m r m i h c ng dài...
Truyền th n k , dân t c ta là v y!

Một trong những hình ảnh quen thuộc trong thơ T H u là hình tượng Bác H . T H u thường viết về Bác H v i giọng i u t hào, ng ng m . Tác phẩm dài nhất về tài H Chí Minh là truyện ca *Theo chân Bác*. T H u ã đi ng l i quá trình hoạt động cách mạng của H Chí Minh và đi ng lên chân dung của Ng i:

Ôi lòng Bác v y, c th ng ta
Th ng cu c i chung, th ng c hoa
Ch bi t quên mình, cho h t th y
Nh dòng sông ch y, n ng phù sa.

Trong hai tập *Ra tr n, Máu và hoa*, T H u gia t ng ch t triết luận. Ông thường suy t gi i thích tìm nguyên nhân cho sự c m nh dân tộc. Ông không ng i nh c n nh ng chuyện buồn đau những cụ i tác phẩm vẫn có giọng i u l c quan, tin t ng th ng l i. Có thể thấy i u ó trong *Ng c a ta i, Trên những thiên lý...*

Có khi, ông tri t lý thông qua nh ng hình nh n d , so sánh ví von bóng b y. Trong bài *Kính g i c Nguy n Du*, ông ã l ng ghép i Nguy n Du và i Ki u. M i câu th u h ng n hai i t ng. Ph i hi u sâu s c truy n Ki u và cu c i T Nh m i hi u c n ý c a T H u:

H i lòng tê tái th ng yêu

Gi a dòng trong c, bánh bèo lênh ênh.

Ng n ngang bên ngh a bên tình

Tr i êm âu bi t g i mình n i nao?

Ng n ng trông ng n c ào

ành nh thân gái sóng xao Ti n ng!

Hai t p th này c ng xu t hi n khá nhi u bài th t s dài: *Êmily con, L u c Lê nin, G p anh H Giáo, Chuy n em...* c bi t, s có m t c a hai tác ph m *Theo chân Bác* và *N c non ngàn d m* ã làm cho hai t p th thêm b th , s . Tr ng ca *Theo chân Bác* có d p dáng nh m t ti u thuy t b ng th ho c m t thiên s thi.

Trong hai t p th này, T H u khô i ph c l i nh p th ng lu t truy n th ng. Có ba bài t tuy t là *T m nh, Táo r ng, Tri âm*. Nhi u bài th t ngôn trang tr ng, thành kính. Ông s d ng th th b y ch , tám ch v i m t nhi u h n các t p tr c. Có th k ra hàng lo t bài nh : *Có th nào yên, Lá th B n Tre, Gi a mùa xuân, Mi n Nam, Trên ng thiên lý, T Cu Ba, Ti n a, Hã y nh l y l i tôi, Nh ng ng n èn, Xuân s m, M t con ng i, Bác i, Theo chân Bác, Tu i 25, Bài ca xuân 71, Xin g i mi n Nam, Rôm hoàng hôn, Vi t Nam máu và hoa ...* Th m chí có nhi u bài h p th nh th t do, th l c bát, th th t ngôn. Trong bài *Mi n Nam*, cùng m t kh , ông chia ra hai câu u - cu i 7 ch , hai câu gi a 8 ch , t o nên m t nh c i u v a quen v a l :

Ôi T qu c giang s n hùng v

t anh hùng c a th k hai m i!

Hãy kiêu hãnh: trên tụy n u ch ng M

Có mi n Nam anh d ng tụy t v i.

Trong hai t p *Ra tr n, Máu và hoa*, c m h ng anh hùng ca phát tri n n sung s c nh t. N i dung c u tiên c a hai t p này là chi n tranh ch ng M . di n t hi n th c l n lao k v y, T H u th ng dùng hình th c t s dài h i c ng v i l i th th t ngôn trang tr ng. i u ó t o cho hai t p th này có c m t s c thái riêng không l n v i các t p tr c ó.

❖ **T p *M t ti ng n* và *Ta v i ta***

Hai t p th *M t ti ng n* và *Ta v i ta* là nh ng sáng tác ch ng ng cu i cùng trên hành trình th T H u. T p *M t ti ng n* g m 74 bài sáng tác trong giai o n 1979 - 1992. T p th này c gi i th ng ASEAN n m 1996. T p cu i cùng là *Ta v i ta*, g m 40 bài c sáng tác trong th i gian 1993 - 2001.

Sau chi n th ng Mùa xuân n m 1975, T H u ng ng sáng tác m t th i gian dài. Có l do ông t m th i ngh ng i ngòi bút sau khi nhi m v l n ã hoàn thành. Và có nhi u công vi c b n r n sau khi t n c th ng nh t. Tuy nhiên, trong *Phút giây*, ông v n tr l i v i th :

T ng âu quên m t Th r i

T m yên chút vi c l i ng i v i Th ...

T H u th y r ng, v n ch ng còn ph i làm bao vi c b n b th i h u chi n, tr c h t là t ng k t l i l ch s chi n tranh cách m ng. Ông ã sáng tác khá nhi u bài ôn l i quá kh hào hùng: *M t khúc ca, M t nhàn xuân, Chào n m 2000, Tr a tháng t Sài Gòn, Anh cùng em...* Không ch t ng k t l ch s dân t c mà ông c ng t ng k t l i ch ng ng ho t ng cách m ng c a mình. N m 1987, k ni m n a th k ng trong hàng ng c a ng (1937 - 1987), T H u vi t ng và th :

Tròn n m 50 tu i: ng và th

T y h n vui mãi n gi

Mái tóc pha s ng ch a c n ý

Con t m rút ru t v n còn t
Thuy n con v t sóng không nghiêng ng
Ngh a l n xuôi dòng l ng c m
M i n a ng thôi còn b c ti p
Tr m n m duyên ki p ng và th !

Nhìn l i quăng ng qua, có bao nhi u k ni m vui bu n. B n bè, ng chí
 l n l t qua i, khu y ng con tim tác gi . T H u c ng vi t khá nhi u bài th m
 vi ng v n ngh s : *G i theo anh Xuân Di u, Hôn anh, Nh Ch Lan Viên, Nhà h a s*
Tô Ng c Vân, Lòng anh (v L u Tr ng L)... Ông c ng vi t nhi u bài v các lãnh
 o ng nh : *Th m Bác chi u ông, Nh v anh (vi t v Lê Du n), Nh anh Lê V n*
L ng...

Khi ngh h u, T H u có nhi u th i gian th c hi n nh ng chuy n i th m
 vi ng b n bè, th m l i nh ng n i n ng tình m ngh a. T H u v th m *Làng Th ng,*
Hà Trung, Ho ng Hóa, H u L c, V n cam T ng L c, ng Tháp M i, Cùng mi n
Trung và quê h ng, V quê... Ông vào B n H i th m *M Di m* thì bà ã qua i. V
H u L c th m b n già, tìm chút ni m vui lúc cu i i:

Ngày x a mái r phen tre
Mà nay nhà b n b n b g ch xây
Ôm hôn hai má b n già
Ra v m mãi lòng ta v i i

Chi m s l ng l n trong hai t p th là nh ng bài vi t v nh ng chuy n i
 tham quan c a T H u. ó là các di tích l ch s nh : *Luy Lâu, Nông C ng, T nh Gia,*
Hu l i huy hoàng, Qua c u Công Lý, M i tám thôn v n tr u, V chi n khu x a,
Nh m t cu c hành h ng, Th m tr ng Nguy n Thái Bình, Ngh a trang tr ng S n,
ng Chín... Họ c là các c nh quan v n hóa, thiên nhiên nh : *êm thu quan h ,*
C m Th y, Ng c L c, Qu ng X ng, M t thoáng Cà Mau, êm tr ng N m C n,
ng Tho i S n, Chùa H ng, Du xuân, Bi n m ...

T H u sáng tác hai t p th này trong b i c nh t n c có nh ng thay i l n v kinh t . Sau 1975, n n kinh t t n c g p nhi u khó kh n và Nhà n c ã m l i thoát b ng vì c ch p nh n n n kinh t th tr ng. Có nhi u s ki n làm cho T H u v a vui v a bu n, có th th y i u ó qua: *Ch ng Xuân, Nuôi tr n, T t m B o L c, X ng nhà, Ch Bí th nhà máy, Hát trên giàn khoan d u, Chuy n vui xí nghi p, Nh ng bàn tay xây d ng...* Trong *Qu ng cáo*, T H u nh n th y bên c nh s nh n nh p c a kinh t th tr ng c ng có s l n x n, nh n nháo:

*Ph ph ng m p ph i ngo i
Hàng quán lai rai nh u r u tây
Nh ng nhút th i trang nàng m t m i
Lâm ly "Ti n chi n" nh c vàng say.*

Sau i m i, nhi u quan ni m s ng thay i. Ng i ta b t u v ch ra nh ng sai l m kinh t c a th i bao c p. T H u nguyên là Phó Th t ng ph trách kinh t nên c ng ch u trách nhi m v tình tr ng trì tr c a t n c th i bao c p. Trong *êm cu i n m*, trong lúc thiên h vui say v i nh ng món ngon th i i m i thì T H u tr n tr :

*êm cu i n m. Riêng m t ng n èn
D hay khôn d i nh ng khen chê
Làm n, hai ch quen mà l
Th cu c, nhân tình, r ò tr ng en*

Trên l nh v c v n hóa t t ng, c ng có nhi u thay i l n. V n là Tr ng ban Tuyên giáo su t 20 n m tr i, T H u không d nhanh chóng ch p nh n nh ng quan i m “xét l i”. Ông c t lên *M t ti ng n l loi gi a s nh n nháo c a th i k i m i*:

*M i bình minh ó ã hoàng hôn
ang n c i t i l b ng tuôn*

i th ng s m n ng chi u m a v y

Khu y ng lòng ta bi t m y bu n.

Trong hai t p th này, c m h ng anh hùng ca (s thi) nh t d n nh ng ch cho c m h ng th s i t . Ta g p khá nhi u bài có âm h ng bu n. Nh ng cu i bài th , th ng lóe lên ni m tin yêu hy v ng. ó c ng là l i k t thúc có h u sau ch ng ng “*B n kho n tìm ki m l yêu i*”. Có th th y i u ó qua bài *Xuân hành 1992*:

Ai th ng m t ó hoa tàn

Có au muôn gi t máu tràn l r i?

Mùa xuân n ó mình i!

m lên, âu ch ng xanh t i lá cành.

Nói tóm l i, qua b y t p th , ta có th khái quát ch ng ng th c a T H u nh sau: t p *T y* là giai o n i tìm c m h ng ch o c a th . Có th xem ây là giai o n nh n ng c a th T H u. T *Vi t B c n Gió l ng, Ra tr n, Máu và hoa* là th i sáng tác sung s c nh t c a T H u. ây c ng là giai o n khá i n hình cho phong cách th c a ông. n hai t p *M t ti ng n* và *Ta v i ta*, dòng thác s thi y u d n và r sang dòng th s i t . Và ch ng ng cu i này, ta b t g p có nhi u bài quay tr l i c m h ng c a *T y*. ó là nh ng ch ng ng khúc khu u trên hành trình th T H u.

3. Phong cách th T H u

3.1. Th T H u mang tính tr ình chính tr

T H u là m t chi n s cách m ng và xem th nh là m t v khí chi n u nên th ông mang m tính chính tr . T H u c ng là m t ngh s có tâm h n nh y c m, giàu c m xúc tr ình. Vì T H u có s k t h p gi a chi n s và ngh s nên trong th ông c ng có s k t h p gi a tính chính tr và tr ình. Trong *Chuy n th* , ông tâm s :

Làm bí th hoài có bí... th ?

R ng: Th v i ng n ng duyên t

Thuyền bèo có lái, qua mả gió

Không lái thuyền trôi, lạc bến bèo ...

T H u quan niệm thì là vấp chí đấu tranh giai cấp nên thì ông gần gũi với các sĩ kiển chính trị. Ông có cảm hứng về bất trị của chính trị, tuy thế thì xã hội của ông mang nội dung chính trị. T H u thì nghĩ đến những góc chính trị, phát biểu nhân danh công nhân, chứ không phải. Nhân vật trữ tình trong thì ông thì nghĩ là “ta” công nhân hoặc là cái tôi mang sắc thái công dân:

Ta là vì đây, nhấc gông a con

Máu hoà trong máu, nhấc son

Sài Gòn ơi, Huế ơi! Xin ơi

Tái huy, huy hoàng, c N c non!

(Viết Nam, máu và hoa)

Thì T H u thì nghĩ mang những tình cảm lớn, mang tính công nhân. Như là tình yêu Tố Hữu (Vinh quang Tố Hữu chúng ta, N c non ngàn dặm), công nhân và Bác (Bà mẹ in máu ta có công, Bác ơi), công nhân (Hoan hô chiến sĩ biên giới, Hỡi anh lính lữ đoàn tôi), công nhân (Bà mẹ Việt Bắc, Lá thư Bến Tre). Ngay cả trong tình yêu nam nữ, T H u cũng chính trị hóa:

Mà nói vấp: "Trái tim anh ó

Rất chân thật chia ba phần tôi :

Anh dành riêng cho công nhân nhiếu

Phần cho thơ, và phần em yêu..."

(Bài ca mùa xuân 1961)

Trong cuộc sống, ta thấy có hai hiện tượng: có những nhà chính trị làm thơ, trong thì xã hội giàu chất thép nhưng ít chất tình. Cũng có những người chỉ chuyên làm nghệ thuật, không thích đưa chính trị vào thì nên thì xã hội giàu chất trữ tình nhưng ít chất thép. T H u thì khác, thì xã hội có sắc thái hài hòa giữa chất thép và chất

tình. T H u đi n t nh ng v n chính tr m t cách bay b m, giàu hình nh sinh ng. Nh bài *Ti ng hát sang xuân*:

*M t l ch m i hôm nay
Bi t là xuân n c m tay lên ng
R n ràng thay, c nh quê h ng
N a công tr ng, n a chi n tr ng, xôn xao ...*

3.2. Th T H u mang m tính s thi và c m h ng lãng m n

Th T H u mang tính s thi b i l nó ph n ánh nh ng s ki n quan tr ng, thu hút s quan tâm c a toàn dân t c, ó là công cu c ch ng ngo i xâm và xây d ng CNXH. Tác gi s thi th ng t i m nhìn trên ph ng di n c ng ng ánh giá các s ki n l ch s . Tác ph m s thi th ng d ng lên b c tranh l ch s hoành tráng c a c ng ng. Trong *Theo chân Bác*, T H u ã d ng lên m t thiên l ch s v H Chí Minh theo chi u dài th i gian l ch s s ki n và có m t không gian hoành tráng:

*H i mi n B c ó, n ng ôi vai
Gánh c non sông, v t d m dài
X d c Tr ng S n, i c u n c
Mà lòng ph i ph i d y t ng lai! (...)
B n m i th k cùng ra tr n
Có ng ta ây, có Bác H .*

Nhân v t c a tác ph m s thi là nh ng con ng i u tú c a c ng ng. Trong b i c nh chi n tranh, ó là hình nh ng i chi n s trên tr n tuy n ánh quân thù. ó là “nh ng con khôn c a gi ng nòi”. ng u là H Chí Minh “Ng i r c r m t m t tr i cách m ng”. H là chi n s i n Biên: *Chi n s anh hùng / u nung l a s t*. H là cô gái dân quân mi n B c: “*Chào cô dân quân vai súng vai cày / Chân l i bùn, m h máy bay!*”. Ho c là ch Tr n Th Lý, cô cán b mi n Nam có s c ch u ng nh huy n tho i:

*Em là ai? Cô gái hay nàng tiên
Em có tu i hay không có tu i
Mái tóc em ây, hay là mây là su i
ôi m t em nhìn hay ch p l a êm ông
Th t da em hay là s t là ng?*

(Ng i con gái Vi t Nam)

Khi ca ng i nh ng con ng i cao quý c a c ng ng, tác gi s th ng dùng gi ng v n thành kính, trang tr ng: “*Hoan hô anh gi i phóng quân / Kính chào anh, con ng i p nh t*”. Th T H u mang c m h ng anh hùng ca b i có gi ng v n sôi ng, hào hùng. Trong *Vi t B c*, có nhi u o n trùng i p, t o khí th b ng b ng nh s thi c i n:

*Nh ng ng Vi t B c c a ta
Đêm êm r m r p nh là t rung
Quân i i p i p trùng trùng
Ánh sao u súng b n cùng m nan
Dân công u c t ng oàn
B c chân nát á, muôn tàn l a bay*

Ch t s thi th ng i kèm v i c m h ng lãng m n. Ch ng h n, trong o n th trên, ch t lãng m n c th hi n nh ng hình nh m m ng nh “*Ánh sao u súng b n cùng m nan*”. Trong *Vi t B c*, ch t lãng m n còn th hi n ni m tin vào t ng lai huy hoàng c a dân t c: “*Nghìn êm th m th m s ng dày / Đèn pha b t sáng nh ngày mai lên*”. Ch t lãng m n c ng c th hi n qua nh ng tình c m ng i, ng bào, tình yêu trai gái. Nh trong bài *M a r i* nói v m t cu c tình trong r ng Vi t B c th i kháng chi n:

*Chi u nay heo hút r ng sâu
M a ngu n su i l bi t âu mà tìm
c gì anh hóa thành chim*

Bay theo em, hát cho tim buồn

3.3. Thơ T H u có gì ng ị u tâm tình ng t ngào tha thi t

T H u quan niệm “Th là tiếng nói ịng ý, ịng tình, tiếng nói ịng chí”. Th là tiếng nói chân thành, toát ra t ịnh ịng c m xúc chân th c. Trong bài *Cá n c*, T H u di n ịt c m xúc c a mình b ịng m t gi ịng r t t ịnh: “*Anh V qu c quân i / Sao mà yêu anh th*”. T H u nh ị trò chuy n t ịnh, chân thành v ị b n bè, quē h ịng c a mình b ịng gi ịng Hu ịng t ngào sâu l ịng. Có th ị th y gi ịng ng t ngào c a x Hu qua bài *Quē m* :

Hu ị, quē m c a ta ị!
Nh ị t ngày x a, tu ị chín m ị
Mây núi hiu hiu, chi u l ịng l ịng
M a ngu n gió b ị n, n ịng xa kh ị...
Ti ịng hát âu mà nghe nh ị th ịng!
Mái nhì man mác n c sông H ịng
Hà ị, ti ịng m ru nhè nh
Cay ịng bao nhiêu n ị o n tr ịng!

T H u là ngh s nên con tim th ịng rung ịng tr c nh ịng c nh ị au kh . Nhi u bài có ch t gi ịng tr m t sâu l ịng khi k v nh ịng b t công c a xã h ị: “*R a là h t ! Chi u nay em ị mãi / Còn mong chi ngày tr l ị Ph c ị / Quēn làm sao, em h ị lúc chia phôi / B ị khác c nh, hai a mình ngh n nói*” (ị ị em). Có lúc, ông nh ị tâm tình trò chuy n v ị ịng ị m chi n s , thông c m cho c nh ịng c a bà m mi n núi: “*B m ị có rét không b m / Heo heo gió núi, lâm thâm m a phùn*” (*B m ị*).

T H u làm th ị tuyên truy n, tác ịng t ị qu n chúng. ị cho qu n chúng hi u c l ị truy n t, nhà th ph ị dùng nh ịng hình th c gi n d d hi u. c b ị t, gi ịng ị u c a tác gi ph ị ịng t ngào m ị có th ị tác ịng vào con tim kh ị óc c a

nhân dân. Chàng hèn, bài *Tiếng ru* có phong vị dân ca nên được nhân dân miền Bắc dùng ru con:

*Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bống, yêu nước; con chim ca, yêu trời
Con ngựa muông sông, con ngựa
Phải yêu người chí, yêu người anh em.*

Trong hai tập thơ của Tố Hữu, giọng điệu tâm tình tha thiết xuất hiện với mật độ khá dày. Đó là lúc công nhân, nhà thơ tận tâm tình với mình, triết lý và nghệ thuật thay thế thi cụ cổ. Giọng điệu tâm tình thường đi liền với triết lý, suy tư và lí tưởng. Ông triết lý và thân phận *Con ngựa*:

*Trăm năm, ngàn năm, Ngựa đi đi
Thường nhau cho ngựa cỡi cùng hoa
Cho ta hạnh phúc cùng ta
Ngựa không thể là kiếp Con*

3.4. Thơ Tố Hữu và tính dân tộc

Trước hết, tính dân tộc thể hiện trong nội dung thơ. Thơ Tố Hữu phản ánh những sự kiện lao động, mang tính sống còn của dân tộc. Ông thường viết về công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH. Đây là những vấn đề có liên quan tới quy luật của toàn dân:

*Ôi hai tiếng người bào, Tấc quẻ
Nay nay mới thu được ta
Trăm năm mới tìm được nhà
Hôm nay mới cất lên tiếng ca
Ta đã nên người công nhân
Cao bằng người, nào thua ai?
Tay ta, tay búa, tay cày
Tay gặt, tay bút, đang xây nên mình.*

Chith tr tình trong th T H u hòa mình vào qu n chúng và phát ngôn nhân danh dân t c. Gi ng i u t hào dân t c, s ng khoái ng i ca T qu c quê h ng mình. Không nh ng t hào v nh ng v n l n lao mà c ng th tình yêu v i t ng ng n c , con su i, t c t quê h ng. C nh v t và con ng i trong *Xuân s m* mang m màu s c dân t c:

i gi a ng xuân, d ng n ng
Quê h ng ta h i! Có ai ng
M i dòng kênh ó, b tre ó
Máu ã r i nhi u, c m ! (...)
Ôi nh ng nàng xuân r t d u dàng
Hát câu quan h chuy n ò ngang
Nh nhàng tay c y bên sông y
Súng khoác trên l ng, ch ng ng ngàng.

Tính dân t c còn c th hi n trong hình th c ngh thu t. T H u th ng s d ng các th th truy n th ng dân t c, nh t là l c bát. Ngôn ng g n g i v i l i n ti ng nói h ng ngày c a dân t c. Trong bài *M Su t*, tác gi s d ng hình th c th l c bát v i ph ng ng Qu ng Bình nên t o c c màu s c dân t c:

Bây ch sông n c v ta
i kh i i l ng, thuy n ra thuy n vào (...)
Ghé tai m , h i tò mò:
C r ng ông c ng ng cho m chèo ?
M c i: Nói c ng, ph i xiêu
Ra kh i ông còn dám, tui ch ng li u b ng ông !

T H u bi t phát huy kh n ng giàu có c a ngôn ng dân t c. Ông s d ng nhi u bi n pháp tu t , c bi t là phép i p và láy: *Thông reo b su i rì rào / Chim chi u chiu chút ai nào kêu ai ? (Ti ng hát i ày), Gió l ng xôn xao, sóng bi n u a*

*/mát r...i lòng ta ngân nga ti ng hát” (M T m), N i ni m chi r a Hu...i /mà m a
x i x tr ng tr i Th a Thiên (N c non ngàn d m)...*

Trong *Vi t B c*, hình th c dân t c th hi n th l c bát, hình th c i áp giao
duyên c a trai gái ngày x a. c bi t, tác gi c ng ti p t c s d ng c p t nhân x ng
mình - ta nh ng nâng cao i m i, không ch m t nam m t n nh trong ca dao mà
ch t p th cán b chi n s cách m ng (ng i i) và nhân dân *Vi t B c* (ng i).
Không ch quan h cá nhân nam n mà cao h n, ch quan h quân v à dân, t c là quan
h xã h i. Có th th y r t rõ âm h ng dân ca qua câu:

Mình i mình có nh mình

Tân Trào, H ng Thái, mái ình cây a ? (...)

N c trôi, lòng su i ch ng trôi

Mây i mây v n nh h i v non

á mòn nh ng d ch ng mòn

Chàm nâu thêm m, ph n son ch ng nhòa

❖ **K t lu n**

Qua 65 n m c m bút, T H u ã l i cho i m t di s n v n ch ng s .
M c dù sáng tác qua nhi u giai o n nh ng th c a ông v n có nhi u nét nh t quán
t o nên phong cách riêng rõ r t. Nh ng tác ph m c a ông có tác đ ng to l n i v i
phong trào cách m ng. Nhi u bài th c a T H u c ph bi n r ng rãi trong nhân
dân, có tác ng không nh n i s ng tinh th n c a nhi u th h h c sinh. Không
ch có giá tr v n i dung t t ng, nhi u bài th c a ông có giá tr ngh thu t, có s
óng góp nh t nh cho n n v n h c dân t c. T H u x ng áng là con chim u àn
c a th ca cách m ng *Vi t Nam*, nhà th l n c a dân t c.

CH LAN VIÊN

1. Vài nét v ị u s

Ch Lan Viên sinh n m 1920, quê g c c a ông xã Cam An, huy n Cam L , t nh Qu ng Tr . Cha ông làm công ch c, nay ây mai ó nên a c gia ình i theo. Ch Lan Viên l n lên Bình nh và xem n i này là quê h ng th hai. Ông h c tr ng Qu c H c - Quy Nh n và b t u sáng tác th trong th i gian này.

Cha c a Ch Lan Viên h Phan, quê châu Hoan (t c c a ng i Chàm) nên t tên con là Phan Ng c Hoan. Khi vào s ng Quy Nh n, Ch Lan Viên có đ p ch ng ki n nh ng di s n c a n n v n hóa Chàm l i trên t Bình nh. Nhìn nh ng ng n tháp Chàm r i rác kh p c ô Chiêm Thành, Ch Lan Viên th ng suy t v s tàn l i c a m t n n v n minh c . Trong ó, có nh ng tên tu i l ng danh tr thành bi u t ng c a dân t c Chàm nh Ch Mân (k t hôn v i Huy n Trân công chúa), Ch B ng Nga (ngh a là “*bông hoa c a hoàng th t Ch m*”). Có l vì nh ng s tích ó mà chàng trai tr Phan Ng c Hoan l y bút danh c a mình là Ch Lan Viên (v n hoa lan nhà h Ch). Ông xem mình nh m t công dân c a v ng qu c Chiêm Thành. Trên ng v n c c , ông vi t:

Ta mu n th h n ta v Chiêm qu c
Ng i chi ây mang kh i bu n u u t?
Ng i chi ây tr tr i d i tr i sâu?
Nh ng than ôi! n c c bi t là âu?

Trong các thi nhân n i t i ng c a t Bình nh th i ó, ch có Xuân Di u ng m t góc riêng v i nh ng v n th tình yêu y khát v ng s ng. Còn b n ng i: Ch Lan Viên, Hàn M c T , Y n Lan, Quách T n l p thành nhóm Bàn Thành T H u, còn g i là tr ng th iên, Lo n. Nhóm th này th ng vi t v nh ng n i bu n au. Có ng i bu n v n v , có ng i bu n tình, có ng i bu n vì b nh t t, có ng i bu n vì n c Chàm ã m t... Th c a Ch Lan Viên lúc y có r t nhi u hình nh h n ma,

xác ch t. N m 16 tu i, Ch Lan Viên ã vi t *iêu tàn* và xu t b n vào n m 1937. T ó, tên tu i c a ông b t u n i ti ng trong c n c.

Sau khi l y xong b ng Thành chung, n m 1939, Ch Lan Viên ra Hà N i h c ban Tú tài. Sau ó, ông vào Sài Gòn và i nhi u t nh mi n Trung d y h c và làm báo. Sau *iêu tàn*, ông có vi t kho ng h n 30 bài th n a nh ng ch a xu t b n (còn g i là t p *Sau iêu tàn*). N m 1942, ông cho ra i t p v n *Vàng sao*, ti p t c dòng tri t lu n mang màu s c siêu hình, huy n bí. Vào lúc y, chi n tranh th gi i b c vào giai o n cu i r t kh c li t. N n kinh t Vi t Nam ki t qu , phong trào cách m ng ã phát tri n sôi ng nh ng v n ch a làm lung lay tháp ngà c a thi s h Ch . Sau này, Ch Lan Viên t ch trích nh ng v n th l c i u c a ông th i Ti n chi n:

t n c s p i thay r i mà tôi ch ng bi t
Ng i thay i i ta ã v kia, ta v n không hay
Tôi v n khép phòng v n hì h c vi t
N ng trôi i oan u ng bi t bao ngày

(*Ng i thay i i tôi, Ng i thay i th tôi*)

Lu ng gió m nh c a Cách m ng tháng Tám ã kéo Ch Lan Viên ra kh i v ng qu c siêu hình. Ông tham gia phong trào Vi t Minh Quy Nh n. Sau ó, ra Bình - Tr - Thiên xây d ng phong trào v n hóa cách m ng, làm báo *Quy t th ng*, *C u qu c*, *Kháng chi n...* N m 1949, Ch Lan Viên c k t n p vào ng C ng s n ông D ng. Trong bài *K t n p ng trên quê m*, Ch Lan Viên xem nh ng ã sinh ra mình l n th hai:

Giã m ra i kháng chi n b n ph ng tr i
K t n p ng, b ng quay v quê m ! (...)
Tôi ng d i c , a tay tuyên th
Trên t quê h ng mang hình bóng m
Ng ch ng nh v a sinh l i l n u.
ng tr thành n i c tr n chôn rau

Sau năm 1954, Chế Lan Viên ra Bắc, công tác Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1955, ông cho in tập *Gửi các anh* gồm những bài do ông sáng tác trong kháng chiến chống Pháp (chạy từ năm 1952). Cũng sáng tác của Chế Lan Viên có phần chính trị trong thời gian từ năm 1942 đến 1958. Một phần vì hoàn cảnh sống khó khăn, phần vì chủ trương văn nghệ cách mạng (*Cơm áo không đùa với khách thơ* - Xuân Diệu). Khi hết lo náo nhốn thì chiến tranh thì lịch sử phức tạp sau chiến tranh. Sau Cách mạng, nhiều nhà quản lý văn hóa cách mạng rất đáng quý, nhưng họ là loại thiếu than khóc hơn mà, trong gió xù xào xa xa. Thi sĩ Chế Lan Viên tìm kiếm những cảm hứng mới. Tìm kiếm những cảm hứng mới trong làng thơ cách mạng, Chế Lan Viên đã phê phán những dòng thơ cũ của mình. Trong bài *Ngo nhĩ lí mĩ lí mĩ n m*, ông thận trọng khi so sánh với thành tích cách mạng của Tố Hữu:

*Gửi lúc tôi đi học
 Thơ thân anh tôi từ (...)
 Tôi đi gửi lòng mình
 Mà mình không hiểu nó
 Tôi đi gửi siêu hình
 Như tôi này lắm lắm (...)
 Nay đã nằm trong lòng của ông
 Văn thơ mình thơ đã còn xa*

Năm 1960, Chế Lan Viên lại gây sự chú ý lớn trên văn đàn bởi sự công bố tập thơ *Ánh sáng và phù sa*. Tập thơ này ảnh hưởng rất lớn tới những nhà thơ trẻ cho thấy Chế Lan Viên sau Cách mạng. Ông đã “ *đi tung lộng lẫy ra cánh rừng vui*”. Sau khi tìm kiếm “ánh sáng” sự sống cho thơ, tìm kiếm “phù sa” nuôi dưỡng cho thơ, Chế Lan Viên sáng tác cùng với các nhà thơ Trẻ chiến đấu khác. Ông liên tục ra mắt các tập thơ: *Hoa ngày tháng - chim báo bão* (1967), *Những bài thơ ánh sáng* (1972), *Đi thơ đi mĩ* (1973), *Ngày vui* (1975)... Về văn xuôi, ông có: *Thơ Trung Quốc* (1963), *Những ngày đi đi* (1966)... Về phê bình, ông có: *Phê*

bình v n h c (1962), *Suy ngh và bình lu n* (1971)... Ch Lan Viên tr thành m t trong nh ng cây bút ch l c và ng u khuynh h ng tri t lu n c a n n th cách m ng th i chi n tranh. N u nh n m 1949, ng ã khai sinh ra Ch Lan Viên - chi n s th ã nay l i khai sinh ra Ch Lan Viên - thi s cách m ng. Trong bài *T Qu c bao gi p th này ch ng?*, ông vì t:

Cho tôi sinh ra bu i ng d ng xây i,

M t c th y dòng sông ra g p b (...)

Cho tôi sinh gi a nh ng ngày di t M ,

Vóc nhà th ng ngang t m chi n l y

Sau ngày t n c th ng nh t, Ch Lan Viên vào s ng thành ph H Chí Minh. Ông ti p t c ra m t hai t p th *Hoa tr c l ng Ng i* (1977), *Hái theo mùa* (1977). Ông v n sáng tác theo c m h ng c , t c là v n tri t lu n - anh hùng ca. Nh ng hai t p *Hoa trên á* (1984), *Ta g i cho mình* (1986), gi ng th ã chuy n d n sang c m h ng th s - i t . Tuy nhiên, hai t p này c ng ch a t o c s t bi n nào áng k . Ngoài th , ông còn công b m t s tác ph m v n xuôi, ti u lu n, phê bình nh : *Gi c a s thành* (1977), *Bay theo ng dân t c ang bay* (1976), *Ngh c nh dòng th* (1981), *T gác Khuê V n n quán Trung Tân* (1981), *Ngo i vi th* (1987) và nh ng bài trao i ngh v n v i bút danh Chàng V n...

N m 1989, Ch Lan Viên qua i. Ông ã v v i th gi i mà ông ã t ng m m ng th i trai tr . V ông - nhà v n V Th Th ng và con ông - nhà v n Phan Th Vàng Anh ã t p h p các bài ch a công b c a ông in sách. Nhà xu t b n Thu n Hóa ã in *Di c o th* t p I (1992), t p II (1993), t p III (1996). ây là l n th ba, Ch Lan Viên l i gây s ng c nhiên l n trên v n àn. T p th này không có gì c s c v m t hình th c ngh thu t nh ng l i gây chú ý v m t n i dung t t ng. Ông ã m nh d n nhìn nh n nh ng khuy t i m, th t - gi c a th mình th i chi n tranh. Ch Lan Viên ã t ph nh n mình l n th hai.

Th Ch Lan Viên là m t kh i mâu thu n l n, r t a d ng và ph c t p. i u này nh là h qu c a quá trình nh n th c lý tính, ph nh c a ph nh. Th i Ti n chi n, ông cùng các nhà th m i h ng hái ch i b th c ki m con ng i cho th M i. Trong giai o n 1945 - 1980, ông ph nh n nh ng a con tinh th n c a mình th i Ti n chi n xây d ng n n th cách m ng. Sau 1980, ông l i nh n th y nh ng nh c i m c a n n th cách m ng. Và trong l n này, Ch Lan Viên ã xích l i g n h n a con hoang *iêu tàn* mà ông ã t ng h th i nó.

2. Các ch ng ng th và quan ni m sáng tác

2.1. Giai o n tr c n m 1945

T p *iêu tàn* g m 36 bài th c Ch Lan Viên sáng tác trong th i gian h c trung h c Quy Nh n. “Quy n *iêu tàn* ã t ng t xu t hi n ra gi a làng th Vi t Nam nh m t ni m kinh d” (*Thi nhân Vi t Nam*). Ng i ta r t ng c nhiên khi th y m t thi s r t tr l i có th sáng tác nh ng bài r t ch ng ch c, cao siêu. Và ng i ta c ng ng c nhiên b i m t th gi i d th ng trong t p th .

Trong l i t a t p th *iêu tàn*, Ch Lan Viên ã phát bi u nh ng n i dung c xem là tuyên ngôn c a tr ng phái th Lo n Bình nh: “Hàn M c T nói làm th là iên. Tôi thêm: Làm th là làm s phi th ng. Thi s không ph i là ng i. Nó là Ng i M , Ng i Say, ng i iên. Nó là Tiên, là Ma, là Qu , là Tinh, là Yêu. Nó thoát Hi n T i, nó xáo tr n D Vãng, nó ôm trùm T ng Lai. Ng i ta không th hi u c vì nó nói nh ng cái vô ngh a, tuy r ng nh ng cái vô ngh a h p lý”. Ông ã c th hóa quan ni m c a tr ng phái th iên qua bài *Nh ng n m m* :

C D Vãng là chu i m vô t n

C T ng Lai là chu i huy t ch a thành

Và Hi n T i, bi t cùng ch ng h i b n

C ng ng chôn l ng l chu i ngày xanh!

Ch Lan Viên quan ni m, th ph i c áo, l l m, phi th ng. Cái d này th hi n cách l y bút danh Ch Lan Viên, cách t tên t p th *iêu tàn*, cách t tên các

bài thơ trong tập. Ngoài những bài có nội dung “bình thơ”, còn có rất nhiều bài có nội dung “d thơ”. Có thể chia những bài thơ có nội dung kể thành ba nhóm như sau:

Thứ nhất: hoài niệm về vùng quê Chiêm Thành. Nhà Ch. Lan Viên là người dân tộc Chăm thì việc thơ viết về hoàng kim của dân Chăm là bình thơ. Nhưng trong này, ông là người Việt, nên đó là việc d thơ. Nguyễn Văn, người có *tiêu tàn* lúc còn bé thơ, nói: “Nhà Ch. Lan Viên không phải là đồng đội người Chăm thì Ch. Lan Viên cũng là sản phẩm của những *tiêu tàn* bị hèn mà lịch sử vang của dân tộc Chăm còn lại trên đất thiêng liêng của Po-Nagar” (*Vn thi sĩ Tìn chí n*). Có thể thấy niềm hoài cảm của thi sĩ Ch. qua các bài thơ: *Những sợi tơ lòng, Mộng, Trên vùng v, Chín tầng, êm tàn, Sông Linh, êm xuyên suốt, người Chiêm n ...* “*Trên vùng v*” quá khứ, ông tìm kiếm niềm cảm hứng thơ m m của mình:

*Một ngày bị c thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước gì người dân H i
Ây những tháp g y mòn vì trông i
Những n x a nát d i Thi Gian (...)
Ây những cảnh thái bình trong Chiêm quê
Những cô thôn vàng nhu m n người chi u t i (...)
Và tay lòng ta luôn tràn ngập
Ni bu n thơ những nh ti c gì người dân H i.*

Thứ hai: muốn thoát vào v. Cảnh những thi sĩ lãng mạn khác, Ch. Lan Viên muốn thoát ly thực tại. Theo ông, thực tại cuộc sống quá xa, đáng chán chường: “*Trời hi hi tr i! hôm nay ta chán hết / Những sắc màu hình nh của Tr n Gian*” (*T o l p*). Ngoài công việc tìm về vùng quê Chăm, ông còn muốn thoát lên v. tr. huyền bí, xa x m. Đó là cõi Tiên, cõi Mộng, nơi có thể dung ch. những lý

t ng th m m c a ngh s . Ông M tr ng, mu n Ng trong sao, T m tr ng, mu n
Vol a trên d i Ngân Hà. Trong Nh ng s i t lòng, ông bày t khát khao c a mình:

Hãy cho tôi m t tình c u giá l nh,

M t vì sao tr tr i cu i tr i xa!

n i y tháng ngày tôi l n tránh

Nh ng u phi n, au kh v i bu n lo!

Th ba: thú au th ng, iên lo n. L u Tr ng L t ng phát bi u m t quan
ni m m h c c a th M i: “*Hãy l m ng i trong thú au th ng*”. Trong tr ng th
iên - Lo n Bình nh, Ch Lan Viên và Hàn M c T có cùng chung ni m c m h ng
c bi t v i “*Thú au th ng*”. Th c a Ch và Hàn y nh ng hình nh sông tr ng,
vú m ng, máu cu ng, h n iên... V i Ch Lan Viên, trên i này, ch có kh au là
có ý ngh a: “*V i tôi, t t c nh vô ngh a / T t c không ngoài ngh a kh au!*”
(*Xuân*). Ch i m qua m t s t a bài th c ng th y rõ th gi i k d c a Ch : *Cái*
s ng i, i u nh c iên cu ng, ng quên lãng, Ta, M không, X ng khô, ám
ma, Ti ng tr ng, Bóng t i, H n trôi, Máu x ng, Ti t trình, Tr ng iên, u r i,
X ng v máu trào, Côi ta, u mệnh mang ...

Ai i u lâu trong n m m

Ti ng khoa vang r n kh p u ta?

Có ai rên r ngoài thôn l nh

Nh ti ng x ng ng i rên r khô?

(*M tr ng*)

Tr c n m 1945, tr ng phái th t ng tr ng Pháp nh h ng m nh Vi t
Nam. Baudelaire tr thành ni m ng ng m cho nhi u nhà th tr Vi t Nam ang
ng tr c con ng m h ng i m i cho th Vi t. Th t ng tr ng c a
Baudelaire n t n x Bình nh và là m lung lay con tim, kh i óc c a các thi s tr
nh : *Xuân Di u, Ch Lan Viên, Hàn M c T , Bích Khê...* H cùng s thích i tìm cái
siêu phàm trong m t th gi i khác. Nh ng ch có Ch Lan Viên l c sang v ng qu c

Chiêm Thành. Vì ông, quá khứ hoàng kim học vị xa xôi mới chính là thiên
ngọc của Nguyễn M.

2.2. Thơ của Chế Lan Viên trong 10 năm hòa bình

Gửi các anh là tập thơ đầu tiên của Chế Lan Viên sau Cách mạng tháng Tám. Tập thơ được in năm 1955, nhằm tôn vinh kết quả thành công sáng tác. Suốt mười năm (1945 - 1955), Chế Lan Viên chỉ sáng tác được khoảng 13 bài. Có thể nói, trong giai đoạn này, ông đã bỏ công lực trên công trường. Đây là thời kỳ mà nhu cầu văn nghệ sôi nổi mạnh mẽ hình thành, sôi nổi. Chế Lan Viên lại càng phải sôi nổi hơn gấp bội cái gì gọi là buổi đầu, kinh điển, vì không. Ông không còn chờ theo cái siêu phàm nữa mà vui vẻ hòa mình vào niềm vui của *đi xóm nhà*:

êm nay xóm nhà vui ca nhấc

Anh chèo vãn công mĩ trèo

Tin thơ ngả nghiêng êm lả kìa

Xóm nghèo thao thao suốt êm khuya

Chế Lan Viên viết văn nghệ sôi nổi chính thể nóng hổi trên chiến trường Trường - Thiên thời chiến Pháp. Mục đích sáng tác chủ yếu tuyên truyền công nghệ. Ông tập trung vào những: *à con ra trận, đi xóm nhà, Gửi em trong vùng giặc tằm chim, Nhảy lữ tr thù...* Ông viết về mình và người: *Vòng lòng, Trường Sơn, Nguyện chiến nhé...* Viết về tình huống các nhân vật trong phe XHCN: *Cho người thu c, Staline sống mãi, Nhân dân chiến chúng ta.* Chế Lan Viên cho thấy đã tìm được niềm vui mới, lý tưởng mới trong kháng chiến:

Cảm thức chiến thắng mệnh mệnh là bầy quân thù

Tiếng hát phấn khởi của chúng ta

Tiếng hoan hô to nhấc của chúng ta

Là tiếng rên la thét của quân thù

(Chào mừng)

Trong thời gian này, Ch Lan Viên sáng tác theo hướng i chúng, ngôn ngữ giản dị, d dhi u, nhi u bài thơ có hình thức nghệ thuật d dãi. Tập thơ này ch a t o c ti ng vang áng k trên v n àn nh ng có vai trò ánh d u s chuy n h ng sáng tác c a Ch Lan Viên.

Ánh sáng và phù sa c in n m 1960, g m 69 bài, ánh d u m t th i k sáng tác sung s c tr l i c a Ch Lan Viên. Thời gian sáng tác trong t p th này kéo dài kho ng 5 n m. ây c ng là th i i m mi n B c khô i ph c t n c sau chi n tranh. Trong th i gian y, có nhi u vi c ph i làm cho m t nh à th s ôi n i nh Ch Lan Viên.

Tr c h t, Ch Lan Viên ôn l i nh ng ngày tháng gian nan mà hào hùng th i kháng chi n ch ng Pháp. Ông làm th nh vi t ký, nh n m nh s chân th c c a s ki n: *Ng r ng Lào 1952, Theo tình nguy n quân qua biên gi i n m 1952, Nh t ký m t ng i ch a b nh...* Ông t th c nh ng s ki n áng nh c a mình và ng i: *êm ra tr n, Lá ng y trang, K t n p ng trên quê m , êm t p k t, Nh B V n àn, Ti ng hát con tàu...* Tìm n cách m ng, tác gi reo vui *Khi ã có h ng r i*. T ây, tác gi b cái tôi cá nhân hòa nh p v i c ng ng:

Trong thung l ng au th ng v n tìm ra v khí

Phá cô n – “ta” hòa h p v i “ng i”

Ch Lan Viên không chìm m vào quá kh nh tr c ây. Ông ch quay v quá kh trong ch c lát “ôn c tri tâm” r i nhanh chóng hòa nh p v i th c t i. Ông sung s ng chiêm ng ng nh ng i thay t ng ngày c a mi n B c XHCN (*Chim l n tr m vòng, Gi a t t tr ng cây, Cái vui bây gi ...*). Ch Lan Viên c ng r t th c ti n khi nh n th c r ng ngành công nghi p s mang l i s ph n vinh cho t n c: *i n và tr ng, Cành phong lan b , Nay ã phù sa, Tàu i, Xu t c ng trúc ...* Trong *Ti ng hát con tàu*, Ch Lan Viên h m h kêu g i thanh niên r i th ô i xây d ng kinh t m i Tây B c. Ông v ra m t khung c nh s ng sôi ng c a Tây B c:

M t ta nh m t ng i, tai ta nh ti ng

Mùa nhân dân gi ng lúa chín rì rào

R ng i mà i, v n tay mà n
M t t n ng nh a nóng c a c n lao

M t trong nh ng n i dung chính c a t p th là tài th ng nh t n c nhà. Ch Lan Viên quê mi n Nam nên hình nh mi n Nam luôn hi n lên trong th ông: *Ý ngh mùa xuân, Cách chia, Gi a ngày Phú L i, Hoa h ng trong b nh vi n, M t ngày th ng nh t, Ngày mai...* So v i các nhà th t p k t khác, Ch Lan Viên vi t v hình nh ng i m khá nhi u: *C m c trên quê m , L ng m i, Trông th , Xem nh...* Trong *G c nhĩn cao*, ông vi t:

G c nhĩn v n x a cao, khó hái
Tám m i, nay m h n l ng còng
Ch p ng Nam B c con th m m
Hái m t chùm ngon, dâng m n

c bi t, Ch Lan Viên c ng có nhi u bài th tình yêu. i u ó ch ng t r n g bên c nh gi ng i u anh hùng ca là ch âm, v n có gi ng i u i t góp vào b nh p ca cu c s ng m i. Th tình c a ông sau Cách m ng không u bu n d t nh tr c ây mà vui say, tình t : *Hoa ào n s m, Tình ca ban mai, Ti ng chim (1), Tr a.* Bài th *Tr ng* khá tiêu bi u cho dòng th tình mi n B c lúc ó:

Gi a hai cây, l i ôi m t em nhìn
Anh n su i, m t em c i d i su i
Lòng anh ch y cho lòng em theo u i
êm ái tình âu c ng m t tr ng em

V ngh thu t, trong t p *Ánh sáng và phù sa*, Ch Lan Viên sáng tác y c hai th th dài và ng n. Có nh ng bài r t dài nh *i ra ngo i ô, Tàu n - Tàu i, Ti ng hát con tàu...* Nh ng áng chú ý h n c là s u t cho th th t tuy t. Trong t p này, có 35 bài th b n câu (chi m t l 50 %). Nhi u bài th n g n nh ng hàm súc nhi u n ý, mang tính trí tu . Trong bài *Toán*, ông cho r ng c i ngu n làm nên mùa

c a th ông là do xu t phát t hi n th c m no và vui s ng c a mi n B c. Ông phát bi u m t cách hình nh:

N i vui mùa lúa chín
C ng v i r ng chim ca
ã nhân lòng ta d y
Chia u tr m trang th

2.3. Th c a Ch Lan Viên th i chi n tranh ch ng M

Trong kho ng th i gian t 1961 n 1977, Ch Lan Viên công b khá nhi u t p th : *Hoa ngày th ng - Chim báo bão* (1967, có 49 bài), *Nh ng bài th ánh gi c* (1972, có 3 bài), *i tho i m i* (1973, có 64 bài). Sau n m 1975, Ch Lan Viên ti p t c công b m t s t p th c ng chung m ch c m h ng. Nh *Hoa tr c l ng Ng i* (1976) g m 12 bài vi t v H Chí Minh. *Hái theo mùa* (1977) g m 75 bài, trong ó có nhi u bài vi t tr c 1975.

Nh ng t p th này ch y u vi t v tài chi n tranh. Ông có h n 20 bài k t i M và chính quy n qu c gia mi n Nam. Th m chí, ông dành riêng m t t p *Nh ng bài th ánh gi c* công kích ch. Trong các nhà th cách m ng ng th i, không có ai vi t nhi u th châm bi m ch m t cách sâu cay b ng Ch Lan Viên. Có th k m t vài bài tiêu bi u nh : *qu c M là k thù riêng c a m i trái tim ta*, *C nh giác*, *C gi c M*, *Cu c vui trong đình c L p*, *Không ai có th c u chúng mày*, *Phác th o cho m t tr n ánh*, *m t bài th di t M*, *Ph n "Di n ca" hay "Ph n di n" ca v h c thuy t Nich-x n*, *Th i s hè 72 - Bình lu n*, *S n M* ...

Bên c nh vi c lên án ch, Ch Lan Viên c ng miêu t không khí ánh gi c c hai mi n. Tr c h t là t mi n Nam - tuy n u T qu c: *Cái h m chông gi n d*, *Ph i có mi n Nam*, *Chu i th anh Tr i*, *Xuân 68 g i mi n Nam T qu c*... Ông c ng ca ng i v p hào hùng c a quân dân mi n B c qua các bài: *Con m t B ch ng - con m t ng a*, *G i Ki u cho em n m ánh M*, *Sao chi n th ng*, *Suy ngh 1966*, *ào*, *Ngh suy 68*, *Nghìn r i ngày êm*, *Tr n tuy n này cao h n c màu da*, *Tùy bút*

m t mùa xuân ánh gi c... Trong *Sao chi n th ng*, Ch Lan Viên ã t ni m tin vào chi n th ng c a hai mi n:

Nghe r ào r t m i b n tri u mi n Nam ang t nh th c

Không! Ba m i tri u kim c ng c a thiên hà T qu c!

*Không! Hàng nghìn tri u ngôi sao sáng anh em ang chi m l nh b u
tr i!*

H a m t Mùa G t L n ngày mai

Bên c nh tài chi n tranh, Ch Lan Viên c ng vi t nhi u bài ca ng i thành qu xây d ng CHXH mi n B c, kh ng nh tính u vi t c a ch . Ông c ng d ng lên chân dung con ng i m i XHCN, kh c h a ùnh yêu th ng, oàn k t, nh t trí m t lòng c a dân quân. Trong bài *T qu c có bao gi p th này ch ng ?*, Ch Lan Viên ã v ra m t thiên ng mi n B c:

Nh ng ngày tôi s ng ây là ngày p h n t t c

Dù mai sau i muôn v n l n h n!

Trái cây r i vào áo ng i ng m qu

ng nhân lo i i qua bóng lá xanh r n

M t tr i n m i ngày nh khách l

G p m i m t ng i u mu n ghé môi hôn...

Ch Lan Viên là m t trong nh ng nhà th vi t v Bác H nhi u nh t. T n m 1955, ông có vi t khá nhi u bài v tài này nh : *B a c m th ng trong b n nh* , *Ng i i tìm hình c a n c* , *Bác, Bác v n còn ây*, *Hoa m c trong v n Bác*, *Trung thu 69...* N m 1976, Ch Lan Viên in t p *Hoa tr c l ng Ng i g m* có 12 bài vi t v Bác. Ch Lan Viên luôn ghi nh công n c a ng và Bác ã kéo ông ra kh i v ng bùn siêu hình có v trí v vang trong xã h i m i. Trong *Ng i thay i i tôi*, *Ng i thay i th tôi*, ông vi t:

Ôi gi a lòng ta, Bác n t h i nào?

Bác v i mà ch ng làm ai kinh ng c

M t bu i sáng, nhìn lòng ta, ta th y Bác

N c m t ràn, ta c m h t n sâu.

Ph n l n th c a Ch Lan Viên giai o n này mang m c m h ng s thi, c p n nh ng “tình c m l n” mang tính c ng ng. Bên c nh ó, ông c ng có nhi u bài v tình yêu nam n : *Chùm nh th yêu, Hoa nh ng ngày th ng, Nh , Nh em n i huy n nh , Qu v i vào mùa, Tr i ã l nh r i, Rét u mùa nh ng i i v phía b ...* Trong s nh ng bài vi t theo c m h ng i t , Ch Lan Viên có 8 bài vi t cho con: *Bé Th m àn, Con i s tán xa, Con cò, Con h i cha, Con lên Qu Vĩ, Con t p nói, Con th c y, t tên con, i th con, Vào chùa ...* Nh v y, Ch Lan Viên không ch quan tâm n nh ng v n l n lao c a c ng ng mà còn dành góc nh riêng t cho gia ình mình.

Ch Lan Viên c ng có khá nhi u bài vi t v tình yêu thiên nhiên. bày t suy t ng v các loài hoa, ông th ng dùng hình th c th t tuy t, có phong v ng thi. Ch Lan Viên c ng th a nh n vai trò c a ngo i c nh trong vi c hình thành c m h ng sáng tác. Trong *S tay th* , ông cho r ng c m h ng v v p thiên nhiên ã góp ph n t o nên s thành công c a m t n a bài th :

Bài th anh, anh làm m t n a mà thôi,

Còn m t n a cho mùa thu làm l y.

Cái xào x c h n anh chính là xào x c lá.

Nó không là anh, nh ng nó là mùa.

Ch Lan Viên c ng th ng tri t lý v hình th c ngh thu t th . Ông quan ni m: “*Hình th c c ng là v khí / S c p nh câu th c ng ph i u tranh cho chân lý*” (*Ngh v th II*). V m i quan h gi a n i dung và hình th c, ông cho r ng, n i dung th nào thì hình th c th y. Ông ví hình th c chính là s th hi n dáng v c a cây lá, còn n i dung chính là h ng th m c a cây. Trong bài *N i dung và hình th c*, ông vi t:

*Nh ng lá th m hái lúc v già
Hái nh ng lá có h ng t t ng
Khi cây ã hóa tr m trong ru t
Lá r i, ph i i gì hoa ?*

M c dù không còn theo tr ng phái “v ngh thu t” nh ng Ch Lan Viên c ng ch m chút cho hình th c ngôn t khá nhi u. M i v n th c a ông bay b m, giàu hình nh, a ngh a. Trong *T p qua hàng*, ông di n t câu th b ng m t hình th c m i. Qua ó, ta th y r ng th cách m ng Vi t Nam th i chi n tranh không n i u v hình th c ngh thu t:

*Ch m t ngày n a thôi. Em s
tr v . N ng s m c ng mong. Cây
c ng nh . Ngõ c ng ch . Và b m
c ng thêm màu trên cánh ang bay.*

2.4. Th Ch Lan Viên nh ng n m cu i i

K t sau t p *Th hái theo mùa* (1977), th Ch Lan Viên r sang m t ch ng ng m i. N m 1984, Ch Lan Viên xu t b n t p th *Hoa trên á*, g m 15 bài. T p này còn g i là *Hoa trên á* (I) phân bi t v i *Hoa trên á* (II) g m nh ng bài ã ng báo nh ng ch a in thành sách. T p th cu i cùng in sách khi ông còn s ng là *Ta g i cho mình* (1986).

các t p này, s c sáng t o c a Ch Lan Viên không còn c d i dào nh tr c. Nh ng bù l i, ông t ng c ng n i du ng tri t lý. T kho ng n m 1980 tr i, th Ch Lan Viên r dòng, b c m h ng anh hùng ca chuy n sang th s i t . Ông th ng chiêm nghi m l ch s trung i: *K ni m Nguy n Du, L h i âm, Ngh thêm v Nguy n, C lau inh B L nh, G i tr ng Thông h Hoàng, Cành ào Nguy n Hu , Côn S n...* Lúc v h u, Ch Lan Viên m i có đ p v th m l i quê nhà, suy t v nh ng thay i c a i ng i. Ông *Tr l i An Nh n* nh m t ng i khách l :

*Trở lại An Nhàn, tuổi trẻ
Bên chái ngày nhàn chèo còn ai
Nên nhà nay đặng cớ quan mệ
Chèo lữ thắm quê hương ơi!*

Phản luận những bài trong tập *Hoa trên á thu* có thể thấy tuy vậy, duy chỉ một bài khá dài là *Th bình phụng - i l p phụng*. Trong tác phẩm này, Ch Lan Viên từng kể lại hành trình thơ dài đặng đặng của mình. Ông thấy rằng lúc phi chuyên hàng không khi vượt quá giới hạn cho phép của các ngành thơ. Và ông thấy rằng lúc phi vì lợi ích, vì lợi cho mình, thay vì vì lợi cho công đồng nhân loại của nhân dân.

*Chiều ơi!
Gửi chim anh v. thôi!
Chẳng cần chim anh rong ruổi
Phát triển đặng bay mình mê mệ
Vượt quá chân trời, vượt quá chân mây
Hãy thu về hình thức thôi!
Lùa nghìn câu thơ nát cả anh vào trang giấy!
Bài thơ mới của anh đâu? Khuất mãi!
Vội nhanh lên! Nghe hát, chiều ơi!*

Ch Lan Viên cũng trích dẫn về nhiệm vụ của nhà thơ và cảm thấy rằng mình chỉ “*một tiếng nói tại các tác gia / Làm một tiếng nói bà con cô bác*”. Thấy chỉ tranh, ông cho rằng thơ ca có sự mâu thuẫn vì: “*Vóc nhà thơ ngang tầm chí nhân lý*”. Thấy như vậy, ông thấy rằng của mình vô dụng vì không có khả năng làm dù nói đâu của nhân dân:

*Anh chỉ mong câu thơ anh sáng khảm thêm, có ích quá một ngày
Úng cái thêm bà mẹ con con một câu thơ cho kh*
(*Th bình phụng - i l p phụng*)

Di c o th (ba t p) c xu t b n sau khi Ch Lan Viên m t. Nh ng bài th này c sáng tác vào nhi u th i i m khác nhau, nh ng ch y u là sau n m 1975. Nh ng bài th trong di c o c vì t b ng m t gi ng v n hoàn toàn khác v i th i chi n tranh. Ch Lan Viên c ng th a nh n i u ó:

*Gi ng cao bao nhiêu n m, gi anh hát gi ng tr m,
Ti ng hát l n v i im lìm c a t
V n l ng yên mà th m mùi mít m t
Còn h n anh r gi ng hát vang ngân.*

(*Gi ng tr m*)

Ch Lan Viên có gi ng i u u bu n khi c p n n i au c a nh ng ng i lính. H ã kh trong chi n tranh, nay hòa bình c ng kh . Trong *M t ng i th ng*, Ch Lan Viên th a nh n mình có m t th i không quan tâm t i n i au c a ng i. Ông ch lo “*d h i, liên hoan, tình ca, h i th o*” mà quên r ng ng i c v n v t v : “*Anh ta v n kh / Con vào tr ng không có ch / n b nh vì n không t i n*”. Ông c ng m nh d n cho r ng, nhà th ph i ch u trách nhi m v i sinh m nh ng i trên chi n tr ng (*Ai ? Tôi !*).

Ch Lan Viên nhìn l i m t th i làm v n ngh theo ki u ng ca: “*Chúng ta b ng d ng thành v t!*” (*Ba l n*). Không ch là v t mà nhi u ngh s còn s ng gi , không th c v i mình. H gi ng nh các vai di n trên sân kh u (*o di n*). Ông ví v i c làm th v i v i c “*Cô T m*” th hài: “*Tôi chôn hàng tr m hài hoa vào trang th / B i lên ch nh t c x ng gà!*”. Có l ch có Ch Lan Viên là dám m nh d n ch trích nh ng m t y u kém c a th cách m ng. Khi ã th a nh n nh ng khuy t i m c a mình, ng i ta tr nên m nh m h n. Ch Lan Viên ã m nh d n ng h nh ng i m i c a “*Th th k 21*”:

*Th không th cù l n
Các ch hóa th n
Các ch thành thiêng*

*Mà th c n cà ch n
y là m t cách a nghi th*

Trong *Di c o th*, Ch Lan Viên ã làm cu c ph nh n l n th hai. L n này, ông có v xích l i g n th Ti n chi n. Tuy nhiên, ó ch là ý nguy n vì ông không th có c s c sáng t o d i dào nh th i tr . Trong *H i ký bên trang vi t*, ông th a nh n mình v n ch a t t i nh ng tác ph m nh cao nh m c m t th i:

*Tôi ti p c n trang gi y ngày m i sáu tu i
Bây gi sáu ba
Cái trang m c m t i ch a v i t i
D n xa*

3. Phong cách ngh thu t th Ch Lan Viên

Ch Lan Viên có m t hành trình sáng tác khá dài v i s l ng tác ph m r t nhi u. m i giai o n l i có m t ki u sáng tác và c m h ng th m m khác nhau, th m chí i l p nhau. B i v y, ng i ta th ng nghiên c u phong cách th Ch Lan Viên qua t ng giai o n. Tuy nhiên, bên c nh nh ng nét khác bi t c a t ng th i k , ta c ng tìm c m t s c i m chung nh t quán qua các giai o n sáng tác c a ông.

3.1. Th Ch Lan Viên giàu ch t tri t lý

Ch Lan Viên r t thích tri t lý, suy t ng, tu i càng cao thì ông suy t càng nhi u. Qua các t p th , ta th y m c tri t lý có s v n ng nh sau: tr c Cách m ng tháng Tám, Ch Lan Viên có tri t lý nh ng không nhi u. Trong t p *iêu tàn*, ông th ng b c l n i bu n, ch t v n th s nh ng ít úc k t thành quy lu t s ng. Tuy nhiên, ng i ta c ng ã th y c tính cách a suy t c a c u thi u niên 16 - 17 tu i:

*Ngày mai ây, muôn loài r i tan rã
V tr kia r i bi n ra h không*

(Bóng t i)

Sau n m 1955, th Ch Lan Viên t ng d n ch t tri t lý. Nh ng n m kháng chi n ch ng Pháp, Ch Lan Viên ã có nhi u c h i tr i nghi m cu c s ng. T ó,

ông úc k t nên nh ng quy lu t s ng: “*Khi ta , ch là n i t / Khi ta i, t ã hóa tâm h n*”. T sau n m 1965, cu c chi n tranh ch ng M ngày càng kh c li t. Quân dân mi n B c b n r i hàng lo t B52, v khí t i tân nh t c a loài ng i. Tr c nh ng chi n th ng ó, Ch Lan Viên i tìm c i ngu n s c m nh c a cách m ng. Trong *Th i s h è 72 - Bình lu n*, ông khái quát ý ngh a c a cu c chi n tranh Vi t Nam i v i th gi i:

Tên T qu c vang xa ngoài b c õi
Ta i tri u t n bom mà hái m t tr i h ng
Ta m c d y tr c m t nhìn nhân lo i
Hai ch Vi t Nam ng ngh a v i anh hùng.

Su t i, Ch Lan Viên luôn t ch t v n mình. Trong th i chi n tranh, ông ph nh n con ng i c a mình tr c n m 1945. Thu ó, “*T qu c trong lòng ta mà có c ng nh không*”. Ông l c l i c õi m m ng, o t ng: “*Ta làm con nai l c gi a r ng thu / Làm h sa c gi n v n bách th o / Làm bóng ma H i s so ng êm m*” (*Ng i thay i i tôi, ng i thay i th tôi*). Sau khi ph nh n quá kh , Ch Lan Viên làm l i cu c i. Ông cao con ng i có kh n ng c i t o hoàn c nh, m m cho s s ng m i h i sinh. Trong *Hai câu h i*, ông vì t:

"Ta là ai?" nh ng n gió siêu hình
Câu h i h vô th i nghìn n n t t
"Ta vì ai?" kh xoay chi u gió b c
Bàn tay ng i th p l i tri u ch i xanh.

Nh ng n m cu i i, Ch Lan Viên làm m t cu c ph nh n l n th hai. Ông nhìn l i con ng i nhà th c a ông th i chi n tranh và nh n th y mình nh con v t. Trong *Th v th*, ông xem nhà th gi ng nh m t di n viên ch làm theo yêu c u c a o di n ch không s ng th t v i con ng i mình:

Ng i di n viên y óng tr m vai vai nào c ng gi i
Ch m t vai không óng n i:

Vai mình !

Ch Lan Viên th ng tìm t i tri t h c nhân sinh tìm ra b n th c u c i. Trông *H i - áp*, ông th y i ng i phù du, trôi n i nh h t s ng, dòng sông, vì sao l c... Ông t h i và t áp vì không ai có th tr l i c câu h i “ta là ai”:

Con ng i ng ng lên tr i làm tri t h c:

Ta là ai? V âu? H t móc

Là ta ch ng? Dòng sông là ta ch ng? Ti ng khóc

Là ta ch ng? Vì sao l c ph ng tr i

Là ta ch ng? Ta ch a k p tr l i

Thì sông ã cu n ta vào bóng t i

Ngoài nh ng bài tri t lý nhân sinh, Ch Lan Viên c ng có khá nhi u bài tri t lý ngh thu t: *S tay th*, *Ngh v ngh - ngh v th - ngh ...*, *Th bình ph ng - i l p ph ng*, *Gi ng tr m*, *T ng ã... hay âu...*, *Tìm ng*, *Trang gi y*, *Phong cách*, *Th v th*, *Ai ? Tôi !*, *c th m ch ng m v n b n*, *Tri âm*, *t*, *Con thuy n*, *Tín hi u*, *Th cao c ...* Ch Lan Viên ã t ng quan ni m th ph i l th ng, cao siêu. R i ông l i ph nh n lo i th này cao lo i th có giá tr c v chi n u: “*Th không ch a ru mà còn th c t nh / Không ph i ch “ h i” mà còn p bàn, quát tháo, lo toan*” (*Ngh v ngh*, *ng v th*, *ng ...*).

Ch Lan Viên th ng a ra nh ng tri t lý cao siêu khó hi u, di n t c u k . Ch ng h n, trong nhan bài th *Th bình ph ng - i l p ph ng*, ông dùng nh ng thu t ng toán h c ch quan ni m cu c s ng cao h n ngh thu t. Ch Lan Viên c ng phát hi n ra thu t ng “thi s” ch hai lo i nhà th có h ng i trái ng c nhau. Và ông m c “thi s” không nên là ng âm d ngh a mà nên là d âm ng ngh a:

Thi s, m t ch ng âm và d ngh a

Có nhà th bìn l p m t dòng

Ng i khác m ng ra b

K b n b bát ngát ngã ba sông

Thà d âm, ng ngh a có h n không ?

Nhìn chung, Ch Lan Viên thích tri t lý. Nh có t duy ph n bi n không ng ng mà ông c ng không ng ng phát hi n ra nh ng ngh ch lý trong cu c s ng l n trong vi c sáng tác th . Ch t tri t lu n phát tri n m nh trong th Ch Lan Viên t sau n m 1955. Và i u ó ã làm cho ông ng u khuynh h ng tri t lu n trong th cách m ng Vi t Nam.

3.2. Ch Lan Viên th ng s đ ng bút pháp so sánh i l p

V n có trí tu s c s o, tính cách a tranh lu n, Ch Lan Viên th ng t các s v t hi n t ng trong th so sánh i l p. Ông th ng liên t ng n các c p i l p ngh ch chi u nh : vui - buồn, ánh sáng - bóng t i, h nh phúc - tai ng, cay ng - ng t ngào, h u h n - vô h n, t n t i - h vô, yêu th ng - c m thù, dân t c - nhân lo i, cá nhân - t p th ...

Có khi, k t c u i l p y di n ra trong n i b m t dòng th . Ch ng h n, ông t hai n i dung t ng ph n trong cùng m t câu th : “*X a phù du mà nay ã phù sa*”, “*X a bay i mà nay không trôi m t*”, “*Tr m c n m không ch ng n i m t êm dầy*”, “*Tuyên b c a m i lòng ng i: kh u súng - cành hoa*”, “*B ng sau au th ng. L i òa h nh phúc / Hôm qua ng mi ng. Mà nay ng t ngào*”... S i l p y c ng di n ra trong m t o n th :

X a sông Ngô ta ánh m t vàng

ánh m t tâm h n ta. Nh ng hi n t i

Nh ng sông T ng ã tr vàng ta l i

Kh p ôi b t t ng c hói hào quang

(Vàng c a lòng tin)

Ch Lan Viên c ng có r t nhi u bài th c trình bày theo k t c u i l p: *B a c m th ng trong b n nh* , *Ng i i tìm hình c a n c*, *Ng i thay i i tôi* -

Ng i thay i th tôi... Ch ng h n, Trên ng v , Ch Lan Viên ch ng ki n hai b c tranh i l p c a n c Chàm. M t c nh ph n hoa:

ây, i n các huy hoàng trong ánh n ng
Nh ng n ài tuy t m d i tr i xanh
ây, chi n thuy n n m m trên sông l ng
B y voi thiêng tr m m c d o bên thành

M t c nh tàn ph c a n c Chàm:

ây, nh ng c nh ngàn sâu cây l ng n
Muôn Ma H i s so ng d t nhau i
Nh ng r ng th m bóng chi u lan h n n
L ng h ng a, r n rã ti ng t qui!

bài Trên ng v , cùng m t không gian nh ng l i i l p nhau v th i gian.
Còn bài ng quên, trong cùng m t th i gian nh ng có s i l p v không gian:

N a n c hòa bình
N a n c chi n tranh
C trong hai câu th Vi t Nam
M t còn ang rách xé
C trong hai dòng sông, dãy núi Vi t Nam
M t ang cày lên vì n M

S i l p c ng th hi n vì c dùng các hình nh có ý ngh a t ng ph n. N u t p iêu tàn, Ch Viên th ng dùng hình nh bóng êm thì trong t p Ánh sáng và phù sa, ông th ng dùng hình nh ánh sáng. Trong Nh t ký m t ng i ch a b nh, ông so sánh hai o n i sáng tác. Giai o n tr c n m 1945 c ví nh “chi u tà”. Giai o n sau n m 1945 c ví nh “n ng mai”. Không gian u ám c a quá kh s b xua u i d n nh ng ch cho không gian t i sáng c a t ng lai:

ng u i th tôi vì m t chút chi u tà nào ng bóng
Hãy kiên lòng s th y n ng mai lên

Cu i i, Ch Lan Viên l i t mâu thu n v i mình. Ông th y s không t ng h p gi a hành ng bên ngoài và b n ch t bên trong c a nhà th . Trong *Th bình ph ng - i l p ph ng*, ông i l p gi a cái v hình th c bên ngoài và cái b n ch t bên trong nhà th . Hóa ra, nhà th c ng gi t o, c ng sai l m nh ng i th ng. Ông ã xóa b t t ng th n thánh hóa nhà th :

N a i th , anh m i ch t hi u r ng
Lâu nay có n a ph n nhân lo i s ng gi a màu tuy t tr ng
Cái ph n nhân lo i trong anh cay ng
Th y mình xa nhân lo i bên ngoài

Nh v y, Ch Lan Viên không ng ng t o ra s i l p trong th mình. Ông nh m t nhà khoa h c i tìm chân lý. V a phát hi n ra nh lý này thì ã nghi ng và ph nh n nó. Sau ó, a ra m t nh lý khác r i cu i cùng, nh lý này c ng b thay b ng nh lý khác. Ch Lan Viên i h t t i c c này sang i c c khác. S i c c này gi ng nh con ong hút hoa t o m t ho c con t m rút ru t nh t :

Dù con ong l y khách-th -hoa làm b n-ngã-m t c a mình
Hay con t m em b n th mình kéo t cho i m c
Dù ong ph i bay ngàn cánh bay m i nên gi t m t
Hay t m giam mình t i ch nh ra t
Trong sáng t o, chúng u hai c c

(*Th bình ph ng - i l p ph ng*)

3.3. Th Ch Lan Viên giàu hình nh, a ngh a

V n là ng i giàu trí tu và có ý th c cao trong ngh làm th , Ch Lan Viên không mu n t o ra nh ng câu th nh t nh t. T t p iêu tàn, ông ã có ý th c tô v nên nh ng màu s c c a th mình: “*Tìm cho nh ng nét th xanh c / Trong nh ng t th lá v o vàng*” (*Thu*). Trong bài *Máu x ng*, ông ã dùng các nh ng ngh thu t “cánh th i gian”, “bi n tr n gian” và nhi u bi n pháp tu t khác làm cho câu th giàu hình nh sinh ng:

*Ta không mu n i ngày h i th t t
 Cánh Th i Gian bay ch m quá, ng i i!
 Ngày c xuân, tu c nóng, máu c t i
 Bi n Tr n Gian, thuy n h n không g p b n*

Sau n m 1945, m c dù có thay i c m h ng sáng tác, Ch Lan Viên v n ti p t c phát huy l i th trí tu , giàu hình nh: *Mái ình cong cong nh bàn tay em gái, Th là ti ng hú lên vô v ng gi a b th i gian tr ng xóa...* Ông ã dùng th pháp nhân hóa làm cho câu th sinh ng: *“Bài th anh, anh làm m t n a mà thôi / Còn m t n a cho mùa thu làm l y”* (*S tay th*). Trong *Ti ng hát con tàu*, di n t nh ng v n mang tính t t ng, ông s d ng hai bi u t ng là Tây B c (hoán d) và con tàu (n d): *“Tây B c ? Có riêng gì Tây B c / Khi lòng ta ã hoá nh ng con tàu”*. di n t nh ng v n tình c m, Ch Lan Viên s d ng l i so sánh tu t :

*Con g p l i nhân dân nh nai v su i c
 C ón giêng hai, chim én g p mùa
 Nh a tr th ói lòng g p s a
 Chi c nôi ng ng b ng g p cánh tay a
 Anh b ng nh em nh ông v nh rét
 Tình yêu ta nh cánh ki n hoa vàng
 Nh xuân n chim r ng lông tr bi c
 Tình yêu làm t l hoá quê h ng*

Nh ng n m cu i i, Ch Lan Viên quan tâm t i m t n i dung t t ng tri t h c nh ng c ng không quên ch m chút hình th c ngh thu t th . Ông v n ti p t c l i di n t giàu hình nh t o nên nh ng câu th t i rói s c màu. Ch ng h n, ông dùng l i nói n d khuyên nh nh ng ng i qu n lý v n hóa ng ng n c n nh ng cách tân c a th tr :

*Khi anh g n ch ng v ng
 Thì có ng i bình minh*

ng l y hoàng hôn anh ng n c n

Ban mai c a h sinh thành.

Th Ch Lan Viên v n giàu ch t trí tu nên khó hi u. L i càng khó hi u h n khi ông di n t các tri t lý b ng các bi u t ng. Nh ng bi u t ng này m i m và a ngh a do c l p ghép t hai hình nh khác nhau ho c m t t ch cái c th , m t t ch cái tr u t ng: *mùa nhân dân, con m t B ch ng, l h i âm, cây siêu hình, s i ch h vô, sen t t ng, h t mu i th , cái cân th ...*

Th c a Ch Lan Viên c ng y nh ng i n tích, l i nói ám ch , liên v n b n. Ch ng h n, trong bài *Ng i i tìm hình c a n c* , ta ph i hi u l ch s , v n hóa Vi t Nam trung i m i hi u câu: “*Quanh h G m không ai bàn chuy n vua Lê / Lòng ta ã thành râu phong chuy n c*”. Ta ph i c nhi u th lãng m n Vi t Nam n a u th k XX m i có th hi u c câu:

L chúng ta ng trong gi ng chi u h p

Gi c m con è nát cu c i con

H nh phúc ng trong m t tà áo p

M t mái nhà yên r bóng xu ng tâm h n

Có m t th i, ng i ta quá cao cái chung c a c ng ng, che gi u cái riêng c a cá nhân. V n h c ch miêu t con ng i bên ngoài, ít nói n con ng i bên trong. Nhà v n ch t o ra nh ng con ng i n di n, muôn ng i nh m t, ít t o ra nh ng con ng i a di n v i nh ng nhu c u, cá tính riêng. Ch Lan Viên cho r ng, ngh s c ng mang nhi u b m t, có m t gi , có m t th t. Nhi u khi, nh ng c ch c a cái m t gi làm au lòng cái m t th t. Ch Lan Viên ví mình nh *Tháp Bay-on b n m t*, c ng a di n và ph c t p, bí n:

Anh là tháp Bay-on b n m t

Gi u i ba, còn l i y là anh

Ch m t ó mà nghìn trò c i khóc

Làm au ba m t kia trong cõi n hìn h

Mu n hi u c d ng ý c a bài th , ph i hi u c ki n trúc tháp Bayon Campuchia. M i tháp có b n m t quay v b n h ng. Nhìn h ng chính di n, ng i ta ch th y có m t m t, còn ba m t kia b khu t. Con ng i c ng mang nhi u b m t khác nhau. Cái m t l ra ngoài gi ng nh m t n , nh ng ch dùng di n trò. Còn ba m t th t d u vào trong, không dám th hi n. i u ó c ng có ngh a là, th ông v n a ngh a nh ng ch hi n ra ngoài m t ngh a, còn ba ngh a còn l i n gi u vào trong.

❖ K t lu n

Ch Lan Viên có m t cu c i ho t ng r t quanh co ph c t p. Tr c n m 1945, ông tr n vào các tháp Chàm mi n Trung. Cách m ng tháng Tám ã kéo ông ra và hòa nh p vào c ng ng cách m ng. Ông ã thành m t chi n s h ng say trên tr n tuy n v n hóa, dùng th c a mình ph c hai m c tiêu chi n l c c a ng: công cu c xây d ng CNXH mi n B c và chi n u gi i phóng mi n Nam. Nh ng n m cu i i, ông nhìn l i ch ng ng ho t ng v n hóa c a mình v i nhi u tr n tr suy t .

Th c a Ch Lan Viên c ng ph n ánh chân th c các ch ng ng t t ng c a ông. Tr c 1945, th c a ông c súy cho ch ngh a t ng tr ng siêu th c, i tìm cái phi th ng, cái m ng t ng xa v i. Trong giai o n 1945 - 1980. Ch Lan Viên theo ph ng pháp sáng tác hi n th c XHCN, t ng c ng tính chi n u, tính nhân dân. Th ông h ng v các v n th i s nóng h i c toàn th dân t c quan tâm. Nh ng n m cu i i, ông r i b c m h ng anh hùng ca tr l i c m h ng th s i t .

M c dù con ng th có quanh co ph c t p nh ng v n có m t s c i m xuyên su t qua các giai o n sáng tác. ó là tính tri t lý suy t ng, thích khai thác các t ng quan i l p, giàu hình nh a ngh a. Nh ng i u ó ã làm cho th Ch Lan Viên có m t b n s c riêng, không d pha tr n v i các nhà th cách m ng khác.

Sau nh ng b c ng x lý m i t ng quan gi a cái chung và cái riêng, Ch Lan Viên ã xác nh c m t phong cách riêng: Ta v n là Ta.

❖ *Câu h i th o lu n và ôn t p*

1. Phân tích d u n c a th l ăng m n Ti n chi n trong các tác ph m: *Tây Ti n* (Quang D ng), *Ngày v* (Chính H u), *Màu tím hoa sim* (H u Loan)
2. Hình t ng cái “tôi” tr ùnh trong th Vi t Nam th i kháng chi n ch ng Pháp.
3. B c tranh i s ng m i mi n B c trong th Vi t Nam giai o n 1955 - 1964.
4. C m h ng anh hùng ca trong th Vi t Nam giai o n 1965 - 1975
5. S v n ng c a th T H u qua ba t p: *T y*, *Vi t B c* và *M t ti ng n*.
6. Hãy ch ra nh ng nét khác nhau c a th Ch Lan Viên tr c và sau n m 1945. Ch n phân tích m t bài th tiêu bi u cho tính tri t lý trong th Ch Lan Viên.